



TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG (Chủ biên)

NGUYỄN HÀ AN – PHẠM THỊ KIM DUNG – NGUYỄN THỊ TOÀN

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

10

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG (Chủ biên)
NGUYỄN HÀ AN – PHẠM THỊ KIM DUNG – NGUYỄN THỊ TOÀN

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

10

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

SÁCH GIÁO VIÊN

nguvanthes.com

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

HS	học sinh
GV	giáo viên
SGK	sách giáo khoa
SGV	sách giáo viên



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 là tài liệu dùng cho các thầy cô dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10, biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Sách được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua việc gắn kết kiến thức với thực tiễn và cách tổ chức hoạt động cho học sinh trong quá trình dạy học. Sách gồm hai phần:

PHẦN MỘT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Hướng dẫn và định hướng giáo viên về: mục tiêu, nội dung chương trình Giáo dục Kinh tế và Pháp luật cấp Trung học phổ thông và yêu cầu đối với môn *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10*; tài liệu và phương tiện dạy học; phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra, đánh giá.

PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

Hướng dẫn giáo viên xác định mục tiêu bài học; chuẩn bị thiết bị dạy học và học liệu cho bài học; hướng dẫn các hoạt động dạy học chủ yếu trong các bài cụ thể.

Trên cơ sở những hướng dẫn này, các thầy cô có thể vận dụng linh hoạt và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và đối tượng học sinh.

Hi vọng cuốn sách là tài liệu hướng dẫn dạy học hữu ích, giúp quý thầy, cô dạy học môn *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10* một cách hiệu quả. Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng nhưng cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Kính mong quý thầy, cô góp ý để sách được cập nhật và không ngừng hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dạy – học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật của giáo viên và học sinh.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỘT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	6
I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ PHÁP LUẬT 10	6
II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10	14
III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10	20
IV. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10	24
PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ	29
GIÁO DỤC KINH TẾ	29
Chủ đề 1: NỀN KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ	29
Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	29
Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	34
Chủ đề 2: THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG	40
Bài 3: Thị trường	40
Bài 4: Cơ chế thị trường	45
Chủ đề 3: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THUẾ	51
Bài 5: Ngân sách nhà nước	51
Bài 6: Thuế	56
Chủ đề 4: SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH	61
Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	61
Chủ đề 5: TÍN DỤNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG	68
Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống	68

Bài 9: Dịch vụ tín dụng.....	73
Chủ đề 6: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN.....	83
Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	83
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT	91
Chủ đề 7: PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	91
Bài 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật	91
Bài 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam	100
Bài 13: Thực hiện pháp luật	107
Chủ đề 8: HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	115
Bài 14: Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	115
Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị.....	120
Bài 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp....	126
Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường.....	133
Bài 18: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	141
Chủ đề 9: HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.....	149
Bài 19: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam.....	149
Bài 20: Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	158
Bài 21: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.....	167
Bài 22: Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân	176
Bài 23: Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân	182

I MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10

1. Mục tiêu dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật cấp Trung học phổ thông

Môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật giúp HS:

– Tiếp tục phát triển các phẩm chất đã được hình thành, phát triển ở cấp Trung học cơ sở: có hiểu biết và tình cảm, niềm tin về những giá trị đạo đức của dân tộc và thời đại, đường lối phát triển đất nước của Đảng và quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; tích cực, tự giác học tập và tham gia lao động, sản xuất phù hợp với khả năng của bản thân; có trách nhiệm công dân trong thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước; nhận thức, hành động theo lẽ phải và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, chống các hành vi, hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

– củng cố, nâng cao các năng lực đã được hình thành, phát triển ở cấp Trung học cơ sở: đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; lập được mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân và thực hiện được các công việc học tập, rèn luyện để đạt mục tiêu kế hoạch đã đề ra; có kiến thức phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật; vận dụng được các kiến thức đã học để đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế; có kĩ năng sống, bản lĩnh để tiếp tục học tập, làm việc và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

2. Nội dung chương trình môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Chương trình môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật được xây dựng theo hai mạch kiến thức:

- Giáo dục kinh tế
- Giáo dục pháp luật.

Nội dung các mạch kiến thức này được phân phối với 45% thời gian dành cho giáo dục kinh tế, 45% dành cho giáo dục pháp luật và 10% dành cho kiểm tra, đánh giá.

Nội dung khái quát môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Nội dung		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
GIÁO DỤC KINH TẾ (45%)	Hoạt động của nền kinh tế	- Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế - Thị trường và cơ chế thị trường	- Cạnh tranh, cung, cầu trong kinh tế thị trường - Lạm phát, thất nghiệp	- Tăng trưởng và phát triển kinh tế - Hội nhập kinh tế quốc tế
	Hoạt động kinh tế của Nhà nước	Ngân sách nhà nước và thuế	Thị trường lao động, việc làm	Bảo hiểm và an sinh xã hội
	Hoạt động sản xuất kinh doanh	- Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh - Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	- Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và năng lực cần thiết của người kinh doanh - Đạo đức kinh doanh	- Lập kế hoạch kinh doanh - Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
	Hoạt động tiêu dùng	Lập kế hoạch tài chính cá nhân	Văn hoá tiêu dùng	Quản lý thu chi trong gia đình
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (45%)	Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân		- Quyền bình đẳng của công dân - Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân - Một số quyền tự do cơ bản của công dân	- Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế - Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hoá, xã hội
	Hệ thống chính trị và pháp luật	- Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam		Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế

3. Yêu cầu đối với môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10

a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học đã được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể.

b) Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Các năng lực được hình thành, phát triển trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội) là biểu hiện đặc thù của năng lực chung và năng lực khoa học đã nêu trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể. Yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù này ở môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật như sau:

*** Năng lực điều chỉnh hành vi**

– Nhận thức chuẩn mực hành vi:

- + Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- + Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế, các chuẩn mực đạo đức trong sản xuất kinh doanh và tiêu dùng.
- + Có hiểu biết cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế.

– Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:

- + Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- + Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

– Điều chỉnh hành vi:

- + Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về kinh tế – xã hội.
- + Kiểm soát được tài chính cá nhân.

*** Năng lực phát triển bản thân**

– Tự nhận thức bản thân: Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, vai trò, giá trị, điều kiện và các quan hệ xã hội của bản thân.

- Lập kế hoạch phát triển bản thân:
- + Tự đặt ra được mục tiêu, kế hoạch, biện pháp học tập, rèn luyện và kế hoạch tài chính phù hợp của bản thân.
- + Bước đầu biết tạo lập, xây dựng ý tưởng cho một hoạt động kinh doanh nhỏ; lựa chọn được mô hình hoạt động kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.
- + Xác định được hướng phát triển nghề nghiệp phù hợp với bản thân sau Trung học phổ thông.
- Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân:
- + Thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện các công việc, nhiệm vụ học tập, rèn luyện để đạt mục tiêu, kế hoạch đã đề ra và hướng tới các giá trị xã hội.
- + Điều chỉnh được mục tiêu, kế hoạch, phương pháp học tập, rèn luyện phù hợp với sự thay đổi của cuộc sống; khắc phục được sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình thực hiện mục tiêu, kế hoạch đã đề ra; lựa chọn được các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.

*** Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội**

- Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội:
- + Hiểu được những vấn đề cơ bản về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Hiến pháp, pháp luật; hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền và nghĩa vụ công dân; trách nhiệm của thanh niên với tư cách công dân.
- + Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề kinh tế, pháp luật và đạo đức đang diễn ra ở Việt Nam và trên thế giới.
- Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:
- + Vận dụng được các kiến thức đã học để thảo luận, phân tích, đánh giá, xử lý được các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống có liên quan đến đạo đức, kinh tế, pháp luật.
- + Có khả năng tham gia một số hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế.
- + Tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội, các hoạt động phục vụ cộng đồng, các hoạt động tuyên truyền và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với lứa tuổi do nhà trường, địa phương tổ chức,...

c) Yêu cầu cần đạt đối với các chủ đề trong chương trình Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	PHẨM CHẤT	NĂNG LỰC	
			Năng lực chung	Năng lực đặc thù
1. Nền kinh tế và các chủ thể trong nền kinh tế	– Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội. – Nhận biết được vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế. – Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc tham gia các hoạt động kinh tế. – Tìm tòi, học hỏi và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.	Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
2. Thị trường và cơ chế thị trường	– Nêu được khái niệm thị trường, cơ chế thị trường. – Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường. – Nêu được ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường. – Nêu được giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường. – Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. – Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.	Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
3. Ngân sách nhà nước và thuế	– Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước. – Liệt kê được đặc điểm, vai trò của ngân sách nhà nước. – Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế.	Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	

	– Gọi tên được một số loại thuế phổ biến. – Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách và pháp luật thuế. – Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách và thuế.			Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
4. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	– Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh. – Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó. – Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.	Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
5. Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	– Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng. – Kể tên được một số dịch vụ tín dụng và mô tả đặc điểm của chúng. – Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng. – Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.	Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội

6. Lập kế hoạch tài chính cá nhân	– Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân. – Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. – Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân. – Kiểm soát được tài chính cá nhân.	Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
7. Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	– Nêu được: + Khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. + Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam. + Khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật. – Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật. – Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.	Yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
8. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	– Nêu được: + Khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. + Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; quyền con người,	Yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội

	quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bộ máy nhà nước. – Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. – Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.			
9. Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	– Nêu được: + Đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. + Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân. – Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta. – Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.	Yêu nước, trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội

II TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10

1. Sách giáo khoa Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10

a) Về quan điểm biên soạn

Việc biên soạn SGK *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10* đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra, yêu cầu cần đạt và khung nội dung chương trình môn học ở lớp 10. Các nội dung biên soạn hướng đến hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc trưng theo các mức độ phù hợp với môn học ở cấp Trung học phổ thông đã được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể. Việc biên soạn nội dung các bài học đảm bảo những nguyên tắc cơ bản:

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam; phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Cụ thể hoá mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục của Chương trình Giáo dục phổ thông; đảm bảo tính liên thông giữa các cấp học, lớp học, môn học và hoạt động giáo dục. Nội dung biên soạn đảm bảo tích hợp nội môn (giữa giáo dục đạo đức – giáo dục kỹ năng sống – giáo dục kinh tế – giáo dục pháp luật) và tích hợp liên môn (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Ngữ văn,...); đảm bảo tính đa dạng và sinh động của vùng miền thể hiện qua những câu chuyện, tình huống, hình ảnh, nhân vật trong SGK.

- Đảm bảo tính thực tiễn: gắn với điều kiện cụ thể của Việt Nam và phù hợp với xu thế giáo dục tiên tiến trên thế giới, đảm bảo tốt nhất lợi ích của người học. Nội dung biên soạn gắn với thực tiễn cuộc sống của HS. Các chất liệu biên soạn (hình ảnh, câu chuyện, tình huống, nhiệm vụ học tập,...) đều xuất phát từ chính cuộc sống của các em trong gia đình, nhà trường và xã hội.

- Đảm bảo tính khoa học: sách được thiết kế dựa trên lý thuyết phát triển tâm lý HS Trung học phổ thông, quy trình dạy học trải nghiệm: từ kinh nghiệm rời rạc – quan sát phân tích – khái niệm hoá (quy luật mới) – thử nghiệm, vận dụng tích cực; lý thuyết hệ thống sinh thái của Urie Bronfenbrenner; sử dụng kiến thức khoa học chuẩn xác, chọn lọc, phù hợp với sự phát triển lứa tuổi, hiện đại (có tính mở, cập nhật và tận dụng nguồn tài liệu số hoá); tính bền vững (hướng đến khuyến khích khả năng tự học và năng lực học tập suốt đời); tính hấp dẫn (đa dạng thông tin, hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu và hình thức trình bày đẹp).

- Đảm bảo tính vừa sức: trên cơ sở nghiên cứu sự phát triển tâm lý lứa tuổi, những người làm sách đã chú trọng yếu tố vừa sức trong cả kênh hình và kênh chữ, việc thiết kế các hoạt động dạy học luôn tính đến điều kiện thực tế của GV, HS có thể thực hiện được.

b) Về cấu trúc sách giáo khoa

* Cấu trúc chung của SGK

SGK *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10* thể hiện đầy đủ nội dung của Chương trình Giáo dục phổ thông, gồm 9 chủ đề, cụ thể hoá thành 23 bài học như sau:

Phần một: Giáo dục kinh tế

Chủ đề 1: Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế

Bài 1: Các hoạt động cơ bản trong nền kinh tế

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường

Bài 3: Thị trường

Bài 4: Cơ chế thị trường

Chủ đề 3: Ngân sách nhà nước và thuế

Bài 5: Ngân sách nhà nước

Bài 6: Thuế

Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

Chủ đề 5: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng trong đời sống

Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống

Bài 9: Dịch vụ tín dụng

Chủ đề 6: Lập kế hoạch tài chính cá nhân

Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân

Phần hai: Giáo dục pháp luật

Chủ đề 7: Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật

Bài 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam

Bài 13: Thực hiện pháp luật

Chủ đề 8: Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 14: Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị

Bài 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp

Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường

Bài 18: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ đề 9: Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 19: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam

Bài 20: Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 21: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 22: Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

Bài 23: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Các mạch nội dung trong sách được sắp xếp khoa học, hợp lý theo cấu trúc đồng tâm về các mối quan hệ, đồng thời bảo đảm tính phát triển trong nội dung của các lớp sau.

*** Cấu trúc mỗi bài**

Cấu trúc mỗi bài được thiết kế thống nhất các hoạt động theo trình tự sau:

– *Mở đầu*: giới thiệu mục tiêu, nội dung chính của bài học, đồng thời thông qua bài hát hoặc trò chơi, câu chuyện, tình huống, trải nghiệm của HS,... tạo hứng thú cho HS và liên hệ vào bài học.

– *Khám phá*: tìm hiểu, kết nối kinh nghiệm cá nhân với tình huống bài học qua nghe câu chuyện, đọc thông tin, xử lý tình huống,... giúp HS khám phá được nội dung kiến thức bài học.

– *Luyện tập*: tạo cơ hội cho HS luyện tập, sử dụng kiến thức, kỹ năng mới trong một số nhiệm vụ học tập, tình huống giả định để hiểu rõ hơn kiến thức bài học và rèn luyện các kỹ năng cần thiết.

– *Vận dụng*: tạo cơ hội cho HS tự giác vận dụng các kiến thức, kỹ năng của bài học vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống của bản thân, gia đình và xã hội.

c) Về cách trình bày

Dựa trên đặc điểm tâm sinh lý của HS Trung học phổ thông, SGK Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 đã kết hợp khoa học kênh hình và kênh chữ trong quá trình thể hiện. Kênh hình được thể hiện với những hình ảnh chọn lọc phù hợp, những tình huống tiêu biểu mang nét đặc trưng đại diện vùng miền. Kênh chữ được diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu và gần gũi với HS.

Trong mỗi bài học, các mục Mở đầu, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng đều được thể hiện bằng những biểu tượng nhất quán để HS dễ nhận biết.

Hình thức thể hiện nội dung đa dạng, với nhiều màu sắc, hình ảnh, biểu tượng cho các hoạt động, tạo hứng thú học tập cho HS.

d) Những điểm mới, khác biệt, hấp dẫn của sách giáo khoa Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10

Với hai mạch kiến thức chủ đạo: giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật thể hiện tập trung trong 9 chủ đề, các chủ đề có nội dung lớn được thiết kế thành các bài học nhỏ để HS học tập thuận lợi, hiệu quả. Nội dung bài học gọn nhẹ, mang tính khám phá, gợi mở. Sách được xây dựng hướng tới hình thành khả năng tự học, kỹ năng công dân cho HS thông qua các nhiệm vụ học tập đa dạng và phong phú (như: đặt câu hỏi; phân tích truyện, tình huống, trường hợp; bày tỏ ý kiến khi xử lý tình huống, đóng vai, sưu tầm tài liệu;...).

Sách được trình bày đẹp, màu sắc, tranh ảnh, câu chuyện, tình huống,... hấp dẫn, thu hút người học, là công cụ đắc lực giúp các em rèn luyện và phát triển phẩm chất, năng lực.

Sách như một phương tiện hỗ trợ và kết nối sự tham gia của gia đình vào quá trình giáo dục HS ở nhà. Các nội dung trình bày đủ, rõ ràng, dễ hiểu để cha mẹ có thể hướng dẫn con nhất quán với quá trình tổ chức dạy học của GV trên lớp.

2. Sách giáo viên

Đây là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện, tài liệu dạy học chung và từng bài trong chương trình.

Cấu trúc SGK *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10* gồm hai phần chính:

Phần một: Những vấn đề chung

Phần này trình bày những nội dung chính sau:

- Mục tiêu môn học; Nội dung chương trình môn học;
- Tài liệu, phương tiện dạy học;
- Phương pháp dạy học;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Trong phần này, từng bài được trình bày theo cấu trúc:

- Tên bài, thời lượng;
- Mục tiêu bài học;
- Thiết bị dạy học và học liệu;
- Tiến trình dạy học;

Lưu ý: Các hoạt động, phương tiện dạy học trong từng bài chỉ có tính chất gợi ý. GV cần cụ thể hoá, linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn và vận dụng cho phù hợp với trình độ của HS và điều kiện của GV, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

3. Thiết bị, phương tiện dạy học

Trong bối cảnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 – 11 – 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết 44/NQ-CP ngày 9 – 6 – 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117-QĐ/TTg ngày 25 – 1 – 2017 phê duyệt đề án “tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của bộ SGK nói chung và SGK *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10* nói riêng. Cụ thể, từ năm 2019, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giới thiệu hai nền tảng sách điện tử *Hành trang số* và *Tập huấn*. Hai nền tảng này cho phép người truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát chương trình SGK, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ công nghệ thông tin trong quá trình tiếp cận chương trình mới. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, cán bộ quản lý giáo dục, HS và phụ huynh HS trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn*.

– *Hành trang số* là nền tảng sách điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được truy cập tại tên miền *hanhtrangso.nxbgd.vn*. *Hành trang số* cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK và các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy và học tập của GV và HS. *Hành trang số* gồm ba tính năng chính: Sách điện tử, Luyện tập và Thư viện.

+ Tính năng *Sách điện tử* cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK theo chương trình mới. Trong đó, *Hành trang số* tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đánh kèm trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập trực quan các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra, đánh giá,... Người dùng truy cập SGK mọi lúc, mọi nơi, sử dụng đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bảng hay máy tính xách tay, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp hay việc tự học ở nhà.

+ Tính năng *Luyện tập* cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và sách bài tập của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý – Hướng dẫn bài tập, Bàn phím ảo, tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, sách bài tập, *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài tập Tự kiểm tra – đánh giá bám sát chương trình SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp.

+ Tính năng *Thư viện* cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bổ trợ chương trình SGK mới. Tại đây người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: video, gif/hình ảnh, âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó làm sinh động và phong phú hoá bài học. *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng PowerPoint với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng Kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, *Hành trang số* mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

– *Tập huấn* là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam được truy cập tại miền *taphuan.nxbgd.vn*. *Tập huấn* cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học.

+ Đối với tài khoản GV: tính năng tập huấn cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam biên soạn dưới nhiều định dạng PowerPoint, PDF/Word, video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: Tài liệu tập huấn, Bài giảng tập huấn, Tiết dạy minh hoạ, Video tập huấn trực tuyến, Video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ các GV truy cập bất kì thời điểm nào trong năm học. Mỗi khoá tập huấn, đăng tải bài kiểm

tra – đánh giá tương ứng sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.

+ Đối với tài khoản cấp quản lý giáo dục (Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, nhà trường) tính năng tài liệu bổ sung cho phép các cơ quan quản lý giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này.

Ngoài hai trang *Hành trang số* và *Tập huấn*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã đăng tải các tài liệu tập huấn, các bộ SGK với đa dạng định dạng và nội dung như video tiết dạy minh hoạ, Tài liệu tập huấn, Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học, bài kiểm tra – đánh giá, video lớp học trực tuyến, SGK đầy đủ các môn học,... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm nào trong năm học.

– Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng *Thư viện*, GV có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử, sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả, chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ trong việc mang đến hình ảnh sinh động trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.

– Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, sách bài tập, *Hành trang số* cũng cung cấp bài tập tự kiểm tra – đánh giá tại tính năng *Luyện tập*. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp, giao bài tập về nhà để HS thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.

– Đối với hệ thống bài giảng điện tử slide PowerPoint song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng *Thư viện*, GV có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm cho phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được *Hành trang số* xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGK và SGV.

– GV cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng *Hành trang số* kết hợp cùng máy trình chiếu trong đó bao gồm các công cụ như: Luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; Đọc sách điện tử; Xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,... Như vậy, GV có thể truy cập SGK mọi lúc, mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng, sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn giáo án.

Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông.

Căn cứ theo thông tư trên, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã triển khai làm các thiết bị và học liệu cho môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật như sau:

- Tranh thể hiện sơ đồ mô phỏng về các chủ thể tham gia trong nền kinh tế và vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế. Mục đích sử dụng: HS kể được tên các chủ thể tham gia trong nền kinh tế; nhận biết được vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

- Tranh thể hiện sơ đồ các loại hình thị trường cơ bản. Mục đích sử dụng: HS liệt kê được các loại thị trường.

- Tranh thể hiện sơ đồ mô phỏng một số loại thuế phổ biến. Mục đích sử dụng: HS nhận biết và gọi tên được một số loại thuế phổ biến.

- Tranh thể hiện sơ đồ một số dịch vụ tín dụng cơ bản. Mục đích sử dụng: HS kể tên được một số dịch vụ tín dụng và mô tả được đặc điểm của chúng.

- Tranh thể hiện sơ đồ các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. Mục đích sử dụng: HS nhận thức được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

- Tranh thể hiện sơ đồ hệ thống chính trị Việt Nam, sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước ở Việt Nam. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được đặc điểm, cấu trúc của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Video/clip về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp mới. Mục đích sử dụng: HS hiểu được nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Tranh mô phỏng hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam theo luật mới. Mục đích sử dụng: HS nhận diện được hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam.

III PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10

1. Một số quan điểm chung

Phương pháp dạy học *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10* chú trọng tổ chức, hướng dẫn cho HS hoạt động khám phá, phân tích, khai thác các thông tin, xử lý các tình huống, các trường hợp điển hình. Tăng cường sử dụng các tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả. Coi trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó tự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

Các phương pháp, kỹ thuật dạy học được áp dụng trong *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10* có sự kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học. Tăng cường sử dụng các phương pháp đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp

nêu gương công dân tiêu biểu, xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày, sắm vai, dự án,...

2. Một số phương pháp, hình thức dạy học

a) Một số phương pháp, kỹ thuật dạy học cụ thể

Có nhiều phương pháp dạy học khác nhau, tuy nhiên cuốn sách này chỉ giới thiệu một số phương pháp dạy học có ưu thế trong việc phát huy tính tích cực của HS trong dạy học môn *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật*.

*** Phương pháp thảo luận nhóm**

– Đặc điểm:

Đây là phương pháp được sử dụng rộng rãi nhằm giúp HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, HS có thể chia sẻ kinh nghiệm, ý kiến hay để giải quyết một vấn đề, một tình huống đạo đức, kinh tế, pháp luật nào đó.

– Cách sử dụng:

+ GV giới thiệu chủ đề cuộc thảo luận.

+ Nêu các câu hỏi có liên quan đến chủ đề.

+ Chia HS thành các nhóm, giao nhiệm vụ để các nhóm tiến hành thảo luận và ghi kết quả thảo luận ra giấy. Nếu không khí trầm tĩnh, có thể bắt đầu cuộc thảo luận bằng một câu chuyện hoặc một bức tranh gợi ý.

+ Cần khích lệ mọi HS cùng tham gia đóng góp ý kiến, không nên chê bai một ý kiến nào.

+ “Nhóm trưởng” hoặc “thư kí” ghi chép các ý kiến.

+ Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

– Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

+ Chủ đề thảo luận phải sát với nội dung bài học và trình độ HS.

+ Cách chia nhóm cần phải linh hoạt, luôn thay đổi để tạo điều kiện cho mỗi HS được giao lưu với tất cả HS trong lớp, tránh chỉ giới hạn trong một nhóm cố định.

+ Kết quả thảo luận nhóm phải được trưng bày trên bảng hoặc xung quanh tường của lớp học.

+ Cử “nhóm trưởng”, “thư kí” cũng nên luân phiên để từng HS đều được rèn luyện các kỹ năng cần thiết.

*** Phương pháp sắm vai**

– Đặc điểm:

Sắm vai là phương pháp HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống đạo đức, kinh tế, pháp luật giả định.

– Phương pháp sắm vai có tác dụng:

+ Giúp HS thực hành những kỹ năng trong môi trường an toàn, được giám sát trước khi xảy ra các tình huống thực.

- + Gây được hứng thú và chú ý đối với người học.
- + Tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của HS.
- + Khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của người học theo hướng định trước.
- + HS có thể thấy ngay tác dụng và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

– *Cách sử dụng:*

- + GV giới thiệu tình huống.
- + Các nhóm thảo luận, xây dựng “kịch bản” và phân công sắm vai.
- + Các nhóm lên sắm vai.
- + HS nhận xét, đánh giá.
- + GV chốt lại.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng:*

- + Tính mục đích của tình huống phải thật rõ ràng.
- + Tình huống phải dễ đóng vai, không nên quá phức tạp.
- + Mọi HS đều được tham gia vào quá trình thảo luận, xây dựng kịch bản, được sắm vai hoặc phục vụ cho việc sắm vai của các bạn trong nhóm. Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

+ Trong khi các nhóm thảo luận, GV phải đến từng nhóm, quan sát, lắng nghe; kịp thời phát hiện những khó khăn, lúng túng của HS để có sự hỗ trợ, giúp đỡ, điều chỉnh kịp thời.

*** Phương pháp giải quyết vấn đề**

– *Đặc điểm:*

Giải quyết vấn đề là cách thức hướng dẫn HS phát hiện ra vấn đề, xem xét, phân tích những hiện tượng đạo đức, pháp luật,... đang tồn tại và xác định cách giải quyết vấn đề đó.

– *Cách sử dụng:*

+ Nêu ra một tình huống, một trường hợp chứa đựng mâu thuẫn trong thực tế cuộc sống cần giải quyết.

Ví dụ: Khi tổ chức luyện tập kiến thức bài “Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống”, GV nêu tình huống: “Trong xóm có bà Y đang vận động mọi người cho vay tiền sẽ được hưởng lãi suất cao hơn so với gửi ngân hàng để bà lấy vốn đầu tư kinh doanh. Bác hàng xóm tin tưởng, rủ mẹ H cho bà Y vay tiền. H muốn ngăn mẹ không cho bà Y vay tiền”.

+ Đặt HS vào hoàn cảnh phải giải quyết vấn đề: Sau khi nêu tình huống trên, GV đặt câu hỏi: Nếu là H, em sẽ thuyết phục mẹ như thế nào?

+ Giúp HS tìm hiểu nguyên nhân sự vật, hiện tượng: gợi cho HS phân tích tình huống trên, phân tích nguyên nhân vì sao H không muốn mẹ cho bà Y vay tiền.

+ Giúp HS nêu ra được những cách giải quyết vấn đề: Trong tình huống trên, HS có thể nêu một số cách giải quyết vấn đề:

- H phân tích cho mẹ thấy việc cho bà Y vay tiền rủi ro rất cao.

- H nói với bác hàng xóm không nên rủ mẹ cho bà Y vay tiền vì độ tin cậy ở bà Y không cao.

- + Quyết định chọn giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đề.

- *Những điều cần chú ý khi sử dụng:*

- + Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu dạy học và gần với thực tế.

- + Phải phát huy được suy nghĩ sáng tạo của HS.

- + Cách giải quyết vấn đề phải là giải pháp có lợi nhất.

- + Cần kết hợp với nhiều phương pháp dạy học khác.

*** Phương pháp tổ chức trò chơi**

- *Đặc điểm:*

Trò chơi là phương pháp có hiệu quả để thu hút sự tham gia của HS. Trong cuộc chơi, mọi HS đều bình đẳng, đều cố gắng thể hiện mình. Vì vậy, tổ chức trò chơi không chỉ là biện pháp tăng hứng thú học tập mà còn nâng cao sự chú ý, thay đổi trạng thái tâm lý mệt mỏi trong quá trình nhận thức và còn là biện pháp rèn luyện kỹ năng ứng xử, giao tiếp, củng cố và phát triển khả năng tự tin của các em trong học tập, trong hoạt động xã hội.

- *Tác dụng:*

- + Tăng cường khả năng chú ý của HS.

- + Nâng cao hứng thú của người học, góp phần giảm mệt mỏi, căng thẳng trong học tập.

- + Tăng cường khả năng giao tiếp giữa HS với GV, giữa HS với nhau.

- *Cách sử dụng:*

- + Lựa chọn những trò chơi có nội dung phù hợp với nội dung bài học. Thầy trò có thể dựa trên nội dung bài học để sáng tạo ra trò chơi mới.

- + Thông qua trò chơi, GV gợi ý cho HS thảo luận, khai thác yêu cầu bài học.

- *Những điểm cần chú ý:*

- + Phải biết rõ mục đích cuộc chơi như: chơi để khởi động giới thiệu bài, để thư giãn hay chuyển tải, củng cố kiến thức,...

- + Phải biết được quy tắc chơi và tôn trọng luật chơi.

- + Phải dễ tổ chức và thực hiện.

- + Sau khi chơi, GV cần tổng kết nói rõ HS đã học được gì thông qua trò chơi.

*** Kỹ thuật kích thích tư duy**

- *Đặc điểm:*

Kích thích tư duy là một kỹ thuật dạy học, dựa vào những hiểu biết sẵn có của HS, đặt ra một hệ thống câu hỏi gợi mở kích thích để HS liên tưởng giữa điều đã biết với nội dung bài học, hình thành ở các em ý tưởng mới, đề xuất cách giải quyết những mâu thuẫn một cách hiệu quả.

- *Cách sử dụng:*

- + Qua một số câu hỏi gợi mở, GV nêu vấn đề cần được tìm hiểu trước HS cả lớp hoặc trước nhóm, để HS suy nghĩ.

- + Khích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.
- + Liệt kê tất cả các ý kiến phát biểu trên bảng hoặc giấy khổ to, không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.
- + Phân loại các ý kiến.
- + Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng và thảo luận sâu từng ý.
- + Tổng hợp ý kiến của HS và hỏi xem các em còn thắc mắc hay bổ sung gì không.
- *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:*
- + Phương pháp kích thích tư duy có thể dùng để lí giải bất kì một vấn đề đạo đức, kinh tế, pháp luật nào, song đặc biệt phù hợp với các vấn đề ít nhiều đã quen thuộc trong thực tế của HS.
- + Các ý kiến phát biểu nên ngắn gọn.
- + Tất cả các ý kiến đều được GV hoan nghênh, chấp nhận một cách khéo léo, tế nhị mà không cần phê phán đúng sai.
- + Cuối giờ thảo luận, GV nên tổng hợp lại để HS dễ hiểu.

b) Hình thức tổ chức dạy học

GV giảng dạy môn *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10* cần kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: kết hợp dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học trong lớp với ngoài lớp, ngoài trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

Khi dạy học, GV không giảng giải quá nhiều, cần tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm hoạt động và chủ động chia sẻ ý kiến. GV đóng vai người định hướng, tổ chức, gợi mở, khích lệ, lắng nghe tích cực và tổng kết. GV đón nhận và phản hồi kết quả, qua đó hướng dẫn và khuyến khích HS chủ động kết hợp với quản lí lớp học linh hoạt, sử dụng kỉ luật tích cực, điều chỉnh các hoạt động học tập một cách linh hoạt. Bên cạnh các năng lực chung và năng lực chuyên biệt, GV cần chú ý hướng dẫn HS rèn luyện các kĩ năng mềm như: lắng nghe, biểu cảm, chia sẻ, thuyết trình, hợp tác, tự nhận thức, ra quyết định,...

Thông qua các phương pháp giáo dục trên lớp, GV phát huy tối đa quyền được tham gia của HS đồng thời kết hợp với sự tham gia của cha mẹ HS vào quá trình giáo dục cho con ở nhà (ví dụ thông qua các nhiệm vụ thực hiện cùng gia đình,...).

IV PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10

1. Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh

a) Mục đích

Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS là hoạt động thu thập, phân tích, xử lí thông tin qua quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình rèn luyện và

học tập của HS trong quá trình học tập môn học; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS, xác nhận kết quả đạt được của HS, thông tin phản hồi cho GV và HS để điều chỉnh quá trình dạy học.

Mục đích đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập; cán bộ quản lý giáo dục và GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

b) Yêu cầu đánh giá

– Đánh giá HS thông qua mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật* và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

– Đảm bảo tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực, khách quan.

– Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kĩ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì.

– Đánh giá vì sự tiến bộ của HS, coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; không so sánh HS này với HS khác.

c) Nội dung đánh giá

Việc đánh giá sẽ được xác định trên mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học. HS cần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực của người công dân Việt Nam đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và cộng đồng xã hội theo yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp. Cụ thể, HS cần đạt các năng lực chung (năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo), năng lực đặc thù của môn *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật* (năng lực phát triển bản thân, năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội).

d) Hình thức đánh giá

*** Đánh giá bằng nhận xét**

– GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.

– HS dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

– Cha mẹ HS, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.

– Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của HS được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.

*** Đánh giá bằng điểm số**

– GV dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.
– Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.

*** Hình thức đánh giá đối với môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật:**

– Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số.
– Kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số. Đánh giá được thực hiện thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

– Đánh giá thường xuyên:

+ Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, sản phẩm học tập.

+ Mỗi HS được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá HS (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học như sau: Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số (không bao gồm cụm chuyên đề học tập), chọn số điểm đánh giá thường xuyên (sau đây viết tắt là ĐĐG_{tx}) trong mỗi học kì như sau:

Môn học có trên 35 tiết/năm học đến 70 tiết/năm học: 03 ĐĐG_{tx}.

+ Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học, mỗi HS được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 (một) lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 (một) lần đánh giá thường xuyên của môn học đó và ghi vào sổ theo dõi và đánh giá HS (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học

– Đánh giá định kì:

+ Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

• Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút.

• Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, để kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông.

• Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông trước khi thực hiện.

+ Trong mỗi học kì, môn học có 01 điểm đánh giá giữa kì (sau đây viết tắt là ĐĐG_{gk}) và 01 điểm đánh giá cuối kì (sau đây viết tắt là ĐĐG_{ck}).

e) *Đánh giá kết quả học tập của HS theo môn học:*

– Điểm trung bình môn học kì:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{Tổng ĐĐG}_{\text{tx}} + 2. \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3. \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

– Điểm trung bình môn cả năm:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2. \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

g) *Đánh giá kết quả rèn luyện*

– Đánh giá kết quả rèn luyện của HS căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực đặc thù quy định trong chương trình môn học và Chương trình Giáo dục phổ thông.

– GV môn học nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, sự hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình rèn luyện học tập môn học và có trách nhiệm cung cấp thông tin nhận xét kết quả rèn luyện của HS thông qua học tập môn học cho GV chủ nhiệm.

2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

a) *Đánh giá qua lời nói*

Bằng phương pháp này, GV có thể kiểm tra tri thức, hành vi, thái độ của HS. Về tri thức, GV có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi vì sao? như thế nào? làm gì? Ví dụ: GV có thể hỏi: Vì sao chúng ta phải có kế hoạch tài chính cá nhân?

Về hành vi, GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá hành vi của mình bằng các câu hỏi. Ví dụ: Em đã tham gia nền kinh tế với vai trò người tiêu dùng như thế nào? Về thái độ, GV có thể yêu cầu HS giải thích động cơ thực hiện hành vi pháp luật của mình hoặc bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến, hành vi đạo đức, pháp luật có liên quan.

Ở mức cao hơn, GV có thể cho HS trình bày ý kiến xử lý tình huống cụ thể trên cơ sở gắn nội dung bài học với những tình huống thực tế gắn gũi với HS.

b) Đánh giá qua bài kiểm tra viết của HS

Đây là phương pháp truyền thống song điểm mới là không chỉ kiểm tra học thuộc lòng kiến thức mà chủ yếu kiểm tra trình độ hiểu biết vấn đề, khả năng vận dụng vấn đề (thực chất là kiểm tra sự sáng tạo, năng động trong hoạt động nhận thức). Vì vậy, bài viết có thể là bài tập tình huống, một trường hợp, một sự kiện để các em nhận xét, đánh giá, tìm ra cách ứng xử để giải quyết các tình huống của bản thân hay của người khác.

c) Đánh giá qua quan sát các hoạt động, việc làm của HS

GV quan sát HS trong quá trình dạy học trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS. Các nhận xét phải dựa trên các bằng chứng xác thực từ kết quả quan sát HS tham gia các hoạt động học tập, hoạt động thực tiễn; nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS, đặc biệt là sản phẩm thực hành, ứng dụng và quan trọng nhất là quan sát cách HS giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đề trong cuộc sống thực tiễn. Ví dụ: GV có thể quan sát HS thể hiện thái độ làm việc khi tham gia thảo luận nhóm, sự đóng góp của HS trong kết quả thực hiện một dự án học tập,...

d) Đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS

GV đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

e) Đánh giá thông qua phiếu nhận xét, đánh giá của gia đình

GV có thể tham khảo ý kiến của cha mẹ HS về thái độ, biểu hiện hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động ở nhà và cộng đồng. Ví dụ: Khi dạy bài “Lập kế hoạch tài chính cá nhân”, GV có thể yêu cầu HS xin ý kiến cha mẹ về việc em đã thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân như thế nào.

GIÁO DỤC KINH TẾ

Chủ đề 1

NỀN KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

Bài 1. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CƠ BẢN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến các hoạt động kinh tế.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia các hoạt động kinh tế; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia các hoạt động kinh tế trong xã hội.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về các hoạt động trong nền kinh tế;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS kể tên một hoạt động kinh tế đang diễn ra trong đời sống thực tiễn và vai trò của hoạt động này đối với đời sống xã hội.
- HS trả lời, GV nhận xét và kết nối vào bài mới theo đoạn dẫn trong SGK.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

a) **Mục tiêu:** HS nêu được vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV dẫn: Nền kinh tế là một chỉnh thể thống nhất giữa các hoạt động sản xuất, phân phối – trao đổi, tiêu dùng. Mỗi hoạt động kinh tế đóng vai trò khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại với nhau đảm bảo cho nền kinh tế không ngừng vận động và phát triển.

– GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy mô tả nội dung hoạt động sản xuất trong các hình ảnh và cho biết hoạt động đó đóng góp gì cho đời sống xã hội.

2/ Theo em, hoạt động sản xuất là gì? Hoạt động này có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội?

– Đại diện HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Gợi ý:

Hình ảnh 1 thể hiện hoạt động người công nhân sử dụng tư liệu lao động để sản xuất ô tô (trong lĩnh vực công nghiệp), góp phần tạo ra những chiếc ô tô cho con người sử dụng, tạo thu nhập cho người lao động trong nhà máy đó, đóng góp thuế phát triển kinh tế đất nước,... Hình ảnh 2 thể hiện hoạt động người nông dân sử dụng tư liệu lao động để sản xuất lúa gạo (trong lĩnh vực nông nghiệp), góp phần tạo ra lương thực cho con người, tạo thu nhập cho người nông dân và đóng góp thuế phát triển đất nước,... Ngoài ra, cả hai hoạt động trên đều tạo việc làm cho những chủ thể trung gian.

– GV nhận xét và kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 2. TÌM HIỂU VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI – TRAO ĐỔI TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

a) Mục tiêu: HS nêu được vai trò của hoạt động phân phối – trao đổi trong đời sống xã hội.

b) Tổ chức thực hiện:

** Hoạt động phân phối*

– GV tổ chức thảo luận nhóm đôi, hướng dẫn HS đọc trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Ban Giám đốc Công ty X đã có những quyết định phân bổ nguồn lực sản xuất và phân chia kết quả sản xuất như thế nào? Những quyết định này mang lại kết quả gì cho doanh nghiệp và người lao động?

2/ Theo em, hoạt động phân phối là gì? Hoạt động này có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội?

– HS trả lời câu hỏi, GV nhận xét và kết luận:

+ Ban Giám đốc Công ty X đã quyết định phân bổ các nguồn lực máy móc, nguyên vật liệu và nhân công vào sản xuất áo sơ mi nam để xuất khẩu mang lại doanh thu và lợi nhuận cho công ty và quyết định phân chia thu nhập theo hướng tăng lương, thưởng cho người lao động, khuyến khích người có đóng góp nhiều cho công ty giúp mọi người phấn khởi, thi đua lao động sản xuất.

+ Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm (phân phối cho sản xuất) và phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng (phân phối cho tiêu dùng).

+ Phân phối có vai trò thúc đẩy sản xuất phát triển nếu quan hệ phân phối phù hợp đồng thời có thể kìm hãm sản xuất và tiêu dùng khi nó không phù hợp.

** Hoạt động trao đổi*

– GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Trong thông tin trên, người dân xã Cán Cấu đến chợ để làm gì? Việc duy trì hoạt động ở chợ Cán Cấu có vai trò gì đối với đời sống của người dân nơi đây?

2/ Theo em, hoạt động trao đổi là gì? Hoạt động này có vai trò gì trong đời sống xã hội?

– Sau khi mời đại diện một đến hai nhóm trả lời câu hỏi, GV nhận xét và kết luận:

+ Bà con xã Cán Cấu thường đến chợ để trao đổi hàng hoá, mua sắm vật dụng cho sinh hoạt và sản xuất. Việc duy trì chợ phiên là nét đẹp văn hoá của người dân nơi đây, là nơi giao thương mua bán: người sản xuất bán được sản phẩm làm ra, người tiêu dùng mua được những thứ mình cần.

+ Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng (bao gồm cả tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho sinh hoạt).

+ Trao đổi đóng vai trò cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, giúp người sản xuất bán được hàng, duy trì và phát triển được hoạt động sản xuất và người tiêu dùng mua được thứ mình cần, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng.

Hoạt động 3. TÌM HIỂU VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG TIÊU DÙNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

a) **Mục tiêu:** HS nêu được vai trò của hoạt động tiêu dùng trong đời sống xã hội.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Các nhân vật trong hai bức tranh đang dùng gạo với mục đích gì?

2/ Dịch bệnh COVID – 19 khiến hoạt động tiêu dùng thay đổi như thế nào? Những thay đổi của hoạt động tiêu dùng có tác động gì đến đời sống xã hội?

– Đại diện HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Gợi ý:

Ở tranh 1, gạo được sử dụng với mục đích để con người tiêu dùng trực tiếp, còn gạo ở tranh 2 được sử dụng làm đầu vào của một hoạt động kinh tế khác (kinh doanh quán cơm bình dân).

– GV nhận xét và kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

– Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức cơ bản vừa khám phá. GV chốt lại những nội dung chính của bài học.

+ Cách 1: GV chốt và trình chiếu những kiến thức cơ bản của bài học vừa được khám phá.

+ Cách 2: HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy để chốt kiến thức và trình bày trước lớp.

3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống có liên quan đến các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.

b) **Tổ chức thực hiện:**

1. Em hãy đọc các trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

GV phân công HS thảo luận cặp đôi các trường hợp trong SGK. Đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, sau đó GV kết luận:

– Trường hợp a: Sản xuất xanh là việc áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng như: sử dụng nguyên vật liệu, phương tiện tiêu thụ ít điện năng, điện mặt trời, không gây ô nhiễm môi trường,... Việc thực hiện sản xuất xanh mang lại lợi ích cho doanh nghiệp như: tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh, có cơ hội bước chân vào thị trường khó tính đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm và phát thải khí nhà kính hướng tới phát triển bền vững cho nền kinh tế. Thực hiện sản xuất xanh thể hiện vai trò của hoạt động sản xuất đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế góp phần bảo vệ môi trường, tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng.

– Trường hợp b: Giải pháp điều chỉnh hoạt động phân phối thu nhập của doanh nghiệp Y giúp doanh nghiệp tiếp tục duy trì được hoạt động sản xuất, giữ chân được người lao động. Người lao động sẽ tiếp tục có việc làm, có thu nhập tuy thấp nhưng vẫn duy trì được cuộc sống, giữ được việc làm ổn định.

– Trường hợp c: Bán hàng trực tuyến là loại hoạt động trao đổi. Hoạt động này có nhiều ưu điểm: không tốn chi phí thuê mặt bằng, nguồn nhân lực, có nhiều tiện lợi cho người tiêu dùng,... Tuy nhiên, cũng có những hạn chế như: mất thời gian chờ đợi để nhận được hàng hoá, sản phẩm nhận được nhiều khi không đúng như quảng cáo,... Để hạn chế những tiêu cực của hoạt động này, Nhà nước cần tăng cường hoạt động quản lý các trang thương mại điện tử, tăng cường chế tài xử phạt các vụ việc ảnh hưởng xấu đến quyền lợi người tiêu dùng, còn người tiêu dùng cũng cần tìm những nơi bán hàng có uy tín để mua sản phẩm,...

– Trường hợp d: Hoạt động tiêu dùng các sản phẩm làm từ nhựa gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ảnh hưởng nhiều đến đời sống xã hội. Cần có biện pháp giảm bớt việc sử dụng này như: thay đổi thói quen dùng sản phẩm nhựa bằng sử dụng các vật dụng làm từ chất liệu dễ phân huỷ như: gỗ, giấy,...

2. Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong những tình huống sau:

GV tổ chức cho HS tiếp tục làm việc nhóm, thảo luận và đưa ra lời khuyên cho nhân vật trong từng tình huống. GV mời đại diện một đến hai nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, GV kết luận:

– Trường hợp a: Việc làm giả sản phẩm một số thương hiệu nổi tiếng là vi phạm pháp luật về cạnh tranh nên chị H không nên làm như vậy.

– Trường hợp b: Nếu là N, em sẽ nói với bố mẹ rằng các bạn HS rất ham chơi trò chơi điện tử, bố mẹ kinh doanh vì muốn thu được nhiều tiền từ HS trốn học, bỏ tiết để chơi điện tử là không nên.

3. Tham gia đóng vai thể hiện vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội

– GV hướng dẫn HS trò chơi sắm vai: “Táo quân”.

Mỗi nhóm xây dựng kịch bản với bối cảnh các Táo Sản xuất, Táo Phân phối – Trao đổi và Táo Tiêu dùng lên báo cáo tình hình hoạt động của nền kinh tế với Ngọc Hoàng. Từng vai Táo khẳng định lĩnh vực mình phụ trách có những đóng góp quan trọng trong đời sống xã hội.

- Phân công vai diễn và thực hiện vở diễn trước lớp.
- Sau khi HS biểu diễn, GV mời các nhóm nhận xét và bình chọn vai diễn có phần báo cáo hay nhất.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học về vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS sử dụng mạng xã hội với những thông tin sẵn có từ bạn bè người thân, tập rao bán một vài loại sản phẩm nào đó nhân dịp ngày lễ, tết ví dụ như: bán quà lưu niệm nhân ngày 20 – 11, dịp tết Trung thu, ngày 8 – 3,... nhằm giúp các em tập làm quen với một số hoạt động kinh doanh, nhận biết được vai trò của hoạt động này trong đời sống xã hội.

2. GV hướng dẫn HS về nhà vẽ tranh cổ động cho hoạt động “tiêu dùng xanh” (ví dụ: tranh vẽ chiếc xe đạp với khẩu hiệu “Giải pháp xanh”) và chia sẻ nội dung, ý nghĩa của bức tranh với thầy cô và các bạn.

Bài 2. CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nhận biết được các chủ thể tham gia trong nền kinh tế và vai trò của các chủ thể khi tham gia nền kinh tế.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến vai trò của các chủ thể kinh tế.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia nền kinh tế

với vai trò chủ thể kinh tế cụ thể; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi thực hiện vai trò chủ thể kinh tế; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi thực hiện vai trò của chủ thể kinh tế cụ thể.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia thực hiện tốt vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế.

3. Về phẩm chất

– Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi

– Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về các chủ thể tham gia nền kinh tế;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề các chủ thể của nền kinh tế, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV mời HS nghe một đoạn trong bài hát “Bài ca xây dựng” (sáng tác: Hoàng Vân) và trả lời câu hỏi:

1/ Nội dung bài hát ca ngợi những người lao động đang tham gia hoạt động kinh tế nào?

2/ Họ có đóng góp gì cho nền kinh tế?

– HS trả lời câu hỏi, GV dẫn dắt: Những người lao động trong bài hát “Bài ca xây dựng” là những người thợ xây – họ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh và là chủ thể của nền kinh tế. Mỗi chúng ta đều tham gia nền kinh tế với những vai trò khác nhau nhưng ít khi tìm hiểu xem nền kinh tế đang hoạt động bởi những chủ thể nào? Họ có vai trò gì trong

đời sống xã hội? Bài học này giúp em nhận biết được các chủ thể của nền kinh tế và vai trò của họ khi tham gia các hoạt động kinh tế để từ đó xác định được vai trò, trách nhiệm công dân của bản thân và gia đình với tư cách là một chủ thể khi tham gia nền kinh tế.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU VỀ CHỦ THỂ SẢN XUẤT

a) Mục tiêu: HS nhận biết được chủ thể sản xuất trong nền kinh tế và vai trò của chủ thể sản xuất khi tham gia nền kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV dẫn: Chủ thể kinh tế là những người tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế, bao gồm: chủ thể sản xuất, chủ thể tiêu dùng, chủ thể trung gian và Nhà nước. Các chủ thể của nền kinh tế không chỉ thực hiện tốt vai trò trong lĩnh vực kinh tế mình tham gia mà còn đóng góp cho sự ổn định, phát triển bền vững kinh tế – xã hội của đất nước.

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, quan sát hình ảnh, nghiên cứu trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Các nhân vật trong tranh và anh Q tham gia vào nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì? Họ có đóng góp gì cho đời sống xã hội?

2/ Theo em, chủ thể sản xuất là ai? Chủ thể sản xuất có vai trò gì trong đời sống xã hội?

– GV mời đại diện một đến hai nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
Gợi ý:

Các nhân vật trong tranh, anh Q là các nhà đầu tư, người lao động sản xuất, họ là chủ thể sản xuất, trực tiếp làm ra của cải vật chất phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Anh Q đã cung cấp nhiều sản phẩm có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp phục vụ khách hàng, thường xuyên nghiên cứu, cải tiến kĩ thuật để làm ra hàng hoá có chất lượng cao, giá thành hạ. Ngoài ra, anh còn tạo việc làm cho người lao động, đóng thuế cho ngân sách nhà nước và tham gia hoạt động từ thiện,...

– GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 2. TÌM HIỂU VỀ CHỦ THỂ TIÊU DÙNG

a) Mục tiêu: HS nhận biết được chủ thể tiêu dùng trong nền kinh tế và vai trò của chủ thể tiêu dùng khi tham gia nền kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu các nhóm quan sát tranh và đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Các nhân vật trong các bức tranh tham gia nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì?

2/ Người tiêu dùng có vai trò gì đối với sự phát triển của xã hội? Tại sao người tiêu dùng phải có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội?

– GV mời đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 3. TÌM HIỂU VỀ CHỦ THỂ TRUNG GIAN

a) **Mục tiêu:** HS nhận biết được chủ thể trung gian trong nền kinh tế và vai trò của chủ thể trung gian khi tham gia nền kinh tế.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV yêu cầu HS quan sát tranh, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Chủ thể tham gia hoạt động kinh tế trong mỗi bức tranh là ai? Hoạt động của họ đóng góp gì cho đời sống xã hội?

– GV mời đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 4. TÌM HIỂU VỀ CHỦ THỂ NHÀ NƯỚC

a) **Mục tiêu:** HS nhận biết được chủ thể Nhà nước trong nền kinh tế và vai trò của chủ thể Nhà nước khi tham gia nền kinh tế.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV dẫn: Bất kì Nhà nước nào cũng có vai trò kinh tế nhất định đối với xã hội. Ở Việt Nam, Nhà nước có vai trò kinh tế là tổ chức, quản lí toàn bộ nền kinh tế quốc dân thông qua *thực hiện chức năng quản lí nhà nước về kinh tế*.

– GV yêu cầu các nhóm quan sát hình ảnh, đọc thông tin để trả lời câu hỏi:

1/ Nội dung các hình ảnh thể hiện Nhà nước đã làm gì để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế được tự chủ, tổ chức các hoạt động kinh tế thuận lợi?

2/ Thông tin 1 cho thấy Nhà nước đã làm gì trước những khó khăn của nền kinh tế do tác động của đại dịch COVID – 19?

3/ Thông tin 2 cho biết Nhà nước đã làm gì để giải quyết vấn đề đói nghèo, thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa?

– GV mời đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Gợi ý:

1/ Nhà nước ban hành luật, tạo ra khung pháp lí để các chủ thể kinh tế tự do sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật. Bên cạnh đó, Nhà nước thường xuyên tổ chức các hội nghị để giải quyết những khó khăn, vướng mắc, giúp các chủ thể kinh tế phát triển thuận lợi.

2/ Trước những khó khăn của nền kinh tế, Nhà nước đã nhanh chóng ban hành những cơ chế, chính sách như giãn nợ, miễn giảm thuế; giảm thiểu tối đa số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản.

3/ Nhà nước đã triển khai các chương trình xoá đói giảm nghèo đến các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo, tạo chuyển biến tích cực về sản xuất, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở những nơi khó khăn.

– GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS củng cố tri thức vừa khám phá về các chủ thể của nền kinh tế; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống.

b) **Tổ chức thực hiện:**

1. Em hãy đọc các trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

GV tổ chức cho các nhóm HS lần lượt nghiên cứu từng trường hợp trong SGK, sau đó mời đại diện nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác góp ý, bổ sung. GV nhận xét và kết luận:

a. Tiêu dùng an toàn là sử dụng những sản phẩm đảm bảo an toàn cho sức khoẻ, không chứa chất độc hại, đảm bảo về kĩ thuật sản xuất, bảo vệ môi trường,... Để thực hiện tiêu dùng an toàn, người tiêu dùng phải có kĩ năng lựa chọn những sản phẩm sạch, đạt tiêu chuẩn an toàn, có thương hiệu uy tín, được bày bán ở những nơi tin cậy; người sản xuất phải làm ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP là các quy định về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho các sản phẩm nông nghiệp, thuỷ sản ở Việt Nam; bao gồm những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, sơ chế đảm bảo sản phẩm an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khoẻ người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Các chủ thể trung gian tổ chức nhiều siêu thị, hội chợ để cung ứng hàng nông sản sạch cho người tiêu dùng.

b. Đóng góp của tập đoàn N trong việc xây dựng xã hội số ở Việt Nam thể hiện ở việc tham gia mạnh vào thị trường dịch vụ số, cung cấp các dịch vụ chuyển đổi số cho các bộ, ngành, chính quyền các tỉnh thành và các doanh nghiệp, phát triển mạnh giải pháp đô thị thông minh, đồng thời phát triển dịch vụ số cá nhân.

Nhà nước thành lập doanh nghiệp nhà nước N chuyên đầu tư, sản xuất, kinh doanh lĩnh vực bưu chính và viễn thông – một lĩnh vực dịch vụ công quan trọng mà các công ty tư nhân khó thực hiện. Bên cạnh việc duy trì phát triển các dịch vụ viễn thông cốt lõi, Nhà nước yêu cầu tập đoàn N đi đầu trong việc cung cấp các dịch vụ chuyển đổi số phục vụ cho mục tiêu cải cách hành chính, xây dựng chính phủ điện tử, phát triển dịch vụ số cá nhân, góp phần thúc đẩy xây dựng xã hội số, thực hiện cách mạng công nghiệp 4.0,...

2. Nhận xét việc thực hiện trách nhiệm công dân của các chủ thể kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế trong những trường hợp sau:

GV phân công cho các nhóm thực hiện những yêu cầu trong SGK, mời đại diện một đến hai nhóm trình bày nhận xét, các nhóm khác bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

– Trường hợp a: Anh V thể hiện trách nhiệm công dân qua việc chủ động tìm kiếm việc làm để đảm bảo cuộc sống; tìm tòi, học hỏi, lựa chọn được mô hình kinh doanh phù hợp phát triển kinh tế gia đình, tạo việc làm cho người lao động và còn hỗ trợ, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.

– Trường hợp b: Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, xây dựng văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam, có ý nghĩa sâu sắc đối với sự phát triển bền vững nền kinh tế đất nước.

3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lý. GV cũng có thể tổ chức cho HS sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống. Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc một đến hai nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận:

a. Do gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm nên bà con nông dân không bán được hàng. Trong trường hợp này, người tiêu dùng nên hỗ trợ, mua sản phẩm nhiều hơn để cân đối cung cầu, giúp người sản xuất khỏi bị thua lỗ, tiếp tục tái sản xuất để cung cấp sản phẩm cho xã hội.

b. Hiện nay, một số công ty môi giới trên mạng xã hội có hành vi lừa đảo cung cấp thông tin giả để thu tiền phí dịch vụ nên K cần nhắc chị P phải cẩn thận, xác định rõ thông tin của công ty môi giới trước khi sử dụng dịch vụ của họ.

4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS tự giác áp dụng những điều đã học về các chủ thể của nền kinh tế vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS có thể chọn với tư cách là chủ thể tiêu dùng hay sản xuất kinh doanh hoặc chủ thể trung gian (với bản thân HS có thể là chủ thể tiêu dùng) để viết bài chia sẻ.

2. GV gợi ý cho HS khai thác những biểu hiện sản xuất, tiêu dùng xanh gắn với bảo vệ môi trường, đồng thời quy định về hình thức sản phẩm và thời gian nộp sản phẩm. Khuyến khích các nhóm xây dựng sản phẩm dưới dạng bộ sưu tập hoặc trang trí dưới hình thức bảo tường,... sau đó tổ chức trưng bày ở lớp hoặc sân trường.

Chủ đề 2

THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

Bài 3. THỊ TRƯỜNG (3 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm thị trường.
- Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thị trường.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về thị trường.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thị trường.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có những hành vi đúng khi tham gia thị trường; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia thị trường.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu, tham gia thị trường phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia thị trường.
- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về thị trường;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Huy động những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của HS về những vấn đề có liên quan đến thị trường; tạo hứng thú, tâm thế học tập cho HS, dẫn vào bài mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

Cách 1: HS sắm vai người mua và người bán trong một cửa hàng bán đồ dùng học tập.

Lưu ý: GV giao nhiệm vụ cho HS từ tuần trước. HS làm việc nhóm, tự viết kịch bản theo định hướng của GV.

– HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

1/ Đối tượng mua bán ở cửa hàng này là gì?

2/ Chủ thể tham gia vào các hoạt động ở cửa hàng này là ai?

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận: Chúng ta vừa xem đóng vai cảnh mua bán trong cửa hàng bán đồ dùng học tập. Đó là một thị trường hàng tiêu dùng. Vậy thị trường là gì? Thị trường có những chức năng gì? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời những vấn đề đó.

Cách 2: GV có thể dùng kĩ thuật dạy học tích cực KWL:

+ K (những điều em đã biết về thị trường): HS động não nhanh, nêu ra các từ, cụm từ, vấn đề liên quan đến bài học; ghi lại, thảo luận về những vấn đề này.

+ W (những gì em muốn biết về thị trường): HS ghi lại câu hỏi về những gì mình muốn biết về thị trường (lựa chọn câu hỏi hướng vào trọng tâm của bài).

+ L (những điều em học được từ bài học về thị trường): HS tự đọc và ghi tóm tắt những gì các em đọc được; những điều các em thích sau khi đọc bài học; những thắc mắc cần được giải đáp.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU KHÁI NIỆM THỊ TRƯỜNG

a) **Mục tiêu:** HS nêu được khái niệm thị trường.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và lần lượt trả lời câu hỏi:

1/ Sự thay đổi của quê hương S diễn ra như thế nào? Em hãy mô tả những hoạt động mua bán hàng hoá, dịch vụ trên quê hương S.

2/ Khi tham gia hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá, dịch vụ, bà con phải giải quyết những mối quan hệ nào?

– HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Quê hương S có sự thay đổi trong hoạt động mua bán. Ở đó diễn ra những hoạt động mua bán được liệu từ hoa cát cánh, váy áo, khăn, túi thổ cẩm,... và dịch vụ du lịch. Ngoài ra, còn diễn ra hoạt động mua bán trên không gian mạng.

2/ Bà con phải giải quyết các mối quan hệ cung – cầu, cạnh tranh, xác định giá cả, số lượng hàng hoá, dịch vụ cung ứng,... trong hoạt động trao đổi, mua bán.

– GV đặt câu hỏi: Theo em, thị trường là gì?

– HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, giảng giải, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 2. TÌM HIỂU CÁC LOẠI THỊ TRƯỜNG

a) Mục tiêu: HS biết phân loại thị trường dựa trên những tiêu chí khác nhau.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình ảnh trong SGK, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy xác định các loại thị trường trong thông tin và hình ảnh.

2/ Theo em, ngoài ra còn có những loại thị trường nào khác?

– HS đọc thông tin, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

1/ Thị trường tư liệu sản xuất và thị trường chứng khoán;

2/ Còn có nhiều loại thị trường khác như thị trường lao động, thị trường tiền tệ, thị trường bất động sản,...

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Gợi ý: Để củng cố và mở rộng hiểu biết của HS về các loại thị trường trong thực tiễn, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi “Tiếp sức”: Kể tên các loại thị trường có ở địa phương em. GV chia lớp thành hai nhóm và chia bảng làm hai phần. Lần lượt mỗi thành viên trong từng nhóm sẽ ghi một loại thị trường có ở địa phương mình. Nhóm nào ghi được nhiều hơn, đúng hơn sẽ thắng.

Hoạt động 3. TÌM HIỂU CÁC CHỨC NĂNG CƠ BẢN CỦA THỊ TRƯỜNG

a) Mục tiêu: HS liệt kê được các chức năng cơ bản của thị trường.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS lần lượt đọc hai thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Ở thông tin 1, sản phẩm áo sơ mi kẻ ô vuông, chất liệu cotton được thị trường thừa nhận như thế nào? Thị trường đã cung cấp thông tin gì khiến Ban Giám đốc Công ty may A phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất?

2/ Thông tin 2 cho thấy việc sản xuất và tiêu dùng thịt lợn được thị trường kích thích hoặc hạn chế như thế nào?

– HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

1/ Sản phẩm áo sơ mi nam dài tay, kẻ ô vuông, chất liệu cotton được nhiều khách hàng ưa chuộng. Thông tin này khiến Ban Giám đốc Công ty may A điều chỉnh kế hoạch sản xuất: gia tăng sản xuất áo sơ mi chất liệu cotton, giảm sản xuất áo sơ mi chất liệu kate.

2/ Việc nguồn cung thịt lợn giảm, giá thịt lợn tăng đã khiến người chăn nuôi hướng tới các nguồn cung khác hoặc tái đàn (khi dịch tạm lắng), người tiêu dùng cũng giảm nhu cầu tiêu thụ thịt lợn, chuyển sang tiêu thụ các loại thực phẩm khác. Khi nguồn cung thịt lợn trên thị trường tăng lên, sẽ có xu hướng ngược lại.

– Tiếp theo, GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

1/ Thị trường đã thể hiện những chức năng gì qua hai thông tin trên?

2/ Theo em, thị trường có những chức năng gì? Nêu thêm những ví dụ để chứng minh cho các chức năng đó.

– HS thảo luận nhóm 4 hoặc 6, cử đại diện trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, giảng giải, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Gợi ý: GV có thể áp dụng kỹ thuật các mảnh ghép: Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, thảo luận từng thông tin, sau đó ghép thành viên đại diện của các nhóm vào nhóm lớn hơn để tìm ra các chức năng của thị trường. GV cũng có thể dùng kỹ thuật tia chớp để yêu cầu HS trả lời nhanh về các chức năng của thị trường.

– Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức cơ bản vừa khám phá. GV chốt lại những nội dung chính của bài học.

+ Cách 1: GV chốt và trình chiếu những kiến thức cơ bản của bài học vừa được khám phá.

+ Cách 2: HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy để chốt kiến thức và trình bày trước lớp.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố những kiến thức vừa khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lý tình huống... về những vấn đề liên quan tới thị trường.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

– HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, phân tích, kết luận:

a. Không đồng tình, vì đó là cách hiểu truyền thống, chưa đúng. Ngày nay, thị trường thương mại điện tử diễn ra trên không gian mạng nên có thể không cần địa điểm cụ thể.

b. Không đồng tình, vì đó là cách hiểu sai về chức năng của thị trường. Đó là chức năng của sản xuất hàng hoá.

c. Không đúng, vì ai cũng cần đến thị trường trong nền kinh tế thị trường.

d. Không đồng tình, vì đó là cách hiểu sai về chức năng của thị trường. Đó là chức năng của sản xuất hàng hoá.

e. Đồng tình, vì đó là chức năng thứ hai của thị trường.

2. Em có nhận xét gì về việc làm của các chủ thể trong những trường hợp sau?

– HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, phân tích, kết luận:

a. Ý kiến của cả hai nhân viên đều phản ánh đúng thực trạng thị trường tiêu thụ hoa quả Việt Nam ở nước ngoài, song nhân viên thứ hai đã nhìn thấy được tiềm năng của thị trường. Từ đây, có thể rút ra bài học kinh doanh: Nếu biết đón đầu, nắm bắt được tiềm năng của thị trường thì việc kinh doanh sẽ có kết quả tốt hơn.

b. Công ty Y đã khai thác chức năng thông tin của thị trường để tạo nên thành công trong kinh doanh.

3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, xây dựng kịch bản, đóng vai xử lý tình huống.

– HS thực hiện nhiệm vụ; nhận xét về kịch bản xử lý tình huống của nhóm bạn, chia sẻ cách xử lý tình huống của bản thân hoặc của nhóm mình.

– GV nhận xét, phân tích, gợi ý cách xử lý tình huống:

a. Nói với mẹ: Trong thời đại ngày nay, thương mại điện tử đã trở thành một xu hướng phổ biến. Phần lớn người tiêu dùng tiếp cận với Internet, ngày càng có nhiều người có thói quen mua sắm qua mạng. Thực tế không phải mặt hàng nào bán trên mạng cũng có chất lượng không cao. Do vậy, để tăng lượng khách hàng nhằm bán được nhiều, bên cạnh việc quảng bá cho sản phẩm, tích cực tương tác với khách hàng, cần bán hàng đúng mẫu mã, chất lượng như quảng cáo, giữ uy tín, tạo thương hiệu cho hàng hoá.

b. Các biện pháp:

– Tìm hiểu nhu cầu tiêu thụ trái cây của quê hương mình trên thị trường thế giới qua Internet và người Việt Nam ở nước ngoài.

– Tư vấn cho nông dân liên hệ với các công ty xuất khẩu trái cây ở Việt Nam.

– Nâng cao chất lượng trái cây đáp ứng chuẩn quốc tế.

4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã được học để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ thực tiễn liên quan đến thị trường.

b) **Tổ chức thực hiện:**

1. GV hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu và viết bài phân tích một trường hợp trong thực tiễn về chức năng của thị trường.

2. GV chia HS thành các nhóm, giao nhiệm vụ: lập kế hoạch khảo sát, viết báo cáo về thị trường một loại hàng hoá ở địa phương (theo yêu cầu trong SGK). HS làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ, giờ học sau sẽ báo cáo kết quả khảo sát.

Bài 4. CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG (3 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm, ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.
- Nêu được khái niệm và chức năng của giá cả thị trường.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về tình hình giá cả một loại hàng hoá trên thị trường ở địa phương.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến cơ chế thị trường.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Đồng tình, ủng hộ những hành vi tuân thủ cơ chế thị trường; Phê phán những hành vi không đúng, vi phạm cơ chế thị trường khi tham gia thị trường.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu, biết vận dụng cơ chế thị trường phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các hoạt động trong nền kinh tế thị trường.
- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint;
- Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, clip,... về cơ chế thị trường;
- Báo cáo khảo sát thị trường của HS.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Kết nối kiến thức, kĩ năng từ bài học trước với bài học mới; tạo hứng thú, tâm thế học tập cho HS để dẫn vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

Cách 1:

– GV hướng dẫn HS trình bày khoảng 2 – 3 báo cáo về kết quả hoạt động khảo sát thị trường (thực hiện ở phần Vận dụng Bài 3).

– HS khác lắng nghe, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:

+ Em có nhận xét, đánh giá gì về các báo cáo?

+ Theo em, các chủ thể tham gia thị trường có được hoạt động hoàn toàn tự do không?

Vì sao?

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

Cách 2:

– GV hướng dẫn HS xem video về bản tin thị trường và trả lời câu hỏi:

1/ Em có nhận xét gì về sự biến động của giá cả một loại hàng hoá trên thị trường?

2/ Theo em, những yếu tố nào trên thị trường tác động đến sự biến động giá cả của hàng hoá đó?

– HS xem video, thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận: Tác động của nhu cầu người tiêu dùng, của việc cung ứng hàng hoá trên thị trường,... dẫn tới sự biến động của giá cả hàng hoá. Nhìn bề ngoài, dường như các chủ thể tham gia thị trường hoàn toàn tự do hoạt động theo ý muốn của mình, song thực tế không phải như vậy. Hoạt động của họ chịu sự chi phối vô hình của các quy luật kinh tế trong cơ chế thị trường. Vậy cơ chế thị trường là gì? Bài học này sẽ làm rõ bản chất, ưu – nhược điểm của cơ chế thị trường, giá cả thị trường để có những ứng xử đúng đắn khi tham gia thị trường.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU KHÁI NIỆM CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm cơ chế thị trường.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS đọc trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Để đứng vững trên thị trường, doanh nghiệp của anh M phải giải quyết những mối quan hệ nào?

2/ Theo em, để kinh doanh thành công, cần phải tuân theo những yêu cầu nào của cơ chế thị trường?

– HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp và trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Gợi ý câu trả lời:

1/ Doanh nghiệp của anh M phải giải quyết mối quan hệ với người tiêu dùng và các đối thủ cạnh tranh.

2/ Các yêu cầu cần giải quyết: 1/ Chấp nhận, tôn trọng đối thủ cạnh tranh, cạnh tranh lành mạnh; 2/ Xuất phát từ nhu cầu của người tiêu dùng, tính toán giảm chi phí sản xuất thấp hơn giá bán hàng hoá trên thị trường.

– Tiếp theo, GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: Hoạt động của Công ty X tuân theo cơ chế thị trường. Vậy cơ chế thị trường là gì?

– HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV đánh giá, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 2. TÌM HIỂU ƯU ĐIỂM CỦA CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

a) **Mục tiêu:** HS nêu được ưu điểm của cơ chế thị trường.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

1/ Ngành Dệt may Việt Nam đã chịu tác động gì từ cơ chế thị trường?

2/ Điều gì giúp cho ngành Dệt may Việt Nam ngày càng trụ vững và phát triển?

– HS thảo luận nhóm. Đại diện nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, phân tích, kết luận:

1/ Tác động từ sự cạnh tranh quyết liệt với những doanh nghiệp mạnh trên thị trường quốc tế; nhu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế.

2/ Tác động của cơ chế thị trường đã thúc đẩy ngành Dệt may cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất lao động, nắm bắt được nhu cầu của người tiêu dùng tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã đẹp, phong phú, đa dạng, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng,...

– Tiếp theo, với kĩ thuật tia chớp, GV nêu câu hỏi: Từ việc phân tích những trường hợp trên, hãy nêu những ưu điểm của cơ chế thị trường.

– HS trả lời nhanh. Các HS khác bổ sung.

– GV nhận xét, đánh giá, phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 3. TÌM HIỂU NHƯỢC ĐIỂM CỦA CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

a) **Mục tiêu:** HS nêu được những nhược điểm của cơ chế thị trường.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

1/ Hãy nêu những nhược điểm của cơ chế thị trường ở thông tin trên.

2/ Theo em, ngoài những nhược điểm trên, cơ chế thị trường còn có những nhược điểm nào khác?

– HS thảo luận nhóm. Đại diện nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, đánh giá, phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 4. TÌM HIỂU KHÁI NIỆM GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm giá cả thị trường.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: đọc hội thoại để trả lời câu hỏi: Khách hàng và nhân viên bán hàng đã thoả thuận với nhau về điều gì? Kết quả của sự thoả thuận đó là gì?

– HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

Gợi ý: Khách hàng và nhân viên bán hàng đã thoả thuận với nhau về giá cả hàng hoá. Kết quả của sự thoả thuận đó là hai bên đã thống nhất được giá của hàng hoá, thời gian và địa điểm giao hàng.

– Tiếp theo, GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

+ Giá cả hàng hoá là gì? Nêu ví dụ minh hoạ.

+ Giá cả thị trường là gì? Nêu ví dụ minh hoạ.

– HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV phân tích và kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 5. TÌM HIỂU CHỨC NĂNG CỦA GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

a) Mục tiêu: HS nêu được các chức năng của giá cả thị trường.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, ở thông tin trên, giá cả thị trường đã thể hiện chức năng thông tin và chức năng phân bổ nguồn lực như thế nào?

2/ Nhà nước đã sử dụng giá cả thị trường để quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế như thế nào? Tại sao giá cả thị trường là một công cụ để Nhà nước quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế?

– HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, phân tích, kết luận:

1/ Qua thông tin về giá cả của sản phẩm sữa trên thị trường, người tiêu dùng điều chỉnh, giảm bớt nhu cầu, chuyển sang dùng mặt hàng khác phù hợp hơn với khả năng thanh toán của mình; người cung ứng nhanh chóng tìm biện pháp tăng thêm sản phẩm này trên thị trường để thu nhiều lợi nhuận hơn. Để tăng thêm sản phẩm sữa trên thị trường, nguồn lực về vốn, sức lao động cũng được điều chuyển, phân bổ cho ngành sản xuất, kinh doanh sữa nhiều hơn.

2/ Nhà nước đã sử dụng giá cả thị trường để quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế như: quy định áp trần giá sữa, yêu cầu các doanh nghiệp, đại lí sữa phải đăng kí với cơ quan quản lí giá ở địa phương, công khai mức giá bán.

– Tiếp theo, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Giá cả thị trường có các chức năng gì? Nêu ví dụ minh hoạ cho từng chức năng.

- HS làm việc cá nhân (hoặc nhóm đôi) trả lời câu hỏi.

Gợi ý: HS có thể được sử dụng điện thoại thông minh, máy tính để tìm những ví dụ minh họa cho từng chức năng của giá cả thị trường (nếu có điều kiện). Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).
- Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức cơ bản vừa khám phá.

GV chốt lại những nội dung chính của bài học.

- + Cách 1: GV chốt và trình chiếu những kiến thức cơ bản của bài học vừa được khám phá.
- + Cách 2: HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy để chốt kiến thức và trình bày trước lớp.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố những tri thức đã khám phá về cơ chế thị trường.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

- GV hướng dẫn HS thảo luận tập thể để làm bài tập.
- HS suy nghĩ, làm bài tập, nêu đáp án. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, phân tích và kết luận:

a. Không đồng tình, vì người sản xuất phải chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế, trong đó có quy luật cung – cầu: Phải căn cứ vào nhu cầu của người tiêu dùng để sản xuất hàng hoá với mẫu mã và giá cả hợp lí.

b. Đồng tình, vì cơ chế thị trường luôn tiềm ẩn rủi ro.

c. Không đồng tình, vì sự cạnh tranh là tất yếu trong cơ chế thị trường.

d. Đồng tình, vì đây là một chức năng của giá cả thị trường.

2. Em có nhận xét gì về hành vi của các chủ thể sau?

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để nhận xét, đánh giá về hành vi đúng/không đúng, phê phán hành vi không đúng khi tham gia thị trường, vi phạm cơ chế thị trường.

– HS thảo luận nhóm, trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, phân tích và kết luận:

a. Người dân thôn S cần cân nhắc trước khi chuyển đổi sản xuất vì có thể nhu cầu dựa trên thị trường là tự phát, không bền vững,... đồng thời Nhà nước cũng cần tăng cường vai trò quản lí vĩ mô đối với nền kinh tế.

b. Ông Y đã nắm bắt được nhu cầu của thị trường và hành động theo sự chi phối của quy luật cung – cầu trên thị trường.

c. Hành vi của siêu thị X vi phạm pháp luật, cần có hình phạt thích đáng.

d. Hành vi của người tiêu dùng hợp lí, dưới sự tác động của giá cả thị trường.

3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để xử lý tình huống và đưa ra lời khuyên phù hợp (có thể xây dựng tiểu phẩm và đóng vai biểu diễn tiểu phẩm).

– HS làm việc nhóm để xử lý tình huống.

– GV nhận xét, phân tích và gợi ý:

a. Em sẽ nói với bố mẹ: Vì đó là nghề gia truyền nên bố mẹ đã có kinh nghiệm, uy tín trong kinh doanh. Tuy nhiên, bố mẹ nên tìm hiểu kỹ về hai hàng phở đang hoạt động ở khu phố (giá cả, chất lượng, phương thức bán hàng,...). Nếu hai hàng phở đó có ưu thế cạnh tranh hơn thì bố mẹ không nên mở hàng phở nữa và ngược lại.

b. Nếu là người thân của bà Y, em sẽ nói với bà: Bà không nên làm thế. Việc làm của bà là đầu cơ tích trữ hàng hoá, góp phần đẩy giá hàng lên cao hơn, làm mất đi tính khách quan của cơ chế thị trường, gây bất lợi cho người tiêu dùng.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS viết bài chia sẻ suy nghĩ về quan điểm “Thị trường luôn luôn đúng”.
Gợi ý: Nói về tính khách quan của thị trường.

2. GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm, khảo sát và viết báo cáo về tình hình giá cả một loại hàng hoá ở địa phương.

– Sản phẩm dự kiến: Báo cáo tình hình giá cả hàng hoá X: Mặt hàng X, giá cả ở các điểm bán hàng khác nhau, chất lượng hàng hoá, phong cách phục vụ, phương thức bán hàng,...

– HS báo cáo, GV nhận xét chung.

Chủ đề 3

NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THUẾ

Bài 5. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (3 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước; đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập về ngân sách nhà nước.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan đến ngân sách nhà nước.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Ủng hộ những hành vi chấp hành tốt và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách nhà nước.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Có hành vi đúng khi tham gia một số hoạt động liên quan đến ngân sách nhà nước.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các hoạt động liên quan đến ngân sách nhà nước.
- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, video clip về ngân sách nhà nước;
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** HS huy động những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân về những vấn đề có liên quan đến ngân sách nhà nước; tạo hứng thú, tâm thế học tập của HS, dẫn vào bài mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

Cách 1:

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Ngân sách nhà nước góp phần cho sự phát triển của các tỉnh miền núi như thế nào?

2/ Hãy chia sẻ hiểu biết của em về ngân sách nhà nước.

– HS đọc thông tin, trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, dẫn vào bài mới.

Cách 2:

HS xem một video về ngân sách nhà nước và nêu nhận xét, chia sẻ trải nghiệm về ngân sách nhà nước: Em biết gì về ngân sách nhà nước?

– GV nhận xét, kết luận và dẫn vào bài mới.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU KHÁI NIỆM NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

a) **Mục tiêu:** HS nêu được khái niệm ngân sách nhà nước.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV hướng dẫn HS quan sát sơ đồ trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Ngân sách nhà nước gồm các khoản thu, chi gì?

2/ Ai được quyền quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

– HS làm việc cá nhân: quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, phân tích khái niệm ngân sách nhà nước (có thể giảng giải thêm về các khoản thu – chi, vấn đề bội thu – bội chi trong ngân sách nhà nước) và kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 2. TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

a) **Mục tiêu:** HS nêu được các đặc điểm của ngân sách nhà nước.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và trả lời các câu hỏi:

1/ Mục đích của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

- 2/ Kể tên một số quỹ trong ngân sách nhà nước và chia sẻ hiểu biết của em về quỹ đó.
 - 3/ Người dân đóng góp vào ngân sách nhà nước có được hoàn trả trực tiếp không? Vì sao?
- HS đọc thông tin, trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, giảng giải, kết luận:

- 1/ Mục đích: giải quyết các lợi ích chung trong xã hội;

- 2/ Một số quỹ: quỹ dự trữ tài chính, quỹ an sinh xã hội, quỹ bảo vệ môi trường,....;

- 3/ Không, công dân đóng góp trực tiếp vào ngân sách nhà nước qua thuế, phí, lệ phí nhưng không nhận lợi ích trực tiếp từ sự đóng góp đó; Tuy nhiên có sự hoàn trả gián tiếp thông qua việc Nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ cho các nhu cầu chung của xã hội.

- Tiếp theo, GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: Ngân sách nhà nước có những đặc điểm gì? Nêu ví dụ để chứng minh cho một số đặc điểm đó.

- HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Gợi ý: GV có thể áp dụng kĩ thuật các mảnh ghép hoặc kĩ thuật khăn trải bàn, hướng dẫn HS làm việc cá nhân và làm việc nhóm để làm rõ các đặc điểm của ngân sách nhà nước.

- Các nhóm tập hợp kết quả thảo luận để làm rõ các đặc điểm của ngân sách nhà nước.

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, phân tích, kết luận.

Hoạt động 3. TÌM HIỂU VAI TRÒ CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

a) Mục tiêu: HS nêu được các vai trò của ngân sách nhà nước.

b) Tổ chức thực hiện:

- Bằng kĩ thuật các mảnh ghép hoặc kĩ thuật khăn trải bàn, GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

- 1/ Trong sơ đồ 2, khoản chi nào dành cho hoạt động của bộ máy nhà nước?

- 2/ Thông tin 1 cho biết ngân sách nhà nước đã góp phần định hướng phát triển sản xuất để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý như thế nào?

- 3/ Thông tin 2 cho biết ngân sách nhà nước góp phần điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát như thế nào?

- 4/ Thông tin 3 cho biết gia đình anh T đã được hỗ trợ từ quỹ phúc lợi của ngân sách nhà nước như thế nào?

- HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, phân tích, gợi ý câu trả lời:

- 1/ Khoản chi thường xuyên;

- 2/ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kĩ thuật, thực hiện chính sách ưu đãi để chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý,...

- 3/ Sử dụng quỹ dự trữ quốc gia để cung ứng đầy đủ, kịp thời lương thực, thực phẩm cho những người gặp khó khăn trong dịch COVID – 19.

4/ Các con anh T được hỗ trợ kinh phí để đi học, mọi người trong gia đình được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, được hỗ trợ kinh phí chuyển đổi mô hình sản xuất để thoát nghèo.

– Tiếp theo, với kĩ thuật tia chớp, GV tổ chức cho HS trả lời nhanh: Hãy nêu các vai trò chủ yếu của ngân sách nhà nước. Nêu ví dụ minh họa.

– HS trả lời nhanh. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 4. TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH CƠ BẢN VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ

CÔNG DÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

a) **Mục tiêu:** HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV hướng dẫn HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Thông tin 2 cho biết Nhà nước đã đảm bảo quyền gì của công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước?

2/ Ngụ dân xã Q được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ gì theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước?

– HS làm việc cá nhân: đọc thông tin và trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, gợi ý câu trả lời:

1/ Quyền được cung cấp thông tin, giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước.

2/ Quyền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; nghĩa vụ sử dụng khoản tiền vay đúng mục đích, trả nợ đúng thời hạn và đóng thuế đầy đủ.

– GV phân tích, kết luận về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

– Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức cơ bản vừa khám phá. GV chốt lại những nội dung chính của bài học.

+ Cách 1: GV chốt và trình chiếu những kiến thức cơ bản của bài học vừa được khám phá.

+ Cách 2: HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy để chốt kiến thức và trình bày trước lớp.

3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS củng cố tri thức đã khám phá về khái niệm, đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước.

b) **Tổ chức thực hiện:**

1. *Em hãy cho biết ý kiến nào sau đây là đúng hoặc không đúng. Vì sao?*

– HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi.

– GV kết luận:

a. Đúng: Mặc dù định nghĩa về ngân sách nhà nước viết là “... toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định...” song trên thực tế ngân sách nhà nước thường được tính trong một năm.

b. Không đúng: Có những khoản thu của người dân không phải nộp vào ngân sách nhà nước; mặt khác, ngân sách nhà nước còn có những khoản thu khác ngoài những khoản thu của người dân.

c. Đúng, đây là vai trò thứ nhất của ngân sách nhà nước.

d. Không đúng: Ngân sách nhà nước do nhân dân đóng góp nên nhân dân được quyền và có nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc Nhà nước sử dụng ngân sách như thế nào.

2. Theo em, trong các tình huống sau, ai thực hiện đúng, ai vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước? Vì sao?

– HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Ông M sai khi lợi dụng chức vụ để đưa người thân có điều kiện tốt hơn nhiều người khác vào danh sách hộ nghèo để được nhận hỗ trợ của Chính phủ. Ông N đúng, có lòng tự trọng và nhân văn khi tự nguyện xin không nhận sự hỗ trợ, nhường cho người khác có hoàn cảnh khó khăn hơn.

b. Cán bộ xã sai khi: 1/ Bắt người dân phải nộp nhiều khoản không đúng theo quy định của pháp luật; 2/ Vi phạm quy chế dân chủ và quyền lợi của người dân khi không giải trình công khai các khoản thu chi. Người dân đúng khi quan tâm tới vấn đề thu chi ngân sách nhà nước, có ý thức bảo vệ quyền lợi của mình khi yêu cầu cán bộ xã phải giải trình công khai các khoản thu chi.

c. Các cơ quan nhà nước trong tỉnh A đã có các việc làm đúng góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước.

Gợi ý: HS có thể làm việc nhóm, xây dựng kịch bản, đóng vai, nhận xét hành vi.

3. Em hãy giải đáp thắc mắc giúp các bạn trong những tình huống sau

– HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, đưa ra lời giải đáp thắc mắc.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Nguồn để trợ cấp cho người cao tuổi từ ngân sách nhà nước.

b. Nhà nước đã dùng ngân sách để làm đường, xây cầu. Vì vậy, nộp phí khi đi trên đường cao tốc để bù đắp khoản chi đó từ ngân sách nhà nước.

4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) **Tổ chức thực hiện:**

1. GV hướng dẫn HS viết về một công trình sử dụng ngân sách nhà nước ở địa phương mình và ý nghĩa của công trình đó: Tên công trình, được xây dựng khi nào và như thế nào, nguồn vốn từ đâu? Người dân đã sử dụng công trình đó như thế nào? Công trình đó có ý nghĩa như thế nào đối với địa phương em đang sinh sống?

2. GV hướng dẫn HS thống kê theo bảng mẫu sau những nghĩa vụ và quyền lợi của gia đình mình đối với ngân sách nhà nước:

Nghĩa vụ	Nộp thuế... ...
Quyền lợi	Sử dụng dịch vụ công...

Gợi ý: HS có thể tham khảo ý kiến của người thân trong gia đình để hoàn thành bản thống kê.

Bài 6. THUẾ (2 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế.
- Kể được tên một số loại thuế phổ biến.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thuế.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Ủng hộ những hành vi chấp hành tốt và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Có hành vi đúng khi tham gia một số hoạt động liên quan đến thuế.

3. Về phẩm chất

– Trung thực, có trách nhiệm công dân trong việc tham gia một số hoạt động liên quan tới thuế.

– Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

– Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, clip,... về thuế;

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** HS huy động những kiến thức, kinh nghiệm của bản thân về những vấn đề có liên quan đến thuế; tạo hứng thú, tâm thế học tập để dẫn vào bài mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

Cách 1: Chơi trò chơi “Tiếp sức”: Kể tên các loại thuế có ở Việt Nam.

– GV chọn 2 đội chơi. Lần lượt từng thành viên trong mỗi đội viết lên bảng một loại thuế. Trong cùng một khoảng thời gian (3 – 5 phút), đội nào viết được nhiều loại thuế hơn sẽ thắng. Sau khi chơi, HS trả lời câu hỏi: Em biết gì về các loại thuế trên?

– HS tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét, dẫn vào bài mới.

Cách 2: GV hỏi HS để ôn lại bài cũ, từ đó dẫn vào bài mới: Giờ trước, các em đã được tìm hiểu về ngân sách nhà nước. Vậy ngân sách nhà nước là gì? Nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước từ đâu?

– HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận: Thuế là một nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Mỗi loại thuế mà Nhà nước ban hành đều nhằm mục đích tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Thuế gắn liền với tăng trưởng kinh tế, công bằng trong phân phối và sự ổn định xã hội. Bài học này sẽ giúp các em hiểu bản chất, vai trò của thuế, nhận diện được một số loại thuế cơ bản, hiểu được việc nộp thuế là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU KHÁI NIỆM THUẾ

a) **Mục tiêu:** HS nêu được khái niệm thuế.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Vì sao ông X phải nộp thuế?

2/ Ông X nộp thuế cho ai?

– HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét, gợi ý câu trả lời:

1/ Ông X phải nộp thuế theo quy định tại Điều 14 Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007, sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2015 vì có thu nhập từ việc chuyển nhượng bất động sản.

2/ Ông X phải nộp thuế cho ngân sách nhà nước.

– Tiếp theo, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Thuế là gì?

– HS trả lời.

– GV nhận xét, phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 2. TÌM HIỂU VAI TRÒ CỦA THUẾ

a) Mục tiêu: HS nêu được vai trò cơ bản của thuế.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS quan sát sơ đồ, đọc thông tin, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

Vì sao Nhà nước phải thu thuế?

– HS thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 3. TÌM HIỂU MỘT SỐ LOẠI THUẾ PHỔ BIẾN

a) Mục tiêu: HS nêu được một số loại thuế phổ biến.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS đọc trường hợp, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: Theo em, ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp X còn phải nộp các loại thuế nào khác? Chia sẻ hiểu biết của em về các loại thuế đó.

– HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 4. TÌM HIỂU QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT THUẾ

a) Mục tiêu: HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin để trả lời câu hỏi:

1/ Vì sao nộp thuế là quyền và nghĩa vụ của công dân?

2/ Hãy nêu ví dụ về một số quyền lợi và nghĩa vụ của người nộp thuế.

- HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.
- GV nhận xét, phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).
- Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức cơ bản vừa khám phá.

GV chốt lại những nội dung chính của bài học.

- + Cách 1: GV chốt và trình chiếu những kiến thức cơ bản của bài học vừa được khám phá.
- + Cách 2: HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy để chốt kiến thức và trình bày trước lớp.

3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS củng cố tri thức đã khám phá về các loại thuế; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

b) **Tổ chức thực hiện:**

1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

– HS làm việc nhóm đôi, trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét và kết luận:

- Không đồng tình, vì chủ thể chịu thuế có thể nộp thuế gián tiếp, ví dụ thuế gián thu.
- Không đồng tình, vì đó là vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Không đúng, vì có nhiều loại thuế và Nhà nước chỉ giảm thuế, giãn thuế cho doanh nghiệp làm ăn thua lỗ do nguyên nhân khách quan như thiên tai, dịch bệnh,...
- Không đồng tình, vì thuế giá trị gia tăng là thuế gián thu được cộng vào giá hàng hoá, dịch vụ do người tiêu dùng trả khi sử dụng sản phẩm đó. Mặc dù người tiêu dùng mới chính là người chi trả thuế giá trị gia tăng, nhưng chủ thể sản xuất kinh doanh mới là người trực tiếp nộp thuế cho Nhà nước.
- Đồng tình, vì đó là vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Em hãy gọi tên loại thuế mà các chủ thể phải đóng và cho biết vai trò của thuế đó trong những trường hợp sau:

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp. Vai trò: Chiếm tỉ trọng lớn trong các loại thuế, góp phần ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước, phân phối thu nhập, thúc đẩy đầu tư ở Việt Nam.
- Thuế thu nhập cá nhân. Vai trò: Góp phần điều tiết thu nhập trong xã hội.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt. Vai trò: Góp phần điều tiết sản xuất và tiêu dùng xã hội, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.
- Thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường. Vai trò: Góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

3. Em có nhận xét gì về các việc làm sau?

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời các yêu cầu của bài tập.

- GV mời đại diện một vài HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét và bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét và kết luận:

- Đó là việc làm sai, vi phạm pháp luật về thuế.
- Đó là việc làm sai, vi phạm pháp luật về thuế.
- Đó là việc làm sai, vi phạm pháp luật về thuế.

4. Em hãy giải đáp thắc mắc giúp các bạn sau đây:

- GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận giải đáp một thắc mắc.
- GV gợi ý giải đáp thắc mắc:

a. Người nộp thuế phải bỏ tiền ra nộp nhưng nộp thuế vẫn là quyền lợi của công dân vì thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước. Nhà nước sử dụng ngân sách để quản lý và xây dựng đất nước, đem lại lợi ích cho người dân. Tuy nhiên, nhiều người vẫn trốn thuế là vì họ chỉ lo vun vén cho lợi ích trước mắt của bản thân.

b. Thuế thu nhập cá nhân giúp Nhà nước có thêm khoản thu để có thể đảm bảo thực hiện các chế độ phúc lợi theo quy định cũng như đầu tư xây dựng các công trình công cộng phục vụ các nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống của nhân dân; góp phần điều tiết thu nhập, giảm khoảng cách giàu nghèo, thực hiện công bằng xã hội; góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

c. Biển là tài nguyên của đất nước, nhân dân. Người khai thác cá từ biển thì phải nộp thuế. Mặt khác, người khai thác cá nộp thuế để Nhà nước có ngân sách quản lý đất nước, trong đó có biển.

d. Ca sĩ khi biểu diễn đã sử dụng công trình công cộng được xây dựng từ ngân sách nhà nước. Mặt khác, lí do người thu nhập cao phải nộp thuế thu nhập cá nhân đã được giải thích ở bài tập 4.b.

Gợi ý: GV có thể hướng dẫn cho HS xây dựng và biểu diễn tiểu phẩm về các tình huống này (mỗi nhóm một tình huống).

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS:

1. Viết một đoạn văn (khoảng 500 chữ) tuyên truyền về nghĩa vụ phải nộp thuế của công dân.

2. Tìm hiểu, tự đánh giá về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của những người thân trong gia đình.

Chủ đề 4

SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Bài 7. SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH (5 tiết)

MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.
- Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến sản xuất kinh doanh và lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động sản xuất kinh doanh; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong xã hội.
 - + Năng lực phát triển bản thân: Có ý tưởng trong việc lựa chọn mô hình hoạt động kinh tế trong tương lai đối với bản thân.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi trong việc lựa chọn mô hình và tham gia sản xuất kinh doanh.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với lứa tuổi.
- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về mô hình sản xuất kinh doanh;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Giới thiệu mục tiêu bài học, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về vai trò của sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh; tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS kể một số hoạt động sản xuất kinh doanh của gia đình hoặc những cơ sở sản xuất kinh doanh nơi em sinh sống và cho biết các hoạt động đó có đóng góp gì trong đời sống xã hội.

Sau khi mời một vài HS phát biểu ý kiến, GV nhận xét và kết nối vào bài mới theo đoạn dẫn trong SGK.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT KINH DOANH

a) **Mục tiêu:** HS nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV yêu cầu các nhóm phân tích trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Anh T đã cung cấp dịch vụ để phục vụ để bà con địa phương với mục đích gì? Hoạt động này có điểm gì khác so với hoạt động sản xuất trước đây?

2/ Hoạt động sản xuất kinh doanh của anh T đã mang lại lợi ích gì cho gia đình và xã hội?

– Sau khi mời đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Hoạt động 2. TÌM HIỂU MỘT SỐ MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

a) **Mục tiêu:** HS nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của mô hình đó.

b) Tổ chức thực hiện:

*** Mô hình hộ sản xuất kinh doanh**

– GV yêu cầu các nhóm thảo luận thông tin về câu chuyện sản xuất kinh doanh của hộ gia đình anh T và trả lời câu hỏi:

1/ Việc sản xuất kinh doanh của hộ gia đình anh T do ai chịu trách nhiệm sản xuất và tiêu thụ sản phẩm? Số lao động tham gia là bao nhiêu?

2/ Em có nhận xét gì về quy mô kinh doanh, khả năng huy động vốn của hộ gia đình anh T?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

*** Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất kinh doanh**

– GV hướng dẫn các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Hợp tác xã Đoàn Kết gồm mấy thành viên? Hoạt động của hợp tác xã dựa trên nguyên tắc nào?

2/ Ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình hộ sản xuất kinh doanh là gì? Theo em, tại sao anh T phải liên kết với các hộ gia đình khác?

Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

*** Mô hình doanh nghiệp**

• Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp

– GV hướng dẫn các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi: Em hãy nêu những biểu hiện tính hợp pháp và tính tổ chức của doanh nghiệp X.

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

• Một số mô hình doanh nghiệp

Doanh nghiệp tư nhân

– GV hướng dẫn các nhóm đọc thông tin về doanh nghiệp X trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Ông Q có quyền sở hữu, quản lý và thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp X trước pháp luật như thế nào?

2/ Theo em, doanh nghiệp tư nhân là gì và có đặc điểm gì?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Công ty hợp danh

– GV hướng dẫn các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Công ty hợp danh QT được thành lập bởi những ai? Các thành viên hợp danh có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong công ty? Các thành viên góp vốn có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong công ty?

2/ Theo em, công ty hợp danh là gì, có đặc điểm gì, có ưu điểm gì so với doanh nghiệp tư nhân?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

– GV hướng dẫn các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi: Em có nhận xét gì về mục đích thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của anh N?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên

– GV hướng dẫn các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của anh N được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên như thế nào? Cơ chế tổ chức và hoạt động ra sao?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Công ty cổ phần

– GV hướng dẫn các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi: Công ty cổ phần A được hình thành như thế nào? Em hãy nêu phương thức hoạt động của công ty cổ phần.

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Doanh nghiệp nhà nước

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi: Em hãy phân tích số vốn của doanh nghiệp K trước và sau khi cổ phần hoá.

– Đại diện một đến hai HS trả lời lần lượt từng câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

+ Doanh nghiệp nhà nước: là tổ chức kinh doanh do Nhà nước thành lập, hoặc tham gia thành lập đầu tư trên 50% vốn điều lệ và quản lý hoặc tham gia quản lý với tư cách chủ sở hữu, là một pháp nhân kinh tế, hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật.

+ Đặc điểm: Doanh nghiệp nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần là những doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Nhà nước giao vốn và tài sản để doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh hay hoạt động công ích nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội, không giao quyền sở hữu mà chỉ giao quyền quản lý tài sản cho doanh nghiệp. Chế độ trách nhiệm tài sản là chế độ trách nhiệm hữu hạn, được phát hành cổ phần; Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh tự chịu trách nhiệm về quản lý sản xuất, về kinh tế, không được Nhà nước bao cấp như trước đây mà phải tự bù đắp những chi phí, tự trang trải mọi nguồn vốn đồng thời làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, xã hội như các doanh nghiệp khác.

3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

GV phân công mỗi nhóm thảo luận một ý kiến, đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

a. Đồng tình, vì phát triển sản xuất kinh doanh sẽ tạo được nhiều việc làm, thu nhập ổn định, giảm bớt đi nguyên nhân dẫn đến những tệ nạn xã hội như trộm cắp, cờ bạc,...

b. Không đồng tình, vì phát triển sản xuất kinh doanh ở địa phương tạo cơ hội cho những ngành nghề truyền thống được phát huy vì có sẵn kinh nghiệm, thị trường,...

c. Ý kiến này có ý đúng, vì kinh doanh trực tuyến không cần nhiều nhà xưởng nhưng có ý chưa đúng, vì vẫn rất cần phải có trí tuệ, kinh doanh dưới hình thức nào cũng cần có trí tuệ.

d. Đồng tình, vì sản xuất kinh doanh có vai trò tạo ra của cải thoả mãn nhu cầu xã hội, tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định đời sống xã hội,...

2. Em hãy cùng các bạn trong nhóm thảo luận để nhận biết điểm khác nhau của các mô hình sản xuất kinh doanh

GV phân công mỗi nhóm thảo luận nêu điểm khác nhau giữa các mô hình sản xuất kinh doanh ở một ý trong bài tập. Đại diện từng nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

a. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân

– Chủ thể thành lập: Doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, có thể là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài còn hộ kinh doanh do cá nhân là công dân Việt Nam, một nhóm người, một hộ gia đình.

– Quy mô: Doanh nghiệp tư nhân không giới hạn quy mô, vốn, không giới hạn số lượng lao động còn hộ kinh doanh thì số lượng lao động không quá 10 người.

– Địa điểm kinh doanh: Doanh nghiệp tư nhân được mở nhiều địa điểm, chi nhánh còn hộ kinh doanh không được mở nhiều địa điểm kinh doanh.

– Cơ quan có thẩm quyền đăng kí kinh doanh: Doanh nghiệp tư nhân đăng kí kinh doanh cấp tỉnh (sở kế hoạch và đầu tư) còn hộ kinh doanh đăng kí kinh doanh cấp huyện (phòng kế hoạch và đầu tư).

– Con dấu: Doanh nghiệp tư nhân có con dấu riêng còn hộ kinh doanh không có con dấu.

b. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh và hợp tác xã

– Đối tượng được đăng kí tham gia: Hộ kinh doanh gồm cá nhân, hộ gia đình là công dân Việt Nam còn hợp tác xã có thêm tổ chức, người nước ngoài.

– Quyền hạn đăng kí tham gia: Hộ chỉ được đăng kí một hộ kinh doanh cá thể duy nhất trên lãnh thổ Việt Nam trong khi hợp tác xã có thể đăng kí trở thành thành viên của nhiều liên hiệp hợp tác xã.

– Quyền hạn quyết định của thành viên: do chủ hộ kinh doanh hoặc theo thoả thuận giữa các thành viên trong hộ gia đình còn hợp tác xã thì các thành viên có quyền bình đẳng trong mọi quyết định hoạt động của hợp tác xã.

– Người đại diện theo pháp luật của hộ là Chủ hộ kinh doanh còn hợp tác xã là Chủ tịch hội đồng quản trị.

– Cơ cấu quản lý tổ chức: Hộ thì do chủ hộ tự tổ chức còn hợp tác xã do đại hội thành viên, có hội đồng quản trị, giám đốc, ban kiểm soát,...

– Tư cách pháp nhân: hộ không có tư cách pháp nhân nhưng hợp tác xã thì có.

– Quyền và trách nhiệm tài sản: Hộ phải chịu trách nhiệm vô hạn về tài sản còn hợp tác xã chịu trách nhiệm hữu hạn theo số tài sản đóng góp của các thành viên.

– Con dấu: Hộ không có con dấu, còn hợp tác xã có con dấu.

c. Mô hình doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

– Quyền và trách nhiệm tài sản: Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty (trách nhiệm hữu hạn) còn chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp (trách nhiệm vô hạn).

– Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu góp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chủ sở hữu công ty phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty còn vốn của doanh nghiệp tư nhân do chủ doanh nghiệp tự bỏ ra kinh doanh không cần phải chuyển quyền sở hữu vào tài sản của công ty.

– Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân còn doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân.

d. Mô hình doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh

– Doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân làm chủ sở hữu và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về hoạt động của doanh nghiệp, còn công ty hợp danh do ít nhất hai cá nhân là đồng chủ sở hữu công ty và được gọi là thành viên hợp danh, cùng nhau chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về nghĩa vụ của công ty. Ngoài thành viên hợp danh, công ty có thể có thành viên góp vốn. Thành viên góp vốn có thể là cá nhân, tổ chức và chỉ phải chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp.

– Doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân trong khi công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

– Doanh nghiệp tư nhân không có sự tách bạch giữa tài sản của doanh nghiệp và tài sản của chủ sở hữu, chủ sở hữu có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư của mình vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong khi các thành viên hợp danh phải thực hiện chuyển quyền sở hữu tài sản vốn góp cho công ty.

e. Mô hình công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

– Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có số lượng thành viên từ 02 đến

50 người trong khi công ty cổ phần phải có tối thiểu 03 thành viên là chủ sở hữu và không giới hạn số lượng thành viên tối đa.

– Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm: hội đồng thành viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc và ban kiểm soát trong khi công ty cổ phần có cơ cấu tổ chức: đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị, ban kiểm soát và giám đốc hoặc tổng giám đốc.

– Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chỉ được phát hành trái phiếu trong khi công ty cổ phần được phát hành cổ phiếu và trái phiếu.

3. Em hãy tìm hiểu các mô hình sản xuất kinh doanh ở địa phương theo gợi ý sau:

GV phân công theo nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một loại mô hình theo những gợi ý trong SGK, quy định thời gian thực hiện, sản phẩm cần có (ví dụ: bản báo cáo, hình ảnh, video, ghi âm lời giới thiệu của chủ cơ sở,...).

Sau đó tổ chức cho các nhóm giới thiệu sản phẩm của mình trước lớp.

4. Em có lời khuyên gì cho các nhân vật trong những tình huống sau?

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm hoặc sắm vai với mỗi tình huống, hướng dẫn HS nghiên cứu nội dung tình huống, xây dựng kịch bản trong đó đã có phương án xử lý tình huống, phân vai và thực hiện vai diễn trước lớp sau đó mời đại diện hai đến ba nhóm nêu ý kiến của nhóm mình hoặc diễn tiểu phẩm, các nhóm khác nhận xét, GV kết luận:

– Tình huống a là tình huống mở, có thể có ý kiến trái chiều, song gợi ý mong muốn là nên làm theo lời khuyên đó để thực hiện nguyên lý “li nông bất li hương” có thể không theo đuổi nghề nông nhưng không bỏ quê hương, vẫn có thể tìm được một mô hình kinh doanh phù hợp với bản thân và gia đình.

– Trường hợp b là tình huống mở, HS có nhiều ý kiến khác nhau, có thể là bạn theo học đại học ngành có liên quan để phát huy sở trường làm bánh, hoặc theo đuổi giấc mơ kinh doanh mở tiệm làm bánh không nhất thiết phải đi học đại học,...

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc nhận biết vai trò của sản xuất kinh doanh và lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS, viết bài giới thiệu dự định mô hình kinh doanh trong tương lai của bản thân hoặc gia đình, trong đó nêu rõ lý do vì sao em chọn mô hình đó và giới thiệu với các bạn trong lớp. Quy định dung lượng bài viết (trong hai trang), thời gian nộp bài. Khuyến khích bài giới thiệu có hình ảnh minh họa.

2. GV tổ chức cuộc thi thuyết trình về sự đóng góp của sản xuất kinh doanh đối với đời sống kinh tế – xã hội ở địa phương. GV hướng dẫn HS viết bài và đăng ký tham gia cuộc thi.

Chủ đề 5

TÍN DỤNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG

Bài 8. TÍN DỤNG VÀ VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG (2 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng.
- Nhận biết được vai trò tích cực của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình và xã hội.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tín dụng.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến hoạt động tín dụng.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động tín dụng; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động tín dụng; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia hoạt động tín dụng.
 - + Năng lực phát triển bản thân: Nhận thức được vai trò và đặc điểm của tín dụng để chủ động tham gia hoạt động tín dụng thích hợp trong tương lai để phát triển bản thân.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia hoạt động tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia hoạt động tín dụng phù hợp với lứa tuổi.
- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về tín dụng;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Giới thiệu mục tiêu bài học, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV đưa ra chủ đề: “Hãy chia sẻ hiểu biết về lợi ích của việc gửi và vay tiền ở ngân hàng” để khai thác trải nghiệm của HS, dẫn dắt HS tiếp cận nội dung bài học.

– GV mời một đến hai HS lên trình bày, sau đó kết luận:

+ Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng mang lại cho người gửi một khoản tiền lãi, đồng thời cung cấp vốn cho người đang cần tiền trong xã hội để sản xuất, kinh doanh, đầu tư hoặc tiêu dùng,...

+ Gửi và vay ở ngân hàng sẽ yên tâm vì ngân hàng là một tổ chức tín dụng có uy tín.

Mối quan hệ vay mượn ấy chính là tín dụng. Bài học này giúp em hiểu rõ hơn đặc điểm và vai trò của tín dụng trong đời sống, nhận biết được vai trò của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình, xã hội để tham gia và sử dụng các dịch vụ tín dụng một cách hiệu quả và trách nhiệm.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TÍN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS nêu được khái niệm, đặc điểm của tín dụng.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:

1/ Nội dung quan hệ vay mượn giữa anh A và ngân hàng là gì? Căn cứ vào những điều gì để ngân hàng quyết định cho anh A vay tiền?

2/ Trong hợp đồng vay tiền, anh A cam kết phải hoàn trả lại ngân hàng với nội dung như thế nào? Việc hoàn trả này có bắt buộc không? Vì sao?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét. Sau đó, GV kết luận:

1/ Nội dung quan hệ vay mượn giữa anh A và ngân hàng là: ngân hàng cho anh A vay 100 triệu để thực hiện dự án trồng rau sạch trong 2 năm với lãi suất ưu đãi.

Ngân hàng chỉ cho vay sau khi xem xét và tin tưởng anh A vì chỉ có tin anh A là người có uy tín, có khả năng trả nợ đúng hạn ngân hàng mới giao tiền cho anh A vay, nếu không rủi ro mất tiền là rất lớn. Sự tin tưởng dựa trên lịch sử tín dụng tốt của anh A trước đây nếu có vay đều trả nợ đúng hạn, mục đích vay và hiệu quả sử dụng vốn cho dự án trồng rau sạch là tốt, anh A có thể trả nợ được khi đến hạn. Ngân hàng cho anh A vay tiền trong 2 năm.

2/ Trong hợp đồng, anh A cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền vay cộng thêm phần tiền lãi đúng kì hạn như đã thoả thuận. Việc hoàn trả này là bắt buộc vì nếu không ngân hàng sẽ không thu hồi được tiền vay và bị thua lỗ.

Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay) theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc lẫn lãi.

Tín dụng có đặc điểm cơ bản là: Dựa trên sự tin tưởng: người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn; Có tính tạm thời: việc cho vay chỉ là nhượng quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định; Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi: đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS nêu được vai trò của tín dụng.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV chia lớp học thành các nhóm từ 4 – 6 HS. Phân công mỗi nhóm thảo luận một trong số ba thông tin ở SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Thông tin 1 cho thấy tín dụng có vai trò tập trung, cung cấp nguồn vốn và đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả cho nền kinh tế như thế nào?

2/ Thông tin 2 cho thấy tín dụng giúp Nhà nước thực hiện việc điều tiết kinh tế – xã hội như thế nào?

3/ Thông tin 3 cho thấy tín dụng thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hoá, tiêu dùng phát triển, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân như thế nào?

– Đại diện các nhóm đã được phân công lên trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét. Sau đó, GV kết luận:

Tín dụng có vai trò tập trung các nguồn tiền nhân rồi trong xã hội rồi cung cấp vốn cho những người muốn vay để phát triển sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đòi hỏi người vay phải sử dụng hiệu quả vốn vay. Như vậy, tín dụng góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu

quả đầu tư vốn trong xã hội. Ngoài ra, tín dụng còn có vai trò là công cụ điều tiết kinh tế – xã hội của Nhà nước; đồng thời còn có vai trò thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hoá, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

– GV hướng dẫn HS đọc các ý kiến trong SGK, nêu quan điểm của mình và giải thích theo phiếu học tập gợi ý dưới đây:

PHIẾU HỌC TẬP			
Nội dung ý kiến	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a. Tín dụng là hoạt động người cho vay giao quyền sở hữu nguồn vốn cho người vay trong một thời gian nhất định.		X	Đặc điểm của tín dụng là người cho vay nhường quyền sử dụng nguồn vốn đó trong một thời hạn nhất định chứ không giao quyền sở hữu.
b.		...	...

– Sau đó, GV cùng HS nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp lại nội dung cần đạt được trong phiếu học tập như sau:

a. Ý kiến này không đúng vì đặc điểm của tín dụng là người cho vay nhường quyền sử dụng nguồn vốn đó trong một thời hạn nhất định, không giao quyền sở hữu.

b. Ý kiến này không đúng vì đặc điểm của tín dụng là người vay phải trả đủ cả tiền vay (tiền gốc) lẫn lãi như đã thoả thuận lúc cho vay.

c. Ý kiến này chưa thật đúng vì khả năng kinh doanh tài giỏi của người vay là một cơ sở để người cho vay tin tưởng người vay nhưng như thế chưa đủ để ra quyết định cho vay mà thường phải dựa vào tài sản thế chấp hoặc những cơ sở tin tưởng khác.

d. Ý kiến này không đúng vì tuy khi cho vay có thể gặp rủi ro vì người vay có thể không trả nợ được đúng hạn nhưng cũng không nên giữ tiền mà không cho vay vì như vậy sẽ làm cho lượng tiền nhàn rỗi không vận động, trong khi rất nhiều người khác có nhu cầu cần tiền để sản xuất kinh doanh và tiêu dùng. Tuy nhiên, chỉ cho vay khi có cơ sở cho thấy người vay có khả năng chi trả đúng hạn.

2. Em hãy cho biết các nhân vật trong các tình huống sau đây nhận thức về vai trò và đặc điểm của tín dụng đúng hay sai. Vì sao?

GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận một trường hợp trong SGK. Đại diện từng nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

a. Bác M thể hiện sự nhận biết về vai trò của tín dụng chưa thật đúng. Tín dụng tạo điều kiện cho người dân vay vốn để sản xuất kinh doanh. Các thủ tục vay vốn được hướng dẫn cụ thể để người vay thực hiện. Vì vậy, cần mạnh dạn sử dụng dịch vụ tín dụng của ngân hàng nhưng cũng cần chú ý sử dụng vốn hiệu quả để có thể trả nợ được ngân hàng và tăng thêm thu nhập cho bản thân.

b. Không ít sinh viên đã lựa chọn để vay tiền từ quỹ tín dụng đen nhưng việc vay từ các quỹ tín dụng đen này rất nguy hiểm, tuy thủ tục đơn giản, dễ vay nhưng lãi suất rất cao, kèm theo điều kiện gấn với tài sản, nếu không trả đúng hạn sẽ bị nhiều bất lợi.

c. Hành vi này không đúng vì người vay không được phép để nghị gia hạn trả nợ mà phải thực hiện đúng như cam kết theo hợp đồng vay.

3. Em hãy cho biết các hoạt động tín dụng sau đã tác động như thế nào đến đời sống xã hội:

GV có thể thay đổi hình thức hoạt động, cho HS tự nghiên cứu, sau đó mời HS phát biểu ý kiến, các HS khác nhận xét. Sau đó, GV kết luận:

a. Các tổ chức tín dụng đồng loạt tăng lãi suất cho vay: sẽ tác động đến người đi vay, các doanh nghiệp sẽ giảm bớt nhu cầu vay làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh bị thu hẹp hơn.

b. Việc các ngân hàng thương mại giảm lãi suất tiền gửi sẽ khiến người dân giảm lượng tiền mang đi gửi tiết kiệm tại ngân hàng, số tiền để chi tiêu sẽ nhiều hơn, kích thích sản xuất phát triển.

c. Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện chính sách cho vay ưu đãi đối với các hộ nghèo để tổ chức kinh doanh sẽ góp phần xóa đói giảm nghèo, giúp cho sản xuất phát triển.

4. Em hãy xử lý các tình huống sau:

– GV có thể tổ chức cho các nhóm thảo luận hoặc tổ chức cho các nhóm sắm vai thể hiện tình huống và đưa ra đáp án.

– GV hướng dẫn các nhóm đọc tình huống, xây dựng kịch bản, phân công vai diễn sau đó thể hiện đoạn kịch ngắn trước lớp. GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét rồi đưa ra kết luận:

a. Chị B nên gửi tiền ở ngân hàng, không nên cho bà T vay vì việc cho người quen vay nhiều khi không có ràng buộc về pháp lý nên dễ gặp rủi ro khi bên vay không trả được nợ.

b. Nếu là H, em sẽ nói với mẹ rằng không nên vì lãi suất cho vay cao mà cho bà Y vay vì rủi ro rất cao, lỡ bà Y làm ăn thua lỗ hoặc vì mục đích khác không trả tiền vay thì có thể bị mất tiền.

c. Nếu là D, em sẽ khuyên mẹ nên vay tiền từ ngân hàng chính sách xã hội, sẽ được hưởng lãi suất thấp và thời gian hoàn trả dài. Trong quá trình học đại học và sau khi tốt nghiệp, em có thể kiếm việc làm để trả dần khoản vay đó.

4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động tín dụng một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chọn một ví dụ về việc hỗ trợ của tín dụng đối với sản xuất kinh doanh hoặc tiêu dùng để viết bài. Ví dụ: nhờ được vay vốn mà hộ gia đình có thể phát triển chăn nuôi, trồng trọt, kinh doanh dịch vụ nào đó hay nhờ vay vốn tín dụng mà mua được nhà, mua được xe,...

2. GV hướng dẫn HS khai thác đặc điểm tín dụng dựa trên sự tin tưởng để phân tích câu nhận định trong SGK.

Bài 9. DỊCH VỤ TÍN DỤNG (3 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết và mô tả được đặc điểm một số dịch vụ tín dụng.
- Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.
- Biết cách sử dụng có trách nhiệm một số dịch vụ tín dụng.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các dịch vụ tín dụng.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến sử dụng dịch vụ tín dụng.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dịch vụ tín dụng; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành

đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia các dịch vụ tín dụng; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

+ Năng lực phát triển bản thân: Lựa chọn được dịch vụ tín dụng phù hợp đối với bản thân và gia đình.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia các dịch vụ tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các dịch vụ tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về dịch vụ tín dụng;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề các dịch vụ tín dụng, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ về việc phải có trách nhiệm khi vay tiền để khai thác trải nghiệm của HS về dịch vụ tín dụng, dẫn dắt các em tiếp cận đến nội dung bài học.

– Sau khi mời hai đến ba HS chia sẻ, GV nhận xét và đưa ra kết luận để dẫn dắt HS vào bài mới:

+ Trong cuộc sống không tránh khỏi có lúc cần một số tiền để chi cho một việc cần thiết mà bản thân không có hoặc không đủ tiền, do đó phải vay mượn người khác. Nếu được người nào đó cho vay, em cần cảm ơn họ và chi tiêu số tiền vay đúng mục đích đồng thời phải tìm cách trả lại số tiền đó đúng như đã hẹn.

+ Trên thị trường có nhiều dịch vụ tín dụng khác nhau hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức,... giải quyết những vấn đề liên quan đến tiền vốn. Bài học này giúp em trang bị

những kiến thức và kĩ năng cần thiết để sử dụng những dịch vụ tín dụng chính thức, đảm bảo quyền lợi cũng như trách nhiệm của mình mỗi khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

a) **Mục tiêu:** HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng ngân hàng; nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng ngân hàng.

b) **Tổ chức thực hiện:**

** Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của tín dụng ngân hàng*

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết hoạt động tín dụng của ngân hàng D thể hiện như thế nào.

2/ Trong trường hợp trên, dịch vụ tín dụng của ngân hàng D đang gặp khó khăn gì? Nếu nhiều người vay vốn nhưng không trả nợ như đã cam kết thì điều gì sẽ xảy ra với ngân hàng D?

– Đại diện một đến hai nhóm lần lượt trả lời từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

1/ Hoạt động tín dụng của ngân hàng D thể hiện: là người đi vay khi nhận những khoản tiền nhàn rỗi của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức, đồng thời là người cho vay khi cung cấp vốn cho người vay để sản xuất kinh doanh, đầu tư, tiêu dùng,...

Theo nghĩa thông thường, tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.

2/ Tín dụng ngân hàng D đang bị nhiều doanh nghiệp là đối tác sử dụng vốn vay không thực hiện được nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và lãi cho ngân hàng khi đến hạn nên ngân hàng D đã gia hạn trả nợ thêm 6 tháng. Nếu nhiều người vay không trả nợ, ngân hàng sẽ bị thua lỗ và phá sản.

– GV hỏi tiếp HS: Theo em, tín dụng ngân hàng có đặc điểm gì?

– HS suy nghĩ trả lời.

– GV nhận xét, kết luận:

Tín dụng ngân hàng có đặc điểm: dựa trên cơ sở lòng tin, có tính thời hạn, phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện và tiềm ẩn rủi ro.

** Tìm hiểu một số hình thức tín dụng ngân hàng*

Cho vay tín chấp

– GV mời các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Vì sao ngân hàng chấp nhận cho anh S vay tiền không cần tài sản bảo đảm?

2/ Anh S có trách nhiệm gì khi vay tín chấp ở ngân hàng?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
Sau đó, GV kết luận:

1/ Ngân hàng cho anh S vay tiền không cần tài sản thế chấp vì anh là công chức nhà nước có thu nhập ổn định, có lịch sử tín dụng tốt, nhu cầu vốn vay nhỏ.

2/ Khi vay tín chấp, anh S có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn.

– GV phân tích, giảng giải để giúp HS hiểu về khái niệm, đặc điểm của hình thức cho vay tín chấp:

+ Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm.

+ Đặc điểm của cho vay tín chấp là: dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục vay đơn giản, số tiền vay ít, thời hạn cho vay ngắn, mức lãi khá cao.

Cho vay thế chấp

– GV tiếp tục mời các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Ngân hàng yêu cầu chị N phải đáp ứng những điều kiện gì để được vay thế chấp?

2/ Theo em, chị N có trách nhiệm gì khi thực hiện vay thế chấp của ngân hàng?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
Sau đó, GV kết luận:

1/ Ngân hàng yêu cầu chị N phải có tài sản thế chấp như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô,... có giá trị tương đương với lượng tiền cần vay để trong trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng chị sẽ phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đó để ngân hàng thanh lý thu hồi vốn.

2/ Khi vay thế chấp, chị N có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng, phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, thu hồi vốn.

– GV nhấn mạnh khái niệm và đặc điểm của hình thức cho vay thế chấp:

+ Cho vay thế chấp là hình thức cho vay đòi hỏi người vay phải có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với lượng vốn cho vay.

+ Đặc điểm của cho vay thế chấp là: người vay phải có tài sản đảm bảo; thủ tục vay phức tạp; số tiền cho vay tương đối lớn, lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài.

Cho vay trả góp

– GV tiếp tục mời các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Ngân hàng đã tiến hành cho anh H vay trả góp như thế nào?

2/ Theo em, anh H có trách nhiệm gì khi vay trả góp của ngân hàng?

3/ Hãy so sánh sự chênh lệch giữa thanh toán một lần và mua trả góp.

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

1/ Ngân hàng yêu cầu anh H sẽ trả dần theo các kì, thường sẽ là gốc cộng với lãi hằng tháng. Số tiền trả gốc mỗi tháng được thoả thuận sẽ chia đều theo số tháng vay, mức lãi 1,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng.

2/ Khi vay trả góp, anh H có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận.

3/ So với việc thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hằng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.

– GV nhấn mạnh khái niệm và đặc điểm của hình thức cho vay trả góp:

+ Cho vay trả góp là: ngân hàng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay.

+ Đặc điểm của cho vay trả góp là: hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; tùy trường hợp cụ thể ngân hàng sẽ cho vay trả góp dưới hình thức tín chấp hoặc thế chấp.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU TÍN DỤNG THƯƠNG MẠI

a) **Mục tiêu:** HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng thương mại; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng thương mại.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV mời các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Chủ thể tham gia dịch vụ tín dụng thương mại này là ai? Đối tượng giao dịch là gì? Cách sử dụng dịch vụ như thế nào?

2/ Tiện ích dịch vụ tín dụng thương mại mang lại cho người sử dụng là gì?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

1/ Chủ thể tham gia dịch vụ tín dụng thương mại là các doanh nghiệp có quan hệ hiểu biết lẫn nhau, đối tượng giao dịch là hàng hoá, dịch vụ.

2/ Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá. Đến thời hạn đã thoả thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ.

Hoạt động 3. TÌM HIỂU TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

a) **Mục tiêu:** HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng tiêu dùng; nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng tiêu dùng.

b) **Tổ chức thực hiện:**

** Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng*

– GV mời các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi: Hoạt động tín dụng tiêu dùng thể hiện thế nào? Hoạt động này có đặc điểm gì?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

+ Tín dụng tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hoá/dịch vụ).

+ Đặc điểm: mục đích vay để tiêu dùng, nguồn trả nợ là thu nhập của người vay, người vay là cá nhân, hộ gia đình; người cho vay là ngân hàng, công ty tài chính,... lượng tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.

** Một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng*

Dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính

– Các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Chị Y đã sử dụng dịch vụ tín dụng cho vay trả góp của công ty tài chính để mua xe máy như thế nào?

2/ Hãy nêu đặc điểm của dịch vụ tín dụng này.

3/ Theo em, chị Y có trách nhiệm gì trong việc vay trả góp của công ty tài chính để mua xe?

4/ Hãy so sánh sự chênh lệch giữa việc mua xe máy thanh toán hết một lần với việc mua xe trả góp qua sử dụng dịch vụ tín dụng của công ty tài chính.

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

1/ Chị Y đã thương lượng với nhân viên tư vấn trả trước 40% số tiền mua xe, phần còn lại thông qua công ty tài chính liên kết với cửa hàng để trả góp. Dịch vụ cho vay trả góp là việc tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay.

2/ Đặc điểm của cho vay trả góp là: hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; tuy nhiên, quy định về thời gian trả hằng tháng và mức phạt cao nếu không trả đúng hạn nên người vay cần cân nhắc; tùy trường hợp cụ thể, công ty tài chính sẽ cho vay dưới hình thức tín chấp hoặc thế chấp.

3/ Khi vay trả góp, chị Y có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin

cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của tổ chức tín dụng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận.

4/ So với hình thức thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hàng tháng chưa kể chi phí phát sinh nếu không thực hiện đúng thời hạn thanh toán hay trả hết tiền vay trước thời hạn. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.

Cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

– GV mời các nhóm đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Ngân hàng đã tiến hành cho vay thông qua việc cấp thẻ tín dụng cho chị C như thế nào?

2/ Nhờ thanh toán qua thẻ tín dụng, chị C được hưởng lợi gì so với sử dụng tiền mặt?

3/ Theo em, chị C có trách nhiệm gì khi sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

1/ Ngân hàng đã cung cấp thẻ tín dụng chi tiêu trước, trả sau cho chị C căn cứ vào mức lương hàng tháng của chị.

Thẻ tín dụng ngân hàng (Credit Card) là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Căn cứ vào tài chính và lịch sử tín dụng của chủ thẻ, ngân hàng cấp một số tiền cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hoá, dịch vụ và quy định hạn quyết toán cho khoản tiền đã chi trong một khoảng thời gian nhất định. Đến hạn quyết toán, chủ thẻ phải hoàn lại tiền đã chi cho ngân hàng, nếu không trả hết số tiền đã vay, khách hàng phải chịu lãi.

2/ Việc thanh toán bằng thẻ tín dụng mang lại nhiều lợi ích cho cá nhân và xã hội:

+ Với cá nhân chị C: có cơ hội được ưu đãi về lãi suất khi vay tiền ngân hàng nhờ có lịch sử tín dụng tốt đồng thời còn được hoàn lại một khoản tiền nhỏ theo giá trị hoá đơn mỗi khi mua sắm trong khi thanh toán bằng tiền mặt sẽ không có được, hạn chế được những rủi ro từ việc giữ tiền mặt, thực hiện thanh toán nhanh gọn, an toàn.

+ Với xã hội: việc nhiều cá nhân thực hiện thanh toán qua thẻ sẽ tiết kiệm được lượng tiền mặt cần phát hành trong lưu thông, tạo điều kiện để phát triển thương mại điện tử, thanh toán hoá đơn điện tử,...

3/ Khi sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng, chị C có trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác khi đề nghị cấp hạn mức vay tín dụng, thực hiện thanh toán khoản tiền đã chi qua thẻ đúng hạn. Không nên để nợ quá hạn vì sẽ bị tích điểm tín dụng xấu và phải chịu mức lãi cao.

Hoạt động 4. TÌM HIỂU TÍN DỤNG NHÀ NƯỚC

a) **Mục tiêu:** HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng nhà nước; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng nhà nước.

b) Tổ chức thực hiện:

*** Tìm hiểu đặc điểm tín dụng nhà nước**

– GV yêu cầu các nhóm đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Em hãy nêu mục đích và đặc điểm của tín dụng nhà nước được thể hiện trong thông tin.

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

+ Tín dụng nhà nước là các hoạt động vay trả giữa Nhà nước với các tác nhân khác trong nền kinh tế, thông qua các hoạt động Nhà nước đi vay để phục vụ cho mục đích huy động vốn bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước hoặc mở rộng quy mô đầu tư của Nhà nước để xây dựng Tổ quốc và Nhà nước cho vay thực hiện những mục tiêu kinh tế quan trọng, hỗ trợ những đối tượng khó khăn trong xã hội để xây dựng và phát triển xã hội bền vững.

+ Đặc điểm: cho vay với lãi suất ưu đãi, theo kế hoạch, chủ trương của Nhà nước để thực hiện mục tiêu, định hướng của Nhà nước; lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.

*** Một số hình thức tín dụng nhà nước**

Phát hành trái phiếu chính phủ

– GV yêu cầu các nhóm đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Trong hoạt động tín dụng phát hành trái phiếu chính phủ, chủ thể vay và chủ thể cho vay là ai? Mục đích vay là gì? Quyền lợi của người mua trái phiếu chính phủ như thế nào?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

+ Trong hoạt động bán trái phiếu chính phủ: Nhà nước là người vay tiền có nghĩa vụ trả nợ.

+ Thời hạn của trái phiếu thường từ 1 năm trở nên, công trái xây dựng Tổ quốc còn có thời hạn dài hơn thường là 5 năm.

+ Trái phiếu chính phủ có thể mua bán, cầm cố tại ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để vay vốn hoặc có thể bán lại trên thị trường chứng khoán.

+ Người mua trái phiếu chính phủ được hưởng lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.

Tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội

– GV yêu cầu các nhóm đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Vì sao A được vay tiền ở ngân hàng chính sách xã hội?

2/ Để được ngân hàng cho vay tiền, A cần phải đáp ứng những điều kiện gì?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

1/ A là đối tượng được vay theo quy định của các chương trình ưu đãi của Nhà nước.

2/ Để được ngân hàng cho vay tiền, A phải có người đại diện trong gia đình đứng ra,

chịu trách nhiệm trả nợ; có nơi cư trú rõ ràng; là thành viên của tổ tiết kiệm và được tổ chức này lập danh sách đề nghị vay vốn ở ngân hàng; có giấy báo nhập học của trường học...

Ngân hàng chính sách xã hội là tổ chức tín dụng nhà nước được thành lập để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Khác với ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được Chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán.

Ngân hàng chính sách xã hội có hai phương thức cho vay: cho vay trực tiếp và cho vay uỷ thác trong đó uỷ thác là chủ yếu. Ngân hàng thực hiện uỷ thác một số công đoạn trong quy trình cho vay cho các Hội, Đoàn thể như: Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đối tượng cho vay phải là đối tượng được quy định trong các chương trình ưu đãi của Nhà nước giao cho ngân hàng này thực hiện. Ngân hàng có mạng lưới rộng khắp ở các địa phương để cung cấp dịch vụ tín dụng nhanh chóng, kịp thời, tiện lợi cho người dân.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống những vấn đề liên quan đến các dịch vụ tín dụng; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy nhận xét việc thực hiện các dịch vụ tín dụng của các tổ chức tín dụng trong những trường hợp dưới đây:

GV phân công mỗi nhóm thảo luận một trường hợp. Mời đại diện mỗi nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

a. Điều này đúng, khi làm thủ tục vay trả góp ngân hàng yêu cầu người vay để lại giấy chứng nhận quyền sở hữu sản phẩm mua như vật thế chấp.

b. Điều này đúng, khi làm thủ tục vay, đại diện gia đình phải đứng ra vay và chịu trách nhiệm với ngân hàng về khoản tiền vay.

c. Điều này đúng, vì số vốn đóng góp của chủ doanh nghiệp lớn sẽ khiến chủ doanh nghiệp trách nhiệm hơn với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng như chứng tỏ được khả năng tài chính của chủ doanh nghiệp.

d. Điều này sai, vì việc đánh giá điểm tín dụng của người sử dụng tín dụng được đánh giá trên toàn hệ thống chứ không phải chỉ thực hiện với một số ngân hàng lớn.

2. Phân biệt các dịch vụ tín dụng

– GV tổ chức thảo luận nhóm chỉ ra điểm khác nhau giữa hình thức cho vay tín chấp và cho vay thế chấp, giữa tín dụng thương mại và tín dụng ngân hàng. Khi nào nên vay tín chấp, vay thế chấp?

– GV kẻ sẵn hai phần bảng, mời một đến hai nhóm lên phân biệt điểm khác nhau giữa cho vay tín chấp và cho vay thế chấp, giữa tín dụng ngân hàng và tín dụng thương mại. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

+ Cho vay tín chấp là việc cho vay dựa trên uy tín của người vay không cần có tài sản bảo đảm. Chỉ được vay số tiền ít, lãi suất cao hơn so với vay thế chấp. Vay tín chấp khi cần vay số tiền ít, nhanh chóng.

+ Vay thế chấp cần có tài sản bảo đảm, phải làm nhiều thủ tục, được vay số tiền lớn, lãi suất thấp hơn so với vay tín chấp.

+ Điểm khác biệt giữa tín dụng ngân hàng và tín dụng thương mại: 1/ Chủ thể: ở tín dụng ngân hàng phải có một bên là ngân hàng, còn tín dụng thương mại giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp. 2/ Đối tượng giao dịch: Ở tín dụng ngân hàng đó là tiền, còn với tín dụng thương mại đó là hàng hoá.

3. Đưa ra lời khuyên

GV yêu cầu các nhóm thảo luận hoặc có thể tổ chức cho HS sắm vai thể hiện nội dung các tình huống trong SGK. Các nhóm thể hiện ý kiến của mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

a. Hiện nay, trên thực tế các ngân hàng có mức lãi suất huy động tiết kiệm khác nhau nhưng ngân hàng có lãi suất thấp hơn vẫn có người mang tiền đến gửi xuất phát từ đặc điểm của tín dụng ngân hàng đó là sự tin tưởng, tín nhiệm, tiện lợi. Ngân hàng có lãi suất cao nhất không có nghĩa đây là nơi gửi tiền an toàn nhất so với các ngân hàng khác, vì vậy N cần cân nhắc.

b. Khi thoả thuận với ngân hàng vay trả góp để mua nhà, vợ chồng chị Y muốn kéo dài thời gian trả góp để không có sức ép phải lo khoản tiền lớn để trả nợ hàng tháng. Điều này là sai lầm, càng kéo dài thời gian trả góp càng bất lợi vì giai đoạn cuối ngân hàng thường quy định mức lãi suất cao.

c. Mặc dù có đủ tiền để mua nhà nhưng vợ chồng chị Y vẫn chọn hình thức mua trả góp để dành ra một khoản tiền để kinh doanh. Đây là tình huống mở. Nếu việc kinh doanh mang lại nguồn lợi nhuận cao hơn so với khoản tiền lãi phải trả góp thì có thể chọn phương án này.

4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ tín dụng.

b) Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập này theo nhóm, tìm hiểu thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó (có thể đến tìm hiểu ở một cửa hàng trong thực tế với người thân hoặc tham khảo trên mạng xã hội). Sau đó ghi lại các thủ tục cần thiết để mua trả góp mặt hàng đó.

2. GV hướng dẫn HS có thể tìm hiểu từ người thân hoặc thông tin trên mạng xã hội về một loại công trái hoặc trái phiếu chính phủ, viết khoảng một trang giới thiệu (khuyến khích HS có hình ảnh minh hoạ) kết quả phát triển kinh tế – xã hội từ loại trái phiếu này.

Chủ đề 6

LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

Bài 10. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN (5 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân; các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch tài chính cá nhân.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong việc quản lý tài chính cá nhân; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện lập kế hoạch tài chính cá nhân.
 - + Năng lực phát triển bản thân: Lập được kế hoạch tài chính cá nhân cho bản thân.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác thực hiện việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm trong việc thực hiện lập kế hoạch tài chính cá nhân.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về kế hoạch tài chính cá nhân;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Giới thiệu mục tiêu, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề lập kế hoạch tài chính cá nhân, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ về việc chi tiêu có kế hoạch và chi tiêu không có kế hoạch để khai thác trải nghiệm của HS, dẫn dắt HS tiếp cận đến nội dung bài học.

– Một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét. Sau đó, GV kết nối vào bài theo nội dung đoạn dẫn trong SGK.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU KHÁI NIỆM KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

a) **Mục tiêu:** HS nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV hướng dẫn các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Những vấn đề tài chính cá nhân H phải giải quyết là gì?

2/ H đã có kế hoạch tài chính cá nhân để giải quyết các vấn đề đó như thế nào?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

1/ Những vấn đề tài chính cá nhân H phải quyết là: làm thế nào để cân đối thu chi với khoản tiền bố mẹ chu cấp và làm thế nào để có thể tiết kiệm được một số tiền để thực hiện những mục tiêu của cá nhân?

2/ H đã có kế hoạch tài chính như: học tốt để có học bổng, làm thêm, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi không cần thiết.

– Kết thúc hoạt động này, GV nhấn mạnh nội dung:

+ Tài chính cá nhân là những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm,... của mỗi người.

+ Kế hoạch tài chính cá nhân là bản kế hoạch thu chi giúp quản lý tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư,... để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU CÁC LOẠI KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

a) **Mục tiêu:** HS nêu được các loại kế hoạch tài chính cá nhân.

b) **Tổ chức thực hiện:**

GV dẫn: Trong cuộc sống, có nhiều loại kế hoạch tài chính cá nhân khác nhau. Xét về

thời gian thực hiện, có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Độ dài thời gian của các loại kế hoạch này cũng khác nhau tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi người. Đối với lứa tuổi HS, thời gian phân định các loại kế hoạch này cũng ngắn hơn.

*** Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn**

– GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong SGK và trả lời câu hỏi: Kế hoạch tài chính cá nhân của M nhằm đạt mục tiêu gì? Thời gian thực hiện bao lâu? Cách thực hiện như thế nào?

– Một đến hai HS trả lời lần lượt từng câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

+ Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian ngắn (dưới 3 tháng).

+ Đặc điểm: mục tiêu ngắn hạn thường là cân đối chi tiêu với mức thu nhập đang có hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ,...; thời gian thực hiện ngắn.

*** Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn**

– GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong SGK và trả lời câu hỏi: Kế hoạch tài chính của H trong 5 tháng tới nhằm thực hiện mục tiêu tài chính gì? Thời gian thực hiện có điểm gì khác so với kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn? Cách thực hiện như thế nào?

– Một đến hai HS trả lời từng câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

+ Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 – 6 tháng.

+ Đặc điểm: thực hiện mục đích cân đối thu chi trong tiêu dùng hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ... thời gian thực hiện từ 3 – 6 tháng.

*** Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn**

– GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong SGK và trả lời câu hỏi: Kế hoạch tài chính cá nhân của M trong suốt năm học lớp 9 nhằm mục tiêu gì? Thời gian thực hiện so với kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn có điểm gì khác biệt? Cách thực hiện như thế nào?

– GV mời một đến hai HS trả lời từng câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

+ Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện được những mục tiêu tài chính quan trọng trong thời gian từ 6 tháng trở lên.

+ Đặc điểm: mục tiêu thường là có được những khoản tiền lớn để thực hiện được các dự định trong tương lai, thời gian thực hiện từ 6 tháng trở lên, bao gồm kế hoạch thực hiện các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn để từng bước đạt được mục tiêu dài hạn.

Hoạt động 3. TÌM HIỂU TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

a) **Mục tiêu:** HS nêu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc câu chuyện trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân đã giúp H rèn luyện được kĩ năng chi tiêu để đảm bảo cuộc sống như thế nào? H đã tự chủ trong cuộc sống ra sao và được bạn bè tôn trọng thế nào?

2/ Việc không có kế hoạch tài chính cá nhân đã mang lại những hậu quả gì cho Q?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

Việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân giúp mỗi người:

- + Tính toán, cân nhắc nên dành những khoản chi phí cần thiết cho đời sống, học tập.
- + Chủ động nắm chắc tình hình tài chính của bản thân để điều chỉnh cho phù hợp.
- + Duy trì được chi tiêu tài chính lành mạnh, không lãng phí, không bị thâm hụt hay nợ nần và còn tiết kiệm để thực hiện các mục tiêu tài chính quan trọng khác trong tương lai, giúp tự chủ trong cuộc sống.
- + Được mọi người tôn trọng, quý mến.

Hoạt động 4. TÌM HIỂU CÁC BƯỚC LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

a) Mục tiêu: HS biết các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Tổ chức thực hiện:

GV dẫn: Để lập được kế hoạch tài chính cá nhân và thực hiện thành công kế hoạch này, cần thực hiện một số bước cơ bản.

*** Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện**

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Trong một năm học phải xa nhà, M đã xác định các mục tiêu tài chính cần thực hiện là gì? Thời gian thực hiện các mục tiêu đó trong bao lâu?

2/ Theo em, việc xác định mục tiêu tài chính đó có ý nghĩa gì trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

+ Mục tiêu tài chính là mục tiêu cần hướng tới khi lập kế hoạch tài chính cá nhân. Nó có thể liên quan đến những mong muốn cần đổi chi tiêu, tiết kiệm, kiếm tiền tăng thu nhập,...

+ Để xác định mục tiêu tài chính, cần đánh giá năng lực tài chính của cá nhân, nhìn nhận những điều cần thiết nhất để đảm bảo cuộc sống, từ đó xác định mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và cân nhắc xem mục tiêu đặt ra có ý nghĩa như thế nào để xem đó là động lực phải thực hiện bằng được.

+ Mục tiêu ngắn hạn: được thực hiện trong thời gian ngắn nên vấn đề tài chính cần giải

quyết thường là đảm bảo cân đối thu chi, không chi vượt mức số tiền đang có. Nếu có mục tiêu tiết kiệm trong thời gian ngắn thì thường là số tiền rất nhỏ.

+ Mục tiêu tài chính trung hạn, dài hạn: được thực hiện trong thời gian dài hơn nên thường là mong muốn có những khoản tiền lớn hơn thông qua việc tiết kiệm và kiếm thêm.

*** Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân**

– GV yêu cầu HS tiếp tục làm việc nhóm, đọc tiếp câu chuyện trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ M đã làm thế nào để theo dõi và kiểm soát được thu chi tài chính của mình?

2/ Theo em, việc theo dõi và kiểm soát thu chi có vai trò thế nào trong việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời từng câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

+ Sau khi xác định mục tiêu tài chính thì việc theo dõi và kiểm soát thu chi là bước đi quan trọng để có căn cứ xác định các định mức cho các khoản chi khi phân bổ tài chính đồng thời kiểm soát được việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân theo đúng mục tiêu đã đề ra.

+ Cần ghi chép đầy đủ các khoản thu – chi, đặc biệt là các khoản chi, tách được những khoản chi thiết yếu (những thứ em cần) và những khoản không thiết yếu (những thứ em muốn) để theo dõi, kiểm soát mức chi với mức thu nhập cho phép. Nếu chi vượt quá mức phải nhanh chóng có phương án điều chỉnh, để cân đối.

+ Phải kiểm soát việc thực hiện mục tiêu: Không vì mục tiêu tiết kiệm cũng như mục tiêu cân đối thu chi mà cắt giảm những khoản chi thiết yếu làm ảnh hưởng đến sức khỏe và điều kiện học tập. Không vì theo đuổi mục tiêu kiếm tiền tăng thu nhập mà quên mục tiêu quan trọng nhất là phải học tập tốt.

*** Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân**

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc tiếp câu chuyện của M và trả lời câu hỏi:

1/ M đã thiết lập quy tắc thu chi cá nhân như thế nào trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân?

2/ Theo em, việc thiết lập quy tắc thu chi cá nhân có ý nghĩa như thế nào trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời các câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

Để lập kế hoạch tài chính cá nhân đòi hỏi phải có những quy tắc thu chi cá nhân để định hướng, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của kế hoạch. Đó là các quy tắc: đảm bảo chi tiêu không vượt mức thu cho phép, phân bổ thu nhập cho các khoản chi và có tiết kiệm sao cho không ảnh hưởng đến các khoản chi thiết yếu, tăng thu nhập nhưng không được ảnh hưởng đến kết quả học tập.

*** Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân**

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc tiếp câu chuyện của M và trả lời câu hỏi:

1/ M đã thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân như thế nào?

2/ Theo em, việc tuân thủ thực hiện theo kế hoạch tài chính đã đề ra có ý nghĩa như thế nào?

– Đại diện một đến hai nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, GV kết luận:

Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch tài chính cá nhân, cần tuân thủ thực hiện đúng các định mức chi tiêu như đã đề ra trong kế hoạch. Nếu có những khoản chi đột xuất cần nhanh chóng tìm cách điều chỉnh. Nếu nhu cầu thực tế hay thu nhập có thay đổi, cần cập nhật và điều chỉnh để bản kế hoạch phù hợp với thực tế.

3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) **Tổ chức thực hiện:**

1. Em hãy cho biết những ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

– GV tổ chức cho HS đọc các ý kiến, nêu quan điểm của mình và giải thích theo phiếu học tập gợi ý dưới đây:

PHIẾU HỌC TẬP			
Nội dung ý kiến	Đúng	Sai	Giải thích
1. Lập kế hoạch tài chính cá nhân chủ yếu để thực hiện mục tiêu tiết kiệm		X	Mục tiêu lập kế hoạch tài chính cá nhân trước hết là cân đối thu chi, trên cơ sở đó thực hiện được mục tiêu tiết kiệm.
2....	...	...	...

– Sau đó, GV cùng HS nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp lại nội dung cần thể hiện trong phiếu học tập:

a. Sai, vì mục tiêu lập kế hoạch tài chính cá nhân trước hết là cân đối thu chi, trên cơ sở đó thực hiện được mục tiêu tiết kiệm.

b. Sai, vì lập kế hoạch tài chính cá nhân nhiều khi không đặt ra mục tiêu tăng thu nhập mà chủ yếu là cân đối thu chi và tiết kiệm.

c. Đúng, vì nếu có thói quen lập kế hoạch tài chính cá nhân thì sẽ rèn luyện được thói quen chi tiêu đúng mức, có phương án tiết kiệm để dự phòng cho tương lai.

d. Đúng, vì lập kế hoạch tài chính cá nhân nghĩa là luôn có phương án cân đối thu chi, kiểm soát chi tiêu và tiết kiệm, đó là những biện pháp bảo vệ tài chính của mỗi người.

2. Em có nhận xét gì về việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân của các nhân vật trong các trường hợp dưới đây?

GV yêu cầu HS đọc từng trường hợp trong SGK, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách nêu nhận xét của mình về hành vi của các nhân vật, sau đó mời các HS khác nhận xét, bổ sung, cuối cùng GV kết luận:

a. Việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân của K là chưa đúng, vi phạm nguyên tắc chi tiêu vì cắt giảm những khoản chi tiêu thiết yếu làm ảnh hưởng đến sức khỏe.

b. Đây là một biểu hiện tiêu cực vì không chỉ lập kế hoạch mà quan trọng hơn là phải thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân.

c. Đây là một thói quen tốt vì làm như vậy sẽ xác định chính xác những thứ cần mua, tránh được việc chi tiêu tùy tiện, vừa tiết kiệm thời gian mua sắm.

d. Đây là thói quen tốt, luôn lên kế hoạch cho mọi khoản chi tiêu sẽ kiểm soát tài chính tốt.

3. Em hãy cùng các bạn thảo luận các chủ đề sau:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm lần lượt các chủ đề:

a. Tiết kiệm chi tiêu nhưng vẫn bảo đảm tốt cuộc sống.

b. Thực hiện tiêu dùng thông minh để thực hiện tốt kế hoạch tài chính cá nhân.

– Tùy theo thời gian, GV cho HS thảo luận cả hai chủ đề, nếu không có thể chọn một trong hai chủ đề để thảo luận.

– GV gợi ý cho HS suy nghĩ về những quy tắc trong chi tiêu và tiết kiệm, đặc biệt là quy tắc chi tiết kiệm bằng việc cắt giảm những khoản chi tiêu không thực sự thiết yếu. Ngoài ra còn có những biện pháp tiêu dùng thông minh đảm bảo được nhu cầu thiết yếu nhưng vẫn tiết kiệm được tiền ví dụ như: mua hàng khuyến mại như thế nào? Lựa chọn mua sản phẩm tốn ít nhiên liệu? Lựa chọn mua quần áo như thế nào để có thể kết hợp với nhau?...

– Thực hiện tốt kế hoạch tài chính cá nhân sẽ thực hiện được điều này. Phải liệt kê những thứ rất cần cho cuộc sống như thức ăn, nước uống, điện, phương tiện đi lại,... cần nhắc để mua sắm những thứ cần thiết này với chất lượng và giá cả phải chăng, phù hợp với túi tiền. Hơn nữa, phải sử dụng những vật dụng thiết yếu một cách tiết kiệm, hiệu quả,...

4. Em hãy xử lý các tình huống sau:

GV cho HS thảo luận nhóm, tìm phương án xử lý mỗi tình huống. Để thêm sinh động, có thể cho HS sắm vai thể hiện nội dung tình huống và có cả biện pháp xử lý. Sau khi mời đại diện một đến hai nhóm lên trình bày phương án xử lý tình huống hoặc đóng vai, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, GV kết luận:

a. Em sẽ nói với V về việc HS có kế hoạch tài chính cá nhân và thực hiện kế hoạch này sẽ không ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn giúp mình rèn luyện được thói quen chi tiêu

có kế hoạch, tiết kiệm, làm chủ được tài chính của mình, rất có lợi không chỉ trong hiện tại mà cả tương lai. Với những bạn có hoàn cảnh khó khăn thì càng cần phải rèn luyện kỹ năng này để giảm bớt gánh nặng tài chính cho bố mẹ, người thân.

b. Ngay lập tức, em sẽ lập kế hoạch chi tiêu cho 6 ngày tiếp theo với số tiền còn lại là 500 000 đồng. Như vậy mỗi ngày hai anh em chỉ được chi 84 000 đồng. Cần đưa ra các phương án chi tiêu khác nhau với số tiền này để duy trì mức sinh hoạt cần thiết cho cả hai anh em. Ví dụ: mỗi anh em ăn sáng hết 10 000 đồng, đi chợ mua thức ăn về tự nấu cơm ở nhà mất 50 000 đồng,... còn lại 14 000 đồng để chi cho những khoản khác.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo trong việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS viết về một trải nghiệm của bản thân hoặc từ câu chuyện của người khác chi tiêu có kế hoạch trong cuộc sống.

GV giới hạn bài viết trong một trang, quy định thời gian nộp bài viết.

2. GV hướng dẫn HS đưa ra kế hoạch thực hiện mục tiêu tiết kiệm 200 000 đồng trong một tháng:

- Xác định thời gian thực hiện trong bao lâu?
- Cách thực hiện tiết kiệm như thế nào?
- Chú ý không được cắt giảm những khoản chi thiết yếu làm ảnh hưởng đến sức khỏe và học tập.

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Chủ đề 7

PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bài 11. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT (3 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến pháp luật.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc chấp hành pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện pháp luật của Nhà nước; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm pháp luật.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề pháp luật đang diễn ra ở Việt Nam và thế giới; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật và lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

– Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật.

– Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV có thể sử dụng phần “Mở đầu” trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- GV gọi một vài HS chia sẻ về một tình huống vi phạm pháp luật mà các em biết hoặc chứng kiến và nêu nhận xét về hình huống đó.
- HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần.
- Trên cơ sở các câu trả lời, ý kiến của HS, GV kết luận và kết nối vào bài học.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU KHÁI NIỆM PHÁP LUẬT

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm pháp luật và biết được chủ thể có thẩm quyền ban hành và bảo đảm thực hiện pháp luật.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống để trả lời câu hỏi trong SGK:
- 1/ Theo em, người cảnh sát giao thông có nên bỏ qua lỗi của anh T không? Vì sao?
- 2/ Quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung được thể hiện như thế nào trong tình huống trên?
- GV gợi ý các quy định bắt buộc đối với người tham gia giao thông có vai trò thế nào trong việc đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Nếu người tham gia giao thông không chấp hành tín hiệu đèn giao thông, hiệu lệnh của người điều khiển giao thông thì điều gì sẽ xảy ra?
- GV mời một vài HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.
- Gợi ý:

1/ Người cảnh sát giao thông không được phép bỏ qua lỗi vi phạm của anh T vì nếu ai cũng như anh T, tự do di chuyển trên đường, không chấp hành quy định của pháp luật về an toàn giao thông sẽ dẫn đến ách tắc giao thông, tai nạn giao thông,... Việc xử phạt người có hành vi vi phạm pháp luật sẽ ngăn ngừa, hạn chế tai nạn giao thông, bảo đảm giao thông được thông suốt, an toàn cho mọi người, bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm minh trong cuộc sống, là một trong những nhiệm vụ của cảnh sát giao thông.

2/ Nhà nước ban hành quy định phải dừng xe trước vạch kẻ đường khi có tín hiệu đèn đỏ và các quy định khác trong giao thông nhằm bảo đảm an toàn cho người tham gia giao thông, tạo điều kiện để giao thông an toàn, thông suốt. Tất cả người tham gia giao thông đều phải thực hiện các quy định này để bảo đảm an toàn cho bản thân và những người đi đường, phòng ngừa tai nạn giao thông, bảo đảm giao thông được thông suốt. Nếu người tham gia

giao thông không chấp hành các quy định này thì tùy mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra sẽ phải gánh chịu các biện pháp xử lý hành chính hoặc hình sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy, quy định phải dừng xe trước vạch kẻ đường khi có tín hiệu đèn đỏ và các quy định khác trong giao thông là những quy tắc xử sự chung.

– GV kết luận: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

+ Nội dung pháp luật là những chuẩn mực về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Nhà nước, của cá nhân và các tổ chức như: được làm những gì, được hưởng những lợi ích nào, phải làm gì, không được làm gì, phải chịu trách nhiệm và hình thức xử lý như thế nào khi vi phạm quy tắc chung.

+ Chỉ Nhà nước mới có thẩm quyền ban hành pháp luật và bảo đảm thực hiện pháp luật trong đời sống xã hội. Pháp luật được Nhà nước bảo đảm thi hành bằng quyền lực nhà nước. Trường hợp vi phạm pháp luật, Nhà nước sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết để bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm minh, bảo vệ lợi ích của công dân và xã hội.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT

a) **Mục tiêu:** HS nêu được các đặc điểm của pháp luật.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi trong SGK:

1/ Vì sao N bị xử phạt? Tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực, bắt buộc chung của pháp luật được thể hiện như thế nào trong trường hợp này?

2/ Để các quy phạm phổ biến được áp dụng vào đời sống xã hội thì các quy phạm đó phải được thể hiện qua hình thức nào?

3/ Nêu ví dụ minh họa cho các đặc điểm của pháp luật.

– Các nhóm thảo luận, viết kết quả vào giấy A0 dán lên bảng và cử đại diện trình bày trước lớp.

– GV nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và nhấn mạnh:

1/ Trong trường hợp của N, tính quy phạm phổ biến thể hiện:

+ Theo quy định của pháp luật, khi tham gia giao thông, người điều khiển phương tiện giao thông phải đội mũ bảo hiểm. Người từ 16 tuổi đến 18 tuổi được sử dụng xe dưới 50cm³. Quy định này được áp dụng đối với tất cả mọi người, ở mọi nơi. Bất kỳ người nào khi tham gia giao thông đều phải thực hiện. Đây là thể hiện của tính quy phạm phổ biến.

+ N (15 tuổi) đi xe máy không đội mũ bảo hiểm và sử dụng xe máy khi chưa đủ tuổi là hành vi vi phạm quy định của pháp luật giao thông đường bộ.

+ Việc N bị cảnh sát giao thông xử phạt đối với N vì có hành vi vi phạm là sự thể hiện tính quyền lực, bắt buộc chung của pháp luật.

2/ Để các quy phạm phổ biến được áp dụng vào đời sống xã hội thì các quy phạm pháp luật được thể hiện thông qua hình thức văn bản quy phạm pháp luật. Trong trường hợp của N, các quy định áp dụng đối với N được thể hiện trong Luật Giao thông đường bộ.

3/ Ví dụ, GV có thể gợi ý bằng việc phân tích khoản 1, 2, 3 Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 quy định nghiêm cấm các hành vi: Tước đoạt quyền sống của trẻ em; Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em; Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em để chỉ ra sự thể hiện của tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực, bắt buộc chung và tính xác định chặt chẽ về hình thức trong các đặc điểm của pháp luật. HS có thể lấy ví dụ khác.

– GV kết luận và giải thích: Pháp luật có ba đặc điểm: tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực bắt buộc chung và tính xác định chặt chẽ về hình thức.

+ Biểu hiện của tính quy phạm phổ biến của pháp luật:

- Pháp luật là khuôn mẫu, là quy tắc xử sự chung cho mọi người, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi.

- Bất kì ai ở trong điều kiện, hoàn cảnh nhất định đều phải xử sự theo khuôn mẫu pháp luật quy định.

Tính quy phạm phổ biến là một chuẩn mực nhất định để các cá nhân, tổ chức khi tham gia các quan hệ xã hội phải ứng xử phù hợp với các chuẩn mực đó. Từ đó, giúp cho xã hội hoạt động, phát triển trong trật tự ổn định, thông qua đó, Nhà nước thực hiện việc quản lí xã hội.

+ Biểu hiện của tính quyền lực, bắt buộc chung của pháp luật:

- Quy phạm pháp luật do Nhà nước (cơ quan nhà nước có thẩm quyền) ban hành.

- Mọi cá nhân, tổ chức đều bắt buộc phải thực hiện theo khuôn mẫu chung mà Nhà nước quy định.

- Nhà nước bảo đảm thực hiện pháp luật bằng quyền lực nhà nước (xử phạt, cưỡng chế đối với người có hành vi vi phạm/không thực hiện hoặc thực hiện không đúng).

Tính quyền lực, bắt buộc chung nhằm ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm các quy định pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh đối với mọi cá nhân, tổ chức dưới sự quản lí của Nhà nước.

+ Biểu hiện của tính xác định chặt chẽ về hình thức của pháp luật:

- Pháp luật phải được thể hiện bằng văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ban hành. Chỉ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Hiến pháp và luật quy định mới được ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải tuân theo trình tự, thủ tục hình thức pháp luật quy định.

- Ngôn ngữ rõ ràng, chính xác, chỉ mang một nghĩa nhất định.

- Nội dung phải đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức giúp cho người dân nhận thức được biểu hiện bên ngoài của pháp luật, để thực hiện pháp luật, để kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật của bản thân và của người khác, đồng thời góp phần hạn chế, ngăn ngừa sự tùy tiện, lợi dụng việc ban hành pháp luật phục vụ lợi ích riêng.

Hoạt động 3. TÌM HIỂU VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

a) **Mục tiêu:** HS nêu được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.

b) **Tổ chức thực hiện:**

GV dẫn dắt: trong đời sống xã hội, pháp luật có nhiều vai trò khác nhau, như: Pháp luật là phương tiện thể chế hoá đường lối của Đảng, là phương tiện quản lí của Nhà nước,... song trong phạm vi bài chỉ xem xét vai trò của pháp luật đối với Nhà nước và đối với công dân.

Đối với Nhà nước, pháp luật được Nhà nước sử dụng như một phương tiện để quản lí xã hội. Đối với công dân, pháp luật tạo cơ sở pháp lí để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.

*** Pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lí xã hội**

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Hành vi xả thải chất độc vào môi trường của Công ty Hoá chất A đã vi phạm quy định của luật nào? Việc xử phạt đối với Công ty Hoá chất A có tác dụng như thế nào?

2/ Em hãy nêu một số quy định của pháp luật thể hiện vai trò quản lí xã hội của Nhà nước mà em biết.

– GV gọi đại diện 1, 2 nhóm trình bày trước lớp, HS khác góp ý bổ sung.

– GV nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và kết luận:

1/ Hành vi xả thải chất độc vào môi trường của công ty hoá chất A đã làm ô nhiễm môi trường, vi phạm “nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ môi trường của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân” (khoản 1, Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020), vi phạm quy định tại khoản 2, 3 Điều 6 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

“Điều 6 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường:

2. Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lí đạt quy chuẩn kĩ thuật môi trường ra môi trường.

3. Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, vi rút độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên”.

– Công ty Hoá chất A đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng hình thức phạt tiền và các hình phạt bổ sung như: buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả khắc phục, góp phần làm cho môi trường trong sạch trở lại và xây dựng, hoàn thiện hệ thống xử lí chất thải theo quy định của pháp luật, ngăn ngừa tái diễn hành vi gây ô nhiễm, góp phần bảo vệ môi trường.

– Việc xử phạt đối với Công ty Hoá chất A có tác dụng ngăn chặn, chấm dứt hành vi gây ô nhiễm môi trường và khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường do công ty gây ra; góp phần giáo dục, nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường của Công ty A và các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh.

– Nhà nước ban hành Luật Bảo vệ môi trường, trong đó quy định nghĩa vụ bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân trong cuộc sống, sinh hoạt và trong sản xuất, kinh doanh; quy định những việc các tổ chức, cá nhân được làm, những việc không được làm và những việc bắt

buộc phải làm để bảo vệ môi trường; quy định các quy tắc xử sự mà con người phải thực hiện khi khai thác, sử dụng các yếu tố gắn với môi trường như không khí, nước, rừng,... quy định những biện pháp xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường,...

Với việc ban hành Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, Nhà nước thực hiện việc quản lý xã hội trong lĩnh vực môi trường, ngăn chặn các hành vi phá hoại, làm ô nhiễm môi trường để bảo vệ cuộc sống của con người trên Trái Đất. Bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của chúng ta, môi trường trong sạch, cuộc sống của chúng ta mới bền vững.

HS có thể tham khảo thêm Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18-11-2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và Nghị định số 55/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP.

2/ GV gợi ý HS có thể nêu một số quy định trong Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Luật Trẻ em năm 2016 để minh họa pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lý xã hội

Ví dụ: Để bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt, Nhà nước ban hành Luật Giao thông đường bộ trong đó quy định các quy tắc chung áp dụng cho mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia giao thông. Khoản 1 Điều 9 Quy tắc chung: “Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”.

Để kiểm soát việc tham gia giao thông và chấp hành quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông của các cá nhân, tổ chức, Nhà nước ban hành Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt để xử lý các hành vi vi phạm. Ví dụ: “Điểm a, khoản 1, Điều 5 quy định về xử phạt người điều khiển xe ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy tắc giao thông đường bộ như sau: Phạt tiền từ 200 000 đồng đến 400 000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm như: a) Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường,....”.

Nhà nước tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật Giao thông đường bộ trên các phương tiện thông tin để mọi người biết và thực hiện. Đối với những trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, các cơ quan chức năng xử phạt theo quy định của pháp luật.

Pháp luật là phương tiện hữu hiệu để Nhà nước quản lý xã hội, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các cá nhân, tổ chức trong phạm vi lãnh thổ của mình.

– Cuối hoạt động này, GV chốt nội dung kiến thức trong SGK.

*** *Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện quyền và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.***

– GV cho HS đọc, nghiên cứu thông tin, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, pháp luật đã bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh B như thế nào?

2/ Em hãy nêu ý nghĩa của việc pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.

- GV mời một đến hai nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm còn lại nghe và bổ sung (nếu cần).
- Gợi ý:

1/ Trong trường hợp trên, Toà án đã căn cứ vào các quy định tại khoản 1 Điều 37, Điều 39 và Điều 41 của Bộ luật Lao động để huỷ Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động của Công ty X đối với anh B. Buộc công ty phải tiếp nhận lại anh B, bố trí công việc phù hợp với sức khoẻ của anh và hoàn trả anh các chế độ theo quy định.

** Bộ luật Lao động năm 2019 (trích)*

Điều 37. Trường hợp người sử dụng lao động không được thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (trích)

1. Người lao động ốm đau hoặc bị tai nạn, bệnh nghề nghiệp đang điều trị, điều dưỡng theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 của Bộ luật này.

Điều 39. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật

Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động không đúng quy định tại các điều 35, 36 và 37 của Bộ luật này.

Điều 41. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật (trích)

1. Phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết; phải trả tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày người lao động không được làm việc và phải trả thêm cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng 2 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động.

Sau khi được nhận lại làm việc, người lao động hoàn trả cho người sử dụng lao động các khoản tiền trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm nếu đã nhận của người sử dụng lao động.

2/ Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân vì:

- Pháp luật tạo cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình qua việc:
- + Pháp luật ghi nhận, xác lập các quyền, nghĩa vụ của công dân, công nhận các lợi ích hợp pháp của công dân, quy định cách thức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân, tôn trọng, bảo đảm việc thực hiện các quyền của công dân trong các văn bản pháp luật.

Ví dụ: Pháp luật quy định công dân có quyền tự do kết hôn. Để thực hiện quyền kết hôn, công dân phải tuân thủ các quy định Luật Hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy đăng ký kết hôn,... và không được vi phạm các điều kiện kết hôn.

- + Pháp luật tạo cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân qua việc: Nhà nước ban hành các văn bản pháp luật quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục để giải quyết các tranh chấp, khiếu nại của công dân, các văn bản pháp luật xử lý đối với các hành vi vi phạm quyền công dân, xử lý các hành vi xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Ví dụ: Nhà nước ban hành Luật Khiếu nại quy định trình tự, thủ tục giải quyết các khiếu nại của công dân khi quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân bị xâm phạm.

- Cuối hoạt động này, GV chốt nội dung kiến thức trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy cho biết nội dung nào sau đây là quy định pháp luật. Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc từng ý kiến, sau đó chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của HS trả lời câu hỏi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận.

a. – Là quy định pháp luật vì Bộ luật Lao động do Nhà nước ban hành, điều chỉnh quan hệ lao động. Bất kỳ ai tham gia vào quan hệ lao động đều phải thực hiện. Nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b. – Không phải là quy định pháp luật vì quy định này chỉ áp dụng đối với đoàn viên trong tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

c. – Không phải là quy định pháp luật vì đây là nội quy của Công ty Y và chỉ áp dụng với các thành viên trong Công ty Y.

d. – Không phải là quy định pháp luật vì đây chỉ là quy định trích từ Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông thường niên của Công ty cổ phần X và chỉ áp dụng đối với các cổ đông trong thời gian đại hội cổ đông.

2. Em hãy chỉ ra các đặc điểm của pháp luật thể hiện trong các quy định sau:

– GV cho HS thảo luận nhóm đôi các ý kiến trong SGK, sau đó mời đại diện nhóm lên trình bày câu trả lời.

– Các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV kết luận.

– *Gợi ý:* GV dựa vào các đặc điểm của pháp luật để phân tích, chỉ ra từng đặc điểm trong từng ý của nội dung a, b, c.

+ Tất cả mọi người đều phải thực hiện những quy định này – Tính quy phạm phổ biến.

+ Nếu không thực hiện hoặc có hành vi vi phạm các quy định này đều bị xử lý theo pháp luật – Tính quyền lực, bắt buộc chung.

+ Các quy định này được thể hiện trong Hiến pháp (a), Luật Bảo vệ môi trường (b), Luật Trẻ em (c) – Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

3. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

– GV cho HS thảo luận nhóm các ý kiến trong SGK, sau đó mời đại diện nhóm lên trình bày câu trả lời.

– Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– *Gợi ý:*

+ a. Đúng, vì pháp luật có tính quy phạm phổ biến và tính quyền lực, bắt buộc chung.

+ b. Sai, vì pháp luật có tính quy phạm phổ biến và tính quyền lực, bắt buộc chung nên pháp luật là phương tiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mọi cá nhân, tổ chức, không phân biệt chức vụ, địa vị, tài sản,...

+ c. Sai, vì mọi tổ chức, cá nhân đều phải chấp hành pháp luật.

+ d. Sai, vì nếu Nhà nước quản lý xã hội bằng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền giáo dục, thuyết phục sẽ không có tính quyền lực, tính bắt buộc chung đối với mọi cá nhân, tổ chức. Do đó sẽ có những người không thực hiện mà không bị xử lý. Điều này sẽ dẫn đến việc Nhà nước không thể quản lý xã hội theo định hướng của mình.

+ e. Đúng – xem nội dung bài học.

4. Em hãy nêu vai trò của pháp luật trong trường hợp sau:

– GV nêu các trường hợp trong SGK, yêu cầu HS nêu ý kiến.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận.

– Gợi ý:

a. Pháp luật có vai trò bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng ngừa tai nạn giao thông, bảo đảm an toàn cho người tham gia giao thông.

b. Pháp luật có vai trò bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, ngăn ngừa hành vi gian dối trong sản xuất kinh doanh, ngăn chặn tình trạng hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường, góp phần tạo môi trường kinh doanh lành mạnh.

5. Giải đáp pháp luật

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và sắm vai một người hỏi, một người giải đáp thắc mắc.

– GV nhận xét, kết luận: Các loại xe ưu tiên bao gồm: xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ; xe quân sự, công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, đoàn xe có cảnh sát dẫn đường; xe cứu thương đang thực hiện nhiệm vụ cấp cứu; xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật và đoàn xe tang. Các loại xe ưu tiên đã nêu (trừ đoàn xe tang) khi đi làm nhiệm vụ phải có tín hiệu còi, cờ, đèn theo quy định; không bị hạn chế tốc độ; được phép đi vào đường ngược chiều, các đường khác có thể đi được, kể cả khi có tín hiệu đèn đỏ và chỉ phải tuân theo chỉ dẫn của người điều khiển giao thông.

Gợi ý: Đọc Điều 22 Luật Giao thông đường bộ quy định về các loại xe ưu tiên.

4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) **Tổ chức thực hiện:**

1. GV yêu cầu HS tìm hiểu (sưu tầm trên mạng) và kể lại một trường hợp pháp luật đã bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Và viết lại những điều em rút ra được từ trường hợp đó.

HS làm bài ở nhà và trình bày vào giờ học sau.

2. Hướng ứng ngày Pháp luật Việt Nam 9 – 11, em hãy viết bài tuyên truyền về vai trò của pháp luật đối với đời sống xã hội.

GV hướng dẫn gợi ý cho HS có thể viết về vai trò của pháp luật đối với trẻ em, đối với người lao động hoặc một lĩnh vực như môi trường,... Dung lượng bài khoảng một phần hai trang và nêu rõ thời hạn nộp bài.

Bài 12. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM (2 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm hệ thống pháp luật Việt Nam và văn bản pháp luật Việt Nam.
- Kể tên được các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến văn bản pháp luật Việt Nam.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc chấp hành pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện pháp luật của Nhà nước. Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm pháp luật.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật và lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật.
- Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Khai thác vốn sống, trải nghiệm của HS về chủ đề bài học; tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV tổ chức trò chơi “Đối mặt”: Kể tên các luật, bộ luật của Việt Nam. Bạn nào kể được đúng và nhiều hơn sẽ thắng. Lưu ý: các đáp án đưa ra không được trùng nhau.

– Sau khi chơi, GV mời một số HS trả lời câu hỏi: Chia sẻ sự hiểu biết của em về một luật hoặc bộ luật mà em biết.

– HS trả lời, GV nhận xét, kết luận và dẫn dắt vào bài: văn bản quy phạm pháp luật là hình thức thể hiện của pháp luật. Tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật hay còn gọi là hệ thống văn bản quy phạm pháp luật là hình thức biểu hiện bên ngoài của pháp luật. Để điều chỉnh các quan hệ xã hội đa dạng, Nhà nước cần ban hành hệ thống pháp luật đầy đủ và thống nhất. Bài học này giúp các em tìm hiểu về hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

a) **Mục tiêu:** HS nêu được hệ thống pháp luật Việt Nam là gì? Cấu trúc bên trong và hình thức thể hiện bên ngoài của hệ thống pháp luật Việt Nam.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi:

1/ Cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam gồm những bộ phận nào?

2/ Hình thức thể hiện bên ngoài của hệ thống pháp luật Việt Nam được biểu hiện như thế nào?

3/ Em hãy nêu ví dụ minh họa cho cấu trúc của hệ thống pháp luật.

– GV mời một vài HS trả lời câu hỏi. HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam gồm:

+ Ngành luật

+ Chế định pháp luật

+ Quy phạm pháp luật.

2/ Hình thức thể hiện bên ngoài của hệ thống pháp luật là các văn bản pháp luật, bao gồm: Hiến pháp, luật, bộ luật, nghị quyết của Quốc hội,...

3/ GV gợi ý về các thành phần cụ thể trong cấu trúc giúp HS có thể nêu ví dụ minh họa câu hỏi 3.

+ Quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện được gọi là quy phạm pháp luật. Quy phạm pháp luật là đơn vị nhỏ nhất trong hệ thống pháp luật.

Ví dụ: Nghiêm cấm hành vi bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em (khoản 2, Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016) là quy phạm pháp luật.

+ Nhóm các quy phạm pháp luật điều chỉnh một nhóm các quan hệ xã hội có đặc điểm chung và có mối liên hệ mật thiết với nhau tập hợp thành chế định pháp luật.

Ví dụ: Chế định thừa kế gồm các quy định về di sản thừa kế, người được thừa kế, quyền và nghĩa vụ của người thừa kế,... trong ngành Luật Dân sự hay các chế định cơ bản trong ngành Luật Hình sự gồm: tội phạm, hình phạt, nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội,...

+ Ngành luật là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh một loại các quan hệ xã hội có cùng tính chất, nội dung thuộc một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội.

GV có thể giới thiệu với HS một số ngành luật trong hệ thống pháp luật nước ta hiện nay như:

- Luật Nhà nước/ Luật Hiến pháp là tổng thể hệ thống những quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ cơ bản, quan trọng nhất gắn liền với việc tổ chức quyền lực nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, về chế độ chính trị, văn hoá – xã hội, kinh tế, chế độ bầu cử, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân,...

- Luật Hình sự là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội nhằm xác định rõ hành vi nào nguy hiểm cho xã hội, đồng thời quy định các hình phạt đối với những người có hành vi phạm tội, những nguyên tắc xác định tội danh và quyết định hình phạt.

- Luật Dân sự là hệ thống các quy định pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản mang tính chất hàng hoá, tiền tệ và một số quan hệ nhân thân trên nguyên tắc bình đẳng, tự định đoạt và tự chịu trách nhiệm của các chủ thể tham gia các quan hệ dân sự.

Như vậy, hệ thống pháp luật Việt Nam là tổng thể các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc, định hướng pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau, được sắp xếp thành các ngành luật, các chế định pháp luật và được thể hiện trong các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo những hình thức, thủ tục nhất định để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

a) **Mục tiêu:** HS nêu được các loại văn bản pháp luật Việt Nam và kể được tên các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

b) **Tổ chức thực hiện:**

* ***Văn bản quy phạm pháp luật***

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, quan sát sơ đồ kết hợp đọc thông tin để trả lời câu hỏi:

1/ Kể tên các văn bản quy phạm pháp luật và cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản đó.

2/ Nêu các đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật về thẩm quyền ban hành, nội dung, hình thức của văn bản.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Cả lớp lắng nghe và cho ý kiến bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Văn bản quy phạm pháp luật là các văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Dựa vào sơ đồ Hệ thống pháp luật Việt Nam để kể tên văn bản và cơ quan ban hành các văn bản đó.

2/ Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật:

- Có chứa các quy phạm pháp luật. Được áp dụng nhiều lần và trong phạm vi cả nước.
- Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- Hình thức, trình tự, thủ tục ban hành do luật quy định.

+ Văn bản quy phạm pháp luật gồm văn bản luật và văn bản dưới luật. Mỗi văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý khác nhau.

+ Các văn bản luật do Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành, bao gồm:

• Hiến pháp là đạo luật cơ bản, quy định các vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của Nhà nước. Hiến pháp có vị trí pháp lý cao nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Mọi văn bản luật, văn bản dưới luật đều phải dựa trên các quy định của Hiến pháp, phù hợp với Hiến pháp, không được trái với Hiến pháp.

• Bộ luật, luật cụ thể hoá Hiến pháp nhằm điều chỉnh các loại quan hệ xã hội khác nhau trong một lĩnh vực nhất định. Ví dụ: Bộ luật Hình sự, Luật Trẻ em, Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Nguyên tắc xác định thứ bậc hiệu lực pháp lý từ cao xuống thấp dựa trên địa vị pháp lý của cơ quan ban hành và tính chất của văn bản. Các văn bản do cơ quan cấp dưới ban hành không được trái với văn bản do cấp trên ban hành, văn bản của địa phương ban hành không được trái với văn bản do Trung ương ban hành.

*** Văn bản áp dụng pháp luật**

– GV tiếp tục yêu cầu HS làm thảo luận nhóm, đọc hai văn bản và trả lời câu hỏi:

1/ Nêu những điểm giống và khác nhau của các văn bản trên về thẩm quyền ban hành, mục đích ban hành, đối tượng thực hiện và phạm vi áp dụng văn bản.

2/ Hãy cho biết mối liên hệ giữa hai văn bản trên.

– GV thiết kế phiếu học tập, phát cho các nhóm thực hiện yêu cầu điểm khác nhau của hai văn bản trong SGK.

– GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Điểm giống nhau: cùng thuộc văn bản quy phạm pháp luật, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điểm khác nhau:

Tiêu chí phân biệt	Luật Bảo vệ môi trường	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính
Cơ quan có thẩm quyền ban hành	Quốc hội	Công an huyện
Mục đích ban hành	Quy định những việc tổ chức, cá nhân được làm, không được làm và phải làm để bảo vệ môi trường.	Xử phạt hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
Đối tượng thực hiện	Mọi tổ chức, cá nhân.	Người/tổ chức thực hiện hành vi vi phạm (xác định cụ thể).
Phạm vi áp dụng	Mọi nơi, mọi lúc, mọi thời điểm.	Ghi trong quyết định xử phạt (xác định).

2/ Mối liên hệ: Luật Bảo vệ môi trường là căn cứ để xác định hành vi vi phạm và ban hành Quyết định xử phạt hành vi vi phạm đó; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhằm xử phạt hành vi vi phạm Luật Bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ môi trường.

+ GV có thể đặt câu hỏi: Em hiểu thế nào là văn bản áp dụng pháp luật?

+ GV nhấn mạnh những nội dung trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

• Do tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được Nhà nước trao quyền ban hành.

• Chứa đựng các quy tắc xử sự cá biệt, trên cơ sở áp dụng các quy phạm pháp luật đối với những quan hệ cụ thể, cá biệt.

- Làm phát sinh quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức nhất định, hoặc xác định trách nhiệm pháp lý đối với các chủ thể vi phạm pháp luật.

- Được áp dụng một lần đối với một cá nhân, tổ chức nhất định.

Như vậy, văn bản áp dụng pháp luật là văn bản chứa đựng các quy tắc xử sự cá biệt, mang tính quyền lực nhà nước, do cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền ban hành theo trình tự, thủ tục luật định trên cơ sở áp dụng các quy phạm pháp luật đối với những quan hệ cụ thể, cá biệt, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức nhất định hoặc xác định trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật.

– GV yêu cầu HS nêu ví dụ khác về văn bản áp dụng pháp luật và chỉ ra các đặc điểm trên trong văn bản đó.

Cuối hoạt động Khám phá, GV nhắc lại nội dung bài học thông qua phần chốt kiến thức trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã khám phá và thực hành xử lý một số tình huống.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Theo em, các nhận định sau đúng hay sai? Vì sao?

– GV cho HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin trong SGK.

– GV mời đại diện nhóm trả lời câu hỏi.

– Các nhóm còn lại nghe và có ý kiến nhận xét, bổ sung (nếu cần).

– GV nhận xét và kết luận:

a. Sai, vì đây là văn bản hành chính.

b. Sai, vì đây là văn bản áp dụng pháp luật.

c. Sai, vì không phải là hình thức của văn bản quy phạm pháp luật (không thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam).

d. Đúng, vì thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam, là văn bản dưới luật.

e. Sai, vì nghị định là văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành, thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam.

2. Em hãy cho biết văn bản nào sau đây thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam.

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, kết hợp quan sát sơ đồ Hệ thống pháp luật Việt Nam ở mục Khám phá trong SGK, sau đó mời HS lên trả lời câu hỏi. HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận: Căn cứ thẩm quyền ban hành, hình thức văn bản và phạm vi áp dụng, các văn bản thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam gồm: a, b, d, e, g.

3. Em hãy xác định và sắp xếp các văn bản sau đây theo bảng mẫu gợi ý và giải thích lí do.

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– Gợi ý: Căn cứ vào thẩm quyền ban hành, đối tượng, phạm vi áp dụng và hình thức của văn bản có thể sắp xếp như sau:

Văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản áp dụng pháp luật	Giải thích lí do
	a. Quyết định gọi công dân nhập ngũ	Đối tượng áp dụng được xác định cụ thể và được áp dụng một lần.
b. Luật Xử lí vi phạm hành chính		Đây là văn bản luật, do Quốc hội ban hành; hình thức theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; có phạm vi áp dụng rộng rãi, thời gian áp dụng lâu dài, nhiều lần.
	c. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện	Đối tượng áp dụng được xác định cụ thể và được áp dụng một lần.
d. Nghị định của Chính phủ		Đây là văn bản luật, do Chính phủ ban hành; hình thức theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; có phạm vi áp dụng rộng rãi, thời gian áp dụng lâu dài, nhiều lần.
	e. Bản án, quyết định xét xử của Tòa án	Đối tượng áp dụng được xác định cụ thể và được áp dụng một lần.
g. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo		Đây là văn bản dưới luật, do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; hình thức theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; có phạm vi áp dụng rộng rãi, thời gian áp dụng lâu dài, nhiều lần.

4. Em hãy sắp xếp các văn bản dưới đây theo hiệu lực pháp lí từ cao xuống thấp.

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, quan sát sơ đồ Hệ thống pháp luật Việt Nam ở mục Khám phá và gọi đại diện nhóm trả lời câu hỏi.

– Gợi ý: Căn cứ vào thẩm quyền ban hành, các văn bản có hiệu lực pháp lý từ cao xuống thấp sắp xếp như sau:

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Luật Giáo dục năm 2019.
3. Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ưu đãi người có công với cách mạng.
4. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục năm 2019.
5. Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020.
6. Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và các tội phạm khác về chức vụ.
7. Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn đăng kí doanh nghiệp.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy sưu tầm hai văn bản quy phạm pháp luật và cho biết cơ quan ban hành, mục đích ban hành, đối tượng và phạm vi áp dụng của văn bản.

2. Em hãy sưu tầm một văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục và chia sẻ những điều em biết về văn bản đó.

Gợi ý: HS có thể sưu tầm trên mạng cho biết tên gọi của văn bản, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tóm tắt nội dung văn bản từ 3 – 5 dòng, chia sẻ kết quả làm việc trước lớp.

Bài 13. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT (2 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật, các hình thức thực hiện pháp luật.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến các hình thức thực hiện pháp luật.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc chấp hành pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện pháp luật của Nhà nước; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, quy định của pháp luật; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm pháp luật.

+ Năng lực phát triển bản thân: Lựa chọn được các hình thức thực hiện pháp luật phù hợp với bản thân khi tham gia các quan hệ xã hội.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật và lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

– Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật.

– Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

– Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

– Một số điều luật liên quan đến nội dung bài học;

– Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Khai thác vốn sống, trải nghiệm của HS về chủ đề bài học; Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Ai nhanh, ai đúng”.

– GV mời 2 nhóm HS (mỗi nhóm 2 – 3 người). Lần lượt từng nhóm kể tên các hành vi thực hiện pháp luật, hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ. Nhóm nào kể đúng, nhiều hơn trong cùng một thời gian sẽ thắng cuộc.

– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Theo em việc thực hiện pháp luật giao thông đường bộ có ý nghĩa thế nào trong cuộc sống hằng ngày?

– Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV kết luận và dẫn dắt vào bài: thực hiện tốt pháp luật giao thông đường bộ góp phần bảo đảm giao thông được thông suốt, an toàn, thuận lợi,... giúp cho xã hội phát triển ổn định, cuộc sống của người dân được bảo đảm. Pháp luật là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân nhưng pháp luật chỉ phát huy tác dụng khi được mọi cá nhân, tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh. Thực hiện các quy định pháp luật nói chung là trách nhiệm của mọi công dân. Bài học này sẽ giúp các em hiểu thế nào là thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU KHÁI NIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

a) **Mục tiêu:** HS nêu được khái niệm thực hiện pháp luật.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:

1/ Em hãy nhận xét việc làm của các nhân vật trong tranh. Đó có phải là nghĩa vụ của họ không? Vì sao?

2/ Thực hiện pháp luật có ý nghĩa như thế nào trong thực tiễn đời sống?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Các nhân vật trong tranh đang dọn vệ sinh trên bãi biển nhằm góp phần bảo vệ môi trường biển. Đây là việc làm đúng, thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ môi trường của công dân mà pháp luật đã quy định trong Hiến pháp và Luật Bảo vệ môi trường.

2/ Thực hiện pháp luật là hoạt động có mục đích, làm cho các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Mọi tổ chức, cá nhân tự giác thực hiện pháp luật là góp phần tạo điều kiện cho xã hội phát triển ổn định, theo định hướng mà Nhà nước đặt ra.

– GV tiếp tục đặt câu hỏi: Để pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành hành vi hợp pháp của công dân thì Nhà nước cần phải làm gì? Công dân phải làm gì?

– Đại diện nhóm trình bày kết quả làm việc. Cả lớp góp ý bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

+ Để pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành hành vi hợp pháp của công dân, cùng với việc ban hành pháp luật, Nhà nước cần công bố công khai, minh bạch pháp luật, tổ chức tuyên truyền, tạo điều kiện để mọi người dân có thể tiếp cận pháp luật, tìm hiểu pháp luật; đồng thời giải thích, hướng dẫn người dân thực hiện pháp luật, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật.

Về phía công dân, phải chủ động tìm hiểu pháp luật, tự giác thực hiện pháp luật và nhắc nhở mọi người cùng thực hiện.

+ Thực hiện pháp luật là giai đoạn tiếp theo sau khi ban hành pháp luật. Nếu như việc xây dựng, ban hành pháp luật là quá trình mô hình hoá các quy tắc xử sự theo hướng phù hợp với ý chí của Nhà nước thì thực hiện pháp luật là quá trình đưa các quy tắc xử sự đã được quy phạm hoá trở thành khuôn mẫu, thước đo đối với các hành vi cụ thể của cá nhân, tổ chức, bắt buộc mọi người phải thực hiện (bằng quyền lực nhà nước) khi họ tham gia vào các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh.

Vì vậy, nếu coi xây dựng pháp luật là quá trình đưa đời sống vào pháp luật thì thực hiện pháp luật là quá trình đưa pháp luật trở lại với đời sống và trở thành hoạt động thường xuyên của các cá nhân, tổ chức, cơ quan.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU CÁC HÌNH THỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

a) Mục tiêu: HS nêu được các hình thức thực hiện pháp luật.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một hình thức thực hiện pháp luật: tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật qua việc đọc thông tin kết hợp quan sát tranh và nghiên cứu trường hợp, tình huống để trả lời các câu hỏi cụ thể trong SGK.

– HS thảo luận nhóm và viết kết quả làm việc của nhóm vào giấy A0 treo lên bảng để cả lớp cùng suy nghĩ, góp ý kiến bổ sung.

– GV gợi ý cho các nhóm bằng việc trả lời các câu hỏi.

*** Tuân thủ pháp luật**

• Các tổ chức, cá nhân có bắt buộc phải tuân thủ pháp luật không? Người không tuân thủ pháp luật có bị xử phạt không? Vì sao?

• Điểm khác biệt của tuân thủ pháp luật với các hình thức thực hiện pháp luật khác là gì?

Gợi ý:

1/ Tuân thủ pháp luật là yêu cầu bắt buộc đối với mọi tổ chức, cá nhân. Người không tuân thủ pháp luật sẽ bị xử phạt theo quy định.

Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của cảnh sát giao thông và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu giao thông đường bộ.

2/ Điểm khác biệt giữa tuân thủ pháp luật với các hình thức thực hiện pháp luật khác là các chủ thể phải kiểm chế, không thực hiện các hành vi pháp luật cấm. Đây là lí do vì sao mà dù rất thích chiếc xe đã chọn nhưng H vẫn đồng ý với ý kiến của bố.

Tuân thủ pháp luật là việc các chủ thể (tổ chức, cá nhân) kiểm chế không thực hiện các hành vi pháp luật cấm.

*** Thi hành pháp luật**

Các cá nhân, tổ chức có bắt buộc phải thi hành pháp luật không? Cá nhân, tổ chức không chủ động thi hành pháp luật có bị xử phạt không? Sự khác nhau giữa thi hành pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật khác là gì?

Gợi ý:

+ Các tổ chức, cá nhân bắt buộc phải thi hành pháp luật. Nếu tổ chức, cá nhân không chủ động thi hành pháp luật sẽ bị xử phạt theo quy định. Sự khác nhau giữa thi hành pháp luật và tuân thủ pháp luật là tính chủ động của chủ thể. Nếu các chủ thể trong thi hành pháp luật không chủ động thực hiện, thực hiện không đúng quy định pháp luật đều bị xử phạt.

1/ Trong tranh các thanh niên đã thực hiện nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng lên đường nhập ngũ.

2/ Cơ sở kinh doanh K được chính quyền địa phương khen thưởng do đã chủ động xây dựng hệ thống thu gom xử lý chất thải trong quá trình sản xuất, thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh.

+ Thi hành pháp luật là việc các chủ thể (tổ chức, cá nhân) chủ động thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ mà pháp luật quy định phải làm.

*** Sử dụng pháp luật**

+ Các tổ chức, cá nhân có bắt buộc phải sử dụng pháp luật không? Nếu tổ chức, cá nhân không sử dụng pháp luật có bị xử phạt không? Điểm khác biệt của sử dụng pháp luật so với các hình thức thực hiện pháp luật khác là gì?

Gợi ý:

1/ Để sử dụng quyền tự do kinh doanh, người phụ nữ trong tranh đã đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nộp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

2/ Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình, ông T đã sử dụng quyền khiếu nại.

+ Trong sử dụng pháp luật, các chủ thể được chủ động sử dụng các quyền của mình (có thể thực hiện hoặc không thực hiện các quyền được pháp luật cho phép) theo ý chí cá nhân mà không bị ép buộc, không phụ thuộc vào ý chí của người khác.

Điểm cần lưu ý khi sử dụng pháp luật là các tổ chức, cá nhân khi sử dụng quyền của mình phải tuân theo quy định của pháp luật. Ví dụ: công dân có quyền kết hôn nhưng khi thực hiện quyền kết hôn, công dân phải tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì mới được Nhà nước công nhận tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân đó.

3/ HS có thể nêu các ví dụ khác về sử dụng pháp luật.

*** Áp dụng pháp luật**

Các tổ chức, cá nhân có quyền áp dụng pháp luật không? Dựa vào cơ sở nào mà tổ chức, cá nhân có quyền áp dụng pháp luật? Mục đích của áp dụng pháp luật là gì? Áp dụng pháp luật khác với các hình thức thực hiện pháp luật khác ở điểm nào?

Gợi ý:

1/ Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Nhà nước giao là xét xử và ra các quyết định/bản án.

2/ Việc xử phạt của cảnh sát giao thông nhằm mục đích buộc người có hành vi vi phạm pháp luật phải chịu trách nhiệm về hành vi sai phạm của mình, đồng thời nhắc nhở, giáo dục những người khác phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

Căn cứ để cảnh sát giao thông xử phạt là quy định của pháp luật (về hành vi vi phạm và mức xử phạt) và nhiệm vụ của cảnh sát giao thông.

3/ Chỉ cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền và những tổ chức, cá nhân được Nhà nước trao quyền mới được áp dụng pháp luật – đây là những chủ thể đặc biệt trong thực hiện pháp luật.

Mục đích của áp dụng pháp luật là căn cứ vào pháp luật ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức.

Phạm vi áp dụng pháp luật bị giới hạn theo quy định của pháp luật. Ví dụ, khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội thì mức hình phạt không được vượt quá phạm vi khung hình phạt quy định đối với tội phạm đó.

GV nhấn mạnh: Giữa các hình thức thực hiện pháp luật có mối liên hệ với nhau. Nếu các tổ chức, cá nhân không tự giác tuân thủ hoặc thi hành pháp luật thì sẽ bị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc được Nhà nước trao quyền áp dụng các biện pháp buộc họ phải thực hiện hoặc phải gánh chịu các hậu quả pháp lý bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật. Sự can thiệp của Nhà nước để bảo đảm pháp luật được thực hiện và cũng là đặc trưng thể hiện tính quyền lực, tính bắt buộc chung của pháp luật trong quá trình thực hiện pháp luật.

Kết thúc hoạt động Khám phá, GV chốt lại nội dung kiến thức trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học, phân tích, đánh giá việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy cho biết chủ thể nào trong trường hợp sau thực hiện đúng hay thực hiện không đúng pháp luật. Vì sao?

– GV cho HS thảo luận nhóm đôi, sau đó gọi đại diện nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nghe, nhận xét và bổ sung nếu cần.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Thanh tra thuế thực hiện đúng pháp luật, ra quyết định xử phạt đối với doanh nghiệp X vì chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Thanh tra thuế đã thực hiện pháp luật thông qua hình thức áp dụng pháp luật.

Doanh nghiệp X không chủ động thi hành nghĩa vụ nộp thuế đúng hạn – không thực hiện đúng quy định pháp luật.

b. Ông B khiếu nại quyết định thu hồi đất của gia đình do Ủy ban nhân dân huyện A ban hành. Ông B đã chủ động sử dụng quyền khiếu nại của công dân.

c. Anh D mở công ty kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh các mặt hàng có tên trong đăng ký kinh doanh. Anh D sử dụng quyền kinh doanh của công dân đúng quy định pháp luật.

d. Người sử dụng lao động sai khi đơn phương ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trước thời hạn mà không có lý do cụ thể.

2. Em hãy cho biết chủ thể nào tự giác, chưa tự giác thực hiện pháp luật trong các trường hợp sau:

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tự nghiên cứu yêu cầu của bài tập để trả lời câu hỏi.

– GV mời một vài HS trả lời. Các HS khác lắng nghe và bổ sung ý kiến.

– Gọi ý:

a. A tự giác, chủ động thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định pháp luật.

b. Gia đình T chủ động thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định pháp luật.

c. Công ty kinh doanh nông sản do anh H làm giám đốc chưa chủ động, tự giác thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định pháp luật.

d. K chủ động tố giác tội phạm với cơ quan chức năng, góp phần phòng chống tệ nạn xã hội, giữ trật tự, an ninh.

3. Em hãy chỉ ra hình thức thực hiện pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong những thông tin sau:

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và cho ý kiến của nhóm mình trong từng trường hợp.

– GV mời đại diện một vài nhóm trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, góp ý.

– Gọi ý:

a. Chị T khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường vì không cấp giấy khai sinh cho con chị với lý do chị là mẹ đơn thân. Chị T sử dụng pháp luật.

b. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm đất công của anh D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N áp dụng pháp luật.

c. Công ty của anh P chủ động thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh. Công ty của anh P chủ động thi hành pháp luật.

d. H từ chối sử dụng ma túy khi bạn bè rủ rê. H tuân thủ pháp luật.

4. Em hãy thảo luận cùng các bạn để làm rõ điểm khác nhau về mặt chủ thể khi thực hiện pháp luật theo các hình thức tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật, áp dụng pháp luật.

– GV phát mẫu phiếu bài tập. HS làm việc cá nhân.

– GV gọi HS trình bày kết quả làm việc. HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

– Gợi ý:

Nội dung so sánh	Tuân thủ pháp luật	Thi hành pháp luật	Sử dụng pháp luật	Áp dụng pháp luật
Chủ thể thực hiện	Cá nhân, tổ chức	Cá nhân, tổ chức	Cá nhân, tổ chức	Cá nhân, tổ chức có thẩm quyền hoặc được trao quyền
Yêu cầu đối với chủ thể	Bắt buộc phải thực hiện	Bắt buộc phải thực hiện (trừ trường hợp pháp luật quy định khác)	Tự do ý chí	Theo quy định pháp luật
Biện pháp xử lý nếu chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng	Theo quy định pháp luật, trên cơ sở hành vi vi phạm và hậu quả xảy ra	Theo quy định pháp luật, trên cơ sở hành vi vi phạm và hậu quả xảy ra	Không bị xử lý	Theo quy định pháp luật, trên cơ sở hành vi vi phạm và hậu quả xảy ra

5. Em sẽ làm gì nếu gặp các tình huống sau?

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm cử người sắm vai một tình huống. Những người còn lại nghiên cứu đưa ra phương án xử lý tình huống.

– Cả lớp cho ý kiến nhận xét phương án xử lý của từng nhóm.

– GV nhận xét và kết luận.

– Gợi ý:

a. Khuyến các bạn không nên khắc tên lên phiến đá vì làm như vậy sẽ mất mỹ quan khu di tích, huỷ hoại hoặc gây nguy cơ huỷ hoại khu di tích lịch sử, vi phạm Luật Di sản văn hoá.

b. Khuyến bạn không nên tham gia đua xe vì đây là hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ, gây nguy hiểm cho bản thân và cho người tham gia giao thông.

c. Em có thể kín đáo báo cho người bị hại hoặc những người trên xe biết để cùng em ngăn chặn hành vi trộm cắp.

4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) **Tổ chức thực hiện:**

1. Hãy viết bài luận và chia sẻ với các bạn về bài học rút ra từ việc thực hiện pháp luật theo hình thức sử dụng pháp luật mà em biết.

2. Em hãy vẽ tranh tuyên truyền về việc thực hiện “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”.

GV hướng dẫn HS có thể sưu tầm hoặc viết về một trường hợp thực hiện pháp luật bằng hình thức sử dụng pháp luật trong cuộc sống và rút ra bài học từ việc làm đó.

Chủ đề 8

HIẾN PHÁP

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bài 14. GIỚI THIỆU VỀ HIẾN PHÁP

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Hiến pháp năm 2013.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc chấp hành Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện Hiến pháp năm 2013; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm Hiến pháp.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản của Hiến pháp năm 2013; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp.

3. Về phẩm chất

– Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.

– Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Một số hình ảnh, thông tin, tình huống, khẩu hiệu,... có nội dung liên quan bài học;
- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Khai thác trải nghiệm, vốn sống, hiểu biết ban đầu của HS về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để dẫn dắt vào bài học mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV yêu cầu HS nêu một khẩu hiệu về Hiến pháp mà em biết và chia sẻ ý nghĩa của khẩu hiệu đó.

– HS thực hiện yêu cầu.

– GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học: Hiến pháp năm 2013 là đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lí cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Bài học này sẽ giúp các em biết được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và từ đó thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU KHÁI NIỆM VÀ VỊ TRÍ CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

a) **Mục tiêu:** HS nêu được khái niệm và vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết vì sao Nhà nước cần phải ban hành Hiến pháp.

2/ Theo em, Hiến pháp có vị trí như thế nào trong hệ thống pháp luật Việt Nam? Hiến pháp hiện hành của Việt Nam là bản hiến pháp nào?

3/ Vì sao khi ban hành Luật Trẻ em năm 2016, Quốc hội phải căn cứ vào nội dung của Hiến pháp năm 2013?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Nhà nước cần phải ban hành Hiến pháp để quy định những vấn đề cơ bản, quan trọng của Nhà nước và xã hội, làm nguồn cho những văn bản luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

2/ Hiến pháp là đạo luật cơ bản, do Quốc hội ban hành, có hiệu lực pháp lí cao nhất trong hệ thống pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hiến pháp hiện hành của Việt Nam là Hiến pháp năm 2013 được thông qua ngày 28 – 11 – 2013 tại kì họp thứ 6 Quốc hội khoá XIII và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 – 01 – 2014.

3/ Hiến pháp là luật nguồn, là nền tảng cho các văn bản luật khác. Vì vậy, khi ban hành Luật Trẻ em năm 2016 Quốc hội phải căn cứ vào nội dung của Hiến pháp.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

a) **Mục tiêu:** HS nêu được các đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) **Tổ chức thực hiện:**

*** *Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Những chi tiết nào trong các thông tin trên cho thấy Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

– GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận: Trong các thông tin trên có những chi tiết cho thấy Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là:

+ Hiến pháp là nguồn, là nền tảng cho việc ban hành các văn bản pháp luật khác thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam.

+ Quốc hội tiếp tục cụ thể hoá, đưa Hiến pháp năm 2013 vào đời sống bằng việc ban hành 72 luật, hai pháp lệnh và nhiều nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật trong nhiệm kì khoá XIV.

*** *Hiến pháp có hiệu lực pháp lí lâu dài và tương đối ổn định***

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Theo em, vì sao nói Hiến pháp Việt Nam có hiệu lực pháp lí lâu dài và tương đối ổn định? Hiến pháp được bổ sung, thay đổi khi nào?

– GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

+ Hiến pháp Việt Nam có hiệu lực pháp lí lâu dài và tương đối ổn định vì Hiến pháp quy định về những nội dung cơ bản, quan trọng của đất nước như: hình thức chính thể, chủ quyền, lãnh thổ, chế độ chính trị, quyền và nghĩa vụ của công dân,... nên nội dung Hiến pháp ít được sửa chữa, thay đổi.

+ Hiến pháp chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế vào những thời điểm đặc biệt, đánh dấu sự thay đổi về lịch sử, phát triển của đất nước.

*** *Hiến pháp có quy trình làm, sửa đổi đặc biệt được quy định tại Hiến pháp***

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát sơ đồ, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Dựa vào sơ đồ và các thông tin trên, em hãy cho biết quy trình làm, sửa đổi Hiến pháp Việt Nam có gì đặc biệt.

– GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận: Quy trình làm, sửa đổi Hiến pháp Việt Nam bao gồm 8 bước được quy định trong Hiến pháp. Hiến pháp được Quốc hội quyết định làm, sửa đổi khi có ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội tán thành. Trong quá trình làm, sửa đổi Hiến pháp phải tổ chức lấy ý kiến của nhân dân. Hiến pháp được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

Kết thúc hoạt động Khám phá, GV tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt kiến thức trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học, liên hệ thực tế để xử lý một số tình huống có nội dung cơ bản liên quan tới Hiến pháp.

b) Tổ chức thực hiện:

1. *Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?*

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc các ý kiến trong SGK, sau đó yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Sai, vì Hiến pháp là luật cơ bản của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Đúng, vì Hiến pháp là luật quy định những vấn đề cơ bản, quan trọng nhất của đất nước. Vì vậy, khi hoàn cảnh lịch sử và sự phát triển của đất nước có sự thay đổi lớn thì Hiến pháp cần được sửa đổi, thay thế để phù hợp hơn.

c. Sai, vì Quốc hội là cơ quan quyền lực của nhân dân, thực hiện ý chí nguyện vọng của nhân dân trong việc quản lý nhà nước. Quốc hội có quyền lập hiến nhưng việc lập hiến phải được tiến hành trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp của nhân dân trong cả nước.

d. Đúng, vì Hiến pháp là luật cơ bản, có hiệu lực pháp lý cao nhất, mọi văn bản pháp luật khác đều phải phù hợp với Hiến pháp. Các văn bản trái Hiến pháp, mâu thuẫn với Hiến pháp sẽ bị huỷ bỏ.

2. *Em hãy đọc các thông tin sau và cho biết Luật Giáo dục và Luật Bảo vệ môi trường được cụ thể hoá từ những Điều nào trong Hiến pháp năm 2013.*

– GV nêu yêu cầu của bài tập và yêu cầu HS làm việc cá nhân. GV chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của HS trả lời câu hỏi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Luật Giáo dục năm 2019 được cụ thể hoá từ Điều 39, 61 của Hiến pháp năm 2013.

b. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được cụ thể hoá từ Điều 43, 63 của Hiến pháp năm 2013.

3. Em hãy cho biết các nội dung sau thể hiện đặc điểm nào của Hiến pháp năm 2013.

– GV nêu yêu cầu của bài tập và yêu cầu HS làm việc cá nhân để đưa ra câu trả lời. GV chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của HS trả lời câu hỏi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

+ Nội dung a, b, d thể hiện đặc điểm Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước.

+ Nội dung c thể hiện đặc điểm Hiến pháp là cơ sở để ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Em hãy liệt kê các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 2013 đã được thực hiện bởi những người xung quanh em.

– GV nêu yêu cầu bài tập và yêu cầu HS làm việc cá nhân. GV chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của HS trả lời câu hỏi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và nhắc nhở các em cần có những việc làm phù hợp để góp phần thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp trong thực tiễn cuộc sống.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS tự giác vận dụng các kiến thức đã được học trong bài vào đời sống thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy viết một bài luận về vai trò của Hiến pháp đối với cuộc sống con người và chia sẻ sản phẩm với các bạn.

2. Em hãy thiết kế một sản phẩm truyền thông (khẩu hiệu, tranh vẽ,...) giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thuyết trình ý nghĩa sản phẩm đó trước lớp.

– GV yêu cầu HS thực hiện các bài tập ở nhà. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của một vài bạn trình bày sản phẩm của mình trước cả lớp. Hoặc GV thu các sản phẩm của HS và chọn ra một số sản phẩm ấn tượng và giới thiệu với cả lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận chung.

Bài 15. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ (2 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị nước Việt Nam.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị; Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị.

3. Về phẩm chất

– Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.

– Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Một số clip, hình ảnh, thông tin, tình huống, khẩu hiệu,... có nội dung liên quan tới bài học;
- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm và sự hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để dẫn dắt vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS chia sẻ sự hiểu biết của bản thân về chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

– HS thực hiện yêu cầu.

– GV mời một vài HS chia sẻ.

– GV nhận xét và dẫn dắt: Chế độ chính trị là một lĩnh vực quan trọng, quyết định sự tồn vong, phát triển của một quốc gia. Do vậy, những nội dung về chế độ chính trị thường được quy định trong rất nhiều văn bản pháp luật của mỗi quốc gia, trong đó có Hiến pháp – luật cơ bản của Nhà nước. Chế độ chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại chương đầu tiên của Hiến pháp năm 2013 gồm các nội dung về chính thể, chủ quyền, lãnh thổ, bản chất và sự phân chia quyền lực chính trị của Nhà nước, tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị,... Bài học này sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về chế độ chính trị của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để từ đó có thái độ, hành vi đúng đắn, phù hợp lứa tuổi khi thực hiện nghĩa vụ công dân trong việc xây dựng và phát triển nền chính trị nước nhà.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ HÌNH THỨC CHÍNH THỂ VÀ CHỦ QUYỀN, LÃNH THỔ CỦA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

a) Mục tiêu: HS nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về hình thức chính thể và chủ quyền, lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Hiến pháp năm 2013 quy định chính thể của nước Việt Nam là gì?

2/ Chủ quyền và lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp năm 2013 quy định như thế nào? Hãy nêu ví dụ thực hiện tốt quy định của Hiến pháp về chủ quyền, lãnh thổ.

- GV chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong trả lời câu hỏi của các HS.
- Các HS khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét và kết luận:

1/ Hiến pháp năm 2013 quy định chính thể của nước Việt Nam là nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa.

2/ Hiến pháp năm 2013 quy định: Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị.

Ví dụ thực hiện tốt quy định của Hiến pháp về chủ quyền, lãnh thổ: Trình báo cơ quan công an khi phát hiện các hành vi xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ quốc gia; từ chối xem, chia sẻ các thông tin tiêu cực, xâm phạm về chủ quyền, lãnh thổ quốc gia.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ BẢN CHẤT NHÀ NƯỚC VÀ TỔ CHỨC QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

a) Mục tiêu: HS nêu được bản chất nhà nước và tổ chức quyền lực chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc thông tin trong SGK (nếu có điều kiện có thể dùng máy chiếu chiếu thông tin để cả lớp tiện quan sát) và trả lời câu hỏi:

1/ Bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp năm 2013 xác định là gì? Em hiểu bản chất đó như thế nào?

2/ Tổ chức quyền lực chính trị Việt Nam được Hiến pháp năm 2013 quy định thế nào? Em hãy nêu ví dụ việc thực hiện quyền lực nhà nước thể hiện đúng bản chất Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi.
- Các HS khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét và kết luận:

1/ Bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp xác định là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Điều đó có nghĩa là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân và phục vụ cho lợi ích của nhân dân. Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

2/ Hiến pháp năm 2013 quy định nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Các tổ chức chính trị – xã hội tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội thông qua các hoạt động cụ thể của tổ chức.

Ví dụ việc thực hiện quyền lực nhà nước thể hiện đúng bản chất nhà nước Việt Nam: Nhân dân giám sát hoạt động của các cơ quan, cán bộ nhà nước. Khi phát hiện sai phạm, nhân dân có thể khiếu nại, tố cáo để các cơ quan nhà nước điều chỉnh những hoạt động chưa phù hợp, xử lý các cá nhân vi phạm.

Hoạt động 3. TÌM HIỂU NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA, QUỐC KHÁNH VÀ THỦ ĐÔ CỦA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

a) **Mục tiêu:** HS nêu được nội dung quy định về đường lối đối ngoại, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013.

b) **Tổ chức thực hiện:**

** Quy định về đường lối đối ngoại*

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết, hiện nay nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại như thế nào? Trong quá trình thực hiện đường lối đối ngoại đó, Việt Nam đã đạt được những thành tựu gì?

2/ Theo em, đường lối đối ngoại của Việt Nam hiện nay có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của đời sống xã hội và sự phát triển đất nước?

– GV chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của HS trả lời các câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Đường lối đối ngoại của Việt Nam hiện nay: nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Đến năm 2021, Việt Nam đã thiết lập được quan hệ ngoại giao với 189/193 nước thuộc tất cả các châu lục và có mối quan hệ tốt đẹp với tất cả các nước lớn, các Ủy viên Thường trực

Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; có quan hệ đối tác chiến lược với 17 quốc gia (trong đó có 3 đối tác chiến lược toàn diện), 13 đối tác toàn diện.

2/ Đường lối đối ngoại của Việt Nam góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; góp phần mở rộng thị trường, thu hút được nhiều nguồn vốn, công nghệ, tri thức từ bên ngoài để phục vụ cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đường lối đối ngoại của nước ta tạo điều kiện để phát triển đất nước và nâng cao chất lượng, phát triển đời sống xã hội một cách toàn diện.

*** Quy định về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Theo em, vì sao Hiến pháp có nội dung quy định về Quốc kì, Quốc ca, Quốc huy, Quốc khánh, Thủ đô của đất nước?

– GV chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của HS trả lời các câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận: Hiến pháp năm 2013 có nội dung quy định về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô vì đây là một trong những nội dung cơ bản, quan trọng gắn liền với chế độ chính trị của đất nước. Đồng thời, đây cũng là những nội dung thể hiện biểu tượng, đặc trưng của mỗi quốc gia trên thế giới.

Kết thúc hoạt động Khám phá, GV tổng kết lại nội dung bài học thông qua phần chốt kiến thức trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố tri thức vừa khám phá về các nội dung quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị; Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh thái độ, hành vi thực hiện nghĩa vụ của công dân trong việc góp phần xây dựng chế độ chính trị Việt Nam vững mạnh.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập, lần lượt đọc các ý kiến trong SGK, sau đó chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của HS trả lời câu hỏi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Sai, vì Hiến pháp quy định tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Tuy nhiên, mọi hoạt động của nhân dân đều phải tuân thủ quy định của Hiến pháp và pháp luật, không được làm những việc trái quy định của Hiến pháp và pháp luật.

b. Đúng, vì chia sẻ những thông tin có nội dung sai lệch về chủ quyền lãnh thổ, quốc gia là hành vi sai trái, vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ đất

nước. Không chia sẻ các thông tin có nội dung sai lệch về chủ quyền, lãnh thổ là một cách để thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với đất nước.

c. Đúng, vì mỗi người dân đều có hoàn cảnh riêng, trong đó có những đối tượng đặc biệt khó khăn, sinh sống ở địa bàn xa xôi, hiểm trở như: vùng núi, vùng biên giới, hải đảo. Do đó, Nhà nước cần quan tâm, tạo điều kiện để tất cả mọi người, đặc biệt là những người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số có thể thuận lợi phát huy quyền làm chủ của bản thân đối với đất nước.

d. Sai, vì bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ quốc gia là trách nhiệm chung của Nhà nước và toàn xã hội.

2. Em có nhận xét gì về hành vi của mỗi nhân vật trong các trường hợp sau đây?

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

– GV mời HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

a. Hành vi của ông A là đúng, thực hiện tốt trách nhiệm của một cán bộ nhà nước đối với nhân dân. Đồng thời, hành vi này cũng góp phần phát huy sự tham gia của nhân dân vào việc quản lý nhà nước và xã hội.

b. Hành vi của anh H rất đáng bị phê phán bởi anh H đã chối bỏ quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của bản thân, không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với việc phát triển địa phương nói riêng và phát triển đất nước nói chung.

c. Hành vi của cán bộ xã B là sai trái, đáng bị phê phán bởi hành vi này đã thể hiện sự vô trách nhiệm của các cán bộ xã đối với hoạt động của cơ quan và đối với nhân dân.

3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lý tình huống. GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống ngay trong kịch bản.

– Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc các nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận:

a. Ý tưởng của P là đúng và thiết thực. P nên giải thích cho các bạn hiểu bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước là trách nhiệm chung của tất cả mọi người. Những đóng góp của các thế hệ cha ông đi trước đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo dân tộc là niềm tự hào chung của cả dân tộc, những tư liệu về việc bảo vệ biển, đảo là tài liệu quý của quốc gia, mọi người đều có quyền được tham khảo, tìm hiểu. Do vậy, không nên giữ riêng các tư liệu mà nên gửi lên thư viện trường để làm tài liệu chung.

b. Em nên giải thích cho T hiểu các HS miền núi gặp phải rất nhiều vấn đề khó khăn trong cuộc sống hằng ngày (ăn, ở, mặc, đi lại,...), cơ hội, điều kiện học tập cũng khó khăn hơn các bạn miền xuôi nên cần được Nhà nước quan tâm, tạo điều kiện để có thể thực hiện quyền bình đẳng học tập.

4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS tự giác vận dụng những điều đã học về quy định của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) **Tổ chức thực hiện:**

1. Em hãy vẽ một bức tranh hoặc thiết kế một khẩu hiệu tuyên truyền người thân thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị.

2. Em hãy viết một bài luận về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chia sẻ sản phẩm với các bạn trong lớp.

– GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu của các bài tập ở nhà. Trước tiết học kế tiếp sẽ chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong một vài bạn trình bày sản phẩm của mình với cả lớp. Hoặc GV thu lại các sản phẩm của HS và chọn ra một số sản phẩm ấn tượng giới thiệu với cả lớp.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận chung.

Bài 16. QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN TRONG HIẾN PHÁP (3 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp năm 2013.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện

Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân; Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.
- Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Một số hình ảnh, clip, câu chuyện, thông tin, tình huống,... có liên quan đến nội dung bài học;
- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm và sự hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013 để dẫn dắt vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS tham gia trò chơi “Tiếp sức”: Kể về quyền và nghĩa vụ của HS.
- Các HS lần lượt kể các quyền và nghĩa vụ của HS.
- GV nêu câu hỏi: Theo em, quyền và nghĩa vụ của HS có thuộc nội dung quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân không? Vì sao?

– GV chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung, góp ý.

– GV nhận xét và dẫn dắt: HS là những công dân nhỏ tuổi, là chủ nhân tương lai của đất nước, do đó HS được Nhà nước bảo đảm các quyền con người, quyền công dân và phải thực hiện nghĩa vụ của công dân đối với đất nước. Nội dung về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định tại Chương II của Hiến pháp năm 2013 với 36 điều (từ Điều 14 đến Điều 49) nhằm khẳng định vai trò quan trọng của quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp. Điều đó thể hiện nhất quán đường lối của Đảng và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong việc công nhận, tôn trọng, đảm bảo, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Bài học này sẽ giúp các em biết được các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân để từ đó có thái độ, hành vi tích cực trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của bản thân.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

a) Mục tiêu: HS nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin, trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, con người có những quyền gì? Nêu biểu hiện cụ thể của các quyền đó trong trường hợp 2 và 3.

2/ Quyền con người được quy định trong Hiến pháp có ý nghĩa như thế nào?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Con người có các quyền: quyền bình đẳng; quyền sống; quyền bất khả xâm phạm về thân thể và được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm; quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật; quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân; quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác; quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi

ích từ các hoạt động đó; quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hoá, sử dụng các cơ sở văn hoá; quyền được sống trong môi trường trong lành;...

+ Trong trường hợp 2, cô T đã phát hiện em bé bị bỏ rơi, đưa em đến bệnh viện kiểm tra sức khoẻ, nhận em làm con nuôi và chăm sóc, nuôi dưỡng em. Việc làm của cô T đã đảm bảo quyền sống, quyền được chăm sóc sức khoẻ cho em bé.

+ Trong trường hợp 3, gia đình H đã tới cơ quan công an trình báo và yêu cầu cơ quan công an can thiệp xử lý N vì N đã dùng vũ lực bắt và giam giữ H trái luật. Hành vi của N đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của H.

2/ Ý nghĩa của quyền con người được quy định trong Hiến pháp: Quy định của Hiến pháp về quyền con người là cơ sở pháp lý để bảo vệ con người, chống lại các hành vi làm tổn hại đến thân thể, danh dự, nhân phẩm, quyền lợi, sự tự do,... của con người. Đồng thời, các quy định này cũng thể hiện tính nhân văn, dân chủ của Đảng và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

a) **Mục tiêu:** HS nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

b) Tổ chức thực hiện:

*** Các quyền về chính trị, dân sự**

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin, trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, trường hợp 2 và 3 đề cập đến những quyền chính trị, dân sự gì của công dân?

2/ Việc quy định các quyền về chính trị, dân sự của công dân trong Hiến pháp năm 2013 có ý nghĩa như thế nào?

– GV chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Trong trường hợp 2, anh V thực hiện quyền bầu cử của công dân. Anh tham gia bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã năm đủ 18 tuổi. Anh V cũng mong muốn sau này được thực hiện quyền ứng cử để có thể tham gia vào Hội đồng nhân dân xã.

Trong trường hợp 3, M thực hiện quyền tự do đi lại của công dân bằng việc đi du lịch dài ngày qua nhiều khu di tích, danh lam, thắng cảnh trên đất nước. M thực hiện quyền tự do báo chí khi viết bài chia sẻ về những trải nghiệm của bản thân để đăng báo.

2/ Các quyền về chính trị, dân sự của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013 thể hiện tính dân chủ của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tạo cơ sở pháp lý và đảm bảo sự tham gia quản lý nhà nước và xã hội, đảm bảo sự tự do trong lĩnh vực chính trị, dân sự của công dân.

*** Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội**

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin, trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, trường hợp 2 và 3 đề cập đến các quyền kinh tế, văn hoá, xã hội gì của công dân? Các quyền đó được biểu hiện như thế nào trong mỗi trường hợp?

2/ Những quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013 có ý nghĩa như thế nào?

– GV chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Trong thông tin 2, Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo vùng dân tộc thiểu số nhằm đảm bảo quyền học tập cho con em đồng bào dân tộc thiểu số và đảm bảo sự công bằng xã hội trong giáo dục.

Trong thông tin 3, Đảng và Nhà nước thực hiện quyền được đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bằng việc tích cực đẩy mạnh các chính sách an sinh xã hội cho người dân, giúp họ khắc phục khó khăn do dịch bệnh gây ra.

2/ Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013 thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm của Đảng và Nhà nước ta đối với lợi ích, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Là căn cứ pháp lý để người dân thực hiện các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội nhằm phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân và gia đình về mọi mặt.

*** Nghĩa vụ cơ bản của công dân**

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin, trường hợp trong SGK và trả lời các câu hỏi:

1/ Theo em, trường hợp 2 và 3 đề cập đến những nghĩa vụ gì của công dân? Các nghĩa vụ đó được biểu hiện như thế nào trong mỗi trường hợp?

2/ Theo em, tại sao công dân phải thực hiện tốt các nghĩa vụ của mình?

– GV chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Trong trường hợp 2, anh Q thực hiện nghĩa vụ quân sự bằng việc nhập ngũ sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông. Vào quân đội, anh quyết tâm cố gắng học tập, rèn luyện, chấp hành nhiệm vụ, thực hiện tốt nghĩa vụ trung thành và bảo vệ Tổ quốc.

Trong trường hợp 3, anh N thực hiện nghĩa vụ nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Hiến pháp và pháp luật. Anh cũng thực hiện nghĩa vụ tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội bằng việc dành nhiều thời gian để tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật cho HS trên địa bàn, nhắc nhở các em thực hiện tốt nghĩa vụ của mình, góp phần giữ gìn an ninh, trật tự tại địa phương.

2/ Công dân là chủ nhân của đất nước. Do đó, bên cạnh việc được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp thì công dân cần phải thực hiện tốt các nghĩa vụ của bản thân để thực hiện trách nhiệm làm chủ của mình đối với đất nước và xã hội.

Kết thúc hoạt động Khám phá, GV tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt kiến thức trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố tri thức vừa khám phá về các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013; Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trong việc thực hiện tốt quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập, lần lượt đọc các ý kiến trong SGK, sau đó chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của HS trả lời câu hỏi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Sai, vì nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của tất cả mọi công dân và được thực hiện trong khi đất nước xảy ra chiến tranh và cả khi hoà bình.

b. Sai, vì tất cả mọi người đang sinh sống trên lãnh thổ của Việt Nam đều được hưởng các quyền con người được quy định trong Hiến pháp năm 2013 nhưng chỉ công dân Việt Nam mới được hưởng các quyền công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013.

c. Đúng, vì HS là những chủ thể độc lập nên sẽ được hưởng những quyền con người được quy định trong Hiến pháp năm 2013. HS là công dân Việt Nam thì sẽ được hưởng các quyền công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013, tuy nhiên một số quyền HS sẽ được thực hiện khi đủ tuổi theo quy định của pháp luật.

d. Sai, vì công dân Việt Nam, trong đó có HS sẽ phải thực hiện các nghĩa vụ của bản thân bằng những hành vi, việc làm phù hợp với năng lực và độ tuổi.

2. Em có nhận xét gì về hành vi của mỗi nhân vật trong các tình huống sau đây?

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc các hành vi, chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của HS nhận xét từng hành vi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Hành vi của H là sai, đáng phê phán. Hành vi đó đã xâm phạm quyền được giữ bí mật thư tín, điện thoại của chị gái H.

b. Hành vi của A là đúng, vì đã góp phần thực hiện quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của M.

c. Hành vi của D là đúng, rất đáng học tập. D đã khuyến khích M thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ môi trường của công dân.

d. Hành vi của H là đúng, vì bạn đã phát huy quyền được tự do lựa chọn nghề nghiệp của bản thân.

3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lý tình huống. GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống ngay trong kịch bản.

– Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc các nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận:

a. Trẻ em cũng là công dân của đất nước nên trẻ em có quyền tham gia bày tỏ ý kiến về những vấn đề liên quan đến bản thân mình và có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội bằng những việc làm phù hợp với độ tuổi. Trong tình huống này, B hoàn toàn có quyền tham gia cuộc họp và đóng góp ý kiến. Vì vậy, em nên khuyên B mạnh dạn xin phép mọi người được đóng góp ý kiến, vì Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có quyền tự do ngôn luận, có quyền được tham gia đóng góp ý kiến vào những vấn đề quan trọng của địa phương, đặc biệt là những vấn đề liên quan trực tiếp đến bản thân mình, những ý kiến đóng góp của B sẽ được mọi người ghi nhận, xem xét và thực hiện nếu phù hợp.

b. Học tập là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân, không ai có quyền tự ý xâm phạm. N mong muốn được tiếp tục đi học là một nguyện vọng chính đáng. Em nên giải thích cho N hiểu công dân có quyền và nghĩa vụ học tập. Khuyên N nên thuyết phục bố mẹ cho mình tiếp tục đi học để sau này có công việc ổn định, có cuộc sống tốt đẹp hơn. Hoặc khuyên N tìm kiếm sự giúp đỡ, can thiệp của người thân, GV,... để thuyết phục bố mẹ tiếp tục cho mình đi học. Đồng thời, gia đình N có thể tìm kiếm sự giúp đỡ, hỗ trợ từ chính quyền để cải thiện cuộc sống, phát triển kinh tế.

4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS tự giác vận dụng những điều đã học về quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy liệt kê những hành vi HS nên làm và không nên làm để góp phần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013.

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện yêu cầu bài tập vào giấy sau đó gọi một vài HS trình bày kết quả.

– Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận chung.

2. Em hãy cùng các bạn tìm hiểu việc thực hiện các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân tại địa phương em. Viết báo cáo kết quả và chia sẻ lại với cả lớp.

– GV yêu cầu HS lập nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập này ở nhà. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của một vài nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình với cả lớp. Hoặc GV thu lại các sản phẩm của HS và chọn ra một số sản phẩm ấn tượng giới thiệu với cả lớp.

- Các HS khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét và kết luận chung.

Bài 17. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP VỀ KINH TẾ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG (3 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của

Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.
- Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Một số hình ảnh, thông tin, clip, khẩu hiệu, câu chuyện, tình huống,... có nội dung liên quan bài học;
- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm, hiểu biết của HS về nội dung kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường để dẫn dắt vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV nêu yêu cầu: Em hãy chia sẻ một khẩu hiệu về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường mà em biết. Theo em, khẩu hiệu đó được sử dụng để làm gì?

– Các HS thực hiện yêu cầu.

– GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học: Một số khẩu hiệu tuyên truyền về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường được sử dụng một cách phổ biến đã phần nào cho thấy tầm quan trọng của các lĩnh vực này đối với sự phát triển của đất nước. Bài học sau đây sẽ giúp các em biết được một số quy định cụ thể của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường để nâng cao hiểu biết

và thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU NỘI DUNG QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ KINH TẾ

a) **Mục tiêu:** HS nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc đoạn hội thoại, trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy nêu ý kiến nhận xét về câu trả lời của nhân vật anh trai trong đoạn hội thoại 1.

2/ Em hãy phân biệt quyền sở hữu đất đai và quyền sử dụng đất.

– GV chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Các câu trả lời của nhân vật anh trai trong đoạn hội thoại đã phản ánh đúng về một số khía cạnh của thực trạng nền kinh tế Việt Nam hiện nay như: Kinh tế Việt Nam hiện nay là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Người dân có thể tự do kinh doanh những mặt hàng mà pháp luật không cấm. Kinh tế Việt Nam gồm: thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

2/ Quyền sở hữu đất là quyền chiếm giữ, sử dụng, định đoạt đất đai thông qua hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp. Hiến pháp năm 2013 quy định đất đai là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lí.

Quyền sử dụng đất là quyền của các chủ thể được khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất được Nhà nước giao, cho thuê hoặc được chuyển giao từ những chủ thể có quyền thông qua việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho,... Hiến pháp năm 2013 quy định: Tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất. Người sử dụng đất được chuyển quyền sử dụng đất, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Quyền sử dụng đất được pháp luật bảo hộ.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI

a) **Mục tiêu:** HS nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về văn hoá, xã hội.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, quy định của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, xã hội được biểu hiện cụ thể như thế nào trong đời sống xã hội?

2/ Theo em, nội dung về văn hoá, xã hội của Hiến pháp năm 2013 có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của nhân dân và sự phát triển của đất nước?

– GV chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Một số quy định của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, xã hội được biểu hiện cụ thể trong đời sống xã hội như: các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khám, chữa bệnh cho đồng bào dân tộc thiểu số; các cơ quan, tổ chức, cá nhân dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật; các địa phương thực hiện bảo tồn, giữ gìn các di sản văn hoá như: quần thể di tích cố đô Huế, không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên, dân ca quan họ Bắc Ninh,...

2/ Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, xã hội góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân; tạo cơ hội tiếp cận, thụ hưởng công bằng về phúc lợi xã hội, y tế, văn hoá cho nhân dân; tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khoẻ, văn hoá, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; tạo điều kiện phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước,...

Hoạt động 3. TÌM HIỂU NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ GIÁO DỤC

a) Mục tiêu: HS nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về giáo dục.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, quy định của Hiến pháp năm 2013 về giáo dục được biểu hiện cụ thể như thế nào trong đời sống xã hội?

2/ Theo em, vì sao Hiến pháp năm 2013 lại xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu của quốc gia?

– GV chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Một số quy định của Hiến pháp năm 2013 về giáo dục được biểu hiện cụ thể trong đời sống xã hội như: các tổ chức, cá nhân hỗ trợ, đầu tư xây dựng, sửa chữa trường học tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo; cá nhân, tổ chức, cơ quan hỗ trợ học phí, đồ dùng học tập, tặng học bổng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; Nhà nước miễn, giảm học phí cho HS có hoàn cảnh khó khăn,...

2/ Nhà nước xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu vì giáo dục đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia, góp phần nâng cao trình độ dân trí, đào tạo, bồi

duỡng nhân tài cho đất nước. Sự phát triển của giáo dục sẽ tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện của đất nước trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, văn hoá, xã hội,...

Hoạt động 4. TÌM HIỂU NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

a) **Mục tiêu:** HS nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về khoa học, công nghệ.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV yêu cầu HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Quốc gia Khởi nghiệp, Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có ý nghĩa như thế nào trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?

2/ O và D đã có ý tưởng gì trong việc sáng tạo để phát triển khoa học, công nghệ?

3/ Theo em, nội dung của Hiến pháp về khoa học, công nghệ có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống xã hội và sự phát triển đất nước?

– GV chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong trả lời câu hỏi của HS. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Ý nghĩa của Quốc gia Khởi nghiệp, Ngày hội Khởi nghiệp: Thúc đẩy các sáng kiến công nghệ phục vụ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần phát triển nền kinh tế đất nước; Góp phần thu hút nguồn lực chuyên gia, trí thức, doanh nhân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, phát triển; Thúc đẩy hình thành tư duy đổi mới, sáng tạo mở, giải quyết những vấn đề, thách thức đặt ra trong xã hội, bối cảnh dịch bệnh và nhu cầu từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn; Góp phần thu hút nguồn vốn từ các quỹ đầu tư và tập đoàn nước ngoài đến tham quan và tìm hiểu các dự án, ý tưởng khởi nghiệp để đầu tư hoặc mua ý tưởng kinh doanh đó; Tạo điều kiện, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước,...

2/ O và D có ý tưởng kĩ thuật về sản xuất công nghệ mới. Ý tưởng của O là sản xuất một động cơ chạy bằng không khí nén, ý tưởng của D là công nghệ điện cát (sản xuất điện từ cát).

3/ Ý nghĩa nội dung của Hiến pháp về khoa học, công nghệ: Khẳng định vai trò then chốt của khoa học, công nghệ trong sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội đối với đất nước; Tạo tiền đề, căn cứ pháp lí để phát triển khoa học, công nghệ trong nước; Tạo điều kiện người dân được tham gia và thụ hưởng công bằng lợi ích từ hoạt động khoa học, công nghệ, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân; Tạo nền tảng, điều kiện để xây dựng, phát triển đất nước toàn diện (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội),...

Hoạt động 5. TÌM HIỂU NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ MÔI TRƯỜNG

a) **Mục tiêu:** HS nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về môi trường.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, tại sao Hiến pháp có nội dung về môi trường?

2/ Hãy nêu ví dụ về việc thực hiện tốt quy định của Hiến pháp năm 2013 về môi trường.

3/ Theo em, nội dung của Hiến pháp về môi trường có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của đất nước và đời sống xã hội?

– GV chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Hiến pháp năm 2013 có nội dung về môi trường vì môi trường là yếu tố đóng vai trò quyết định đối với sự sinh tồn của con người. Bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của con người, bảo vệ điều kiện tồn tại của nhân loại, đồng thời bảo vệ môi trường cũng tạo điều kiện để phát triển đất nước một cách bền vững.

2/ Ví dụ về việc thực hiện tốt quy định của Hiến pháp năm 2013 về môi trường: Tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường biển; trồng nhiều cây xanh phủ xanh đất trống, đồi trọc; các nhà máy đầu tư hệ thống xử lý nước thải tiên tiến; tham gia bảo vệ, bảo tồn các loài động vật hoang dã,...

3/ Nội dung của Hiến pháp quy định về môi trường đã thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đối với việc bảo vệ môi trường; Tạo cơ sở, nền tảng pháp lý cho việc bảo vệ môi trường sống của con người; Gìn giữ, bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên; Góp phần gìn giữ môi trường trong sạch, lành mạnh, bảo vệ sức khỏe của người dân; Nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhân dân và các cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ môi trường bền vững; Tạo điều kiện để phát triển đất nước một cách bền vững,...

Kết thúc phần Khám phá, GV nhắc lại các nội dung đã tìm hiểu trong bài thông qua phần chốt kiến thức trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học; Rèn luyện kĩ năng xử lý tình huống có liên quan đến nội dung bài học; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân để thực hiện nghĩa vụ của công dân về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc các ý kiến trong SGK, sau đó chỉ định HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Sai, vì công dân Việt Nam chỉ được phép kinh doanh những mặt hàng mà pháp luật không cấm khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

b. Sai, vì tài nguyên thiên nhiên là sở hữu của toàn dân nhưng do Nhà nước quản lí. Khi sử dụng các tài nguyên thiên nhiên, người dân phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Việc sử dụng phải kết hợp với bảo tồn và phát triển để tránh tình trạng suy kiệt tài nguyên.

c. Đúng, vì Hiến pháp năm 2013 quy định: Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ (khoản 3 Điều 62).

d. Sai, vì Hiến pháp năm 2013 quy định, tất cả mọi người đều có nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Vì vậy, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

2. Em có nhận xét gì về hành vi của các nhân vật, tổ chức trong những trường hợp sau?

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, thực hiện yêu cầu bài tập.

– GV mời HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Hành vi của ông S và con trai là sai, vi phạm pháp luật. Hành vi này tiêu diệt nhiều loài động vật sống dưới nước, gây cạn kiệt nguồn tài nguyên thủy hải sản, đồng thời có thể gây nguy hiểm cho con người nên bị pháp luật nghiêm cấm.

b. Hành vi của bà H là vi phạm pháp luật và đáng bị phê phán. Người dân khi sử dụng những hàng hoá kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ có thể dẫn đến những ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng.

c. Hành vi của ông M là đúng, đáng khen ngợi. Việc làm của ông đã góp phần bảo vệ môi trường và sức khỏe mọi người.

d. Việc làm của trường T là một việc làm tốt, tạo điều kiện cho HS được tiếp cận các thành tựu khoa học công nghệ, góp phần khơi dậy niềm đam mê sáng tạo.

3. Em hãy xử lí các tình huống sau:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lí tình huống hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lí tình huống ngay trong kịch bản.

– Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc các nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận:

a. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của mọi người. Hành vi của người dân ở thôn của Q là không tốt, vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và khiến dòng sông bị ô nhiễm, rác thải (nhất là rác thải từ nhựa) khiến các loài động vật sống dưới nước gặp nguy hiểm. Q nên giải thích cho mọi người hiểu quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ môi trường và khuyên mọi người không nên vứt rác xuống sông hoặc Q có thể phối hợp với Đoàn Thanh niên tổ chức hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường, đồng thời hướng dẫn người dân vứt rác đúng nơi quy định,...

b. Việc H thích nghiên cứu, chế tạo, lắp ráp các thiết bị công nghệ là rất tốt và có ích. H nên thuyết phục bố mẹ bằng cách giải thích cho bố mẹ hiểu về sở thích của bản thân, về vai

trò của khoa học, công nghệ trong đời sống, hứa với bố mẹ sẽ phân bổ hợp lý thời gian học tập và thời gian dành cho nghiên cứu, tránh làm ảnh hưởng đến việc học hành hoặc H chia sẻ lại vấn đề với GV hoặc người thân để nhờ giúp đỡ, giải thích cho bố mẹ hiểu và thuyết phục bố mẹ đồng ý với sở thích của bản thân.

4. Em hãy nêu những việc HS nên làm và không nên làm để thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với việc phát triển giáo dục, khoa học và công nghệ.

- GV chia nhóm HS, nêu yêu cầu bài tập.
- HS thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu bài tập.
- GV gọi đại diện một vài nhóm nêu đáp án. Các nhóm khác bổ sung, góp ý.
- GV nhận xét và kết luận:

+ Các việc HS nên làm:

- Chăm chỉ học tập.
- Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ.
- Tìm hiểu, vận dụng các thành tựu khoa học, công nghệ phục vụ cho việc học tập.
- Tuyên truyền, phổ biến về các thành tựu khoa học, công nghệ cho những người xung quanh,...

+ Các việc HS không nên làm:

- Lười biếng, trốn học, nghỉ học tự do.
- Sử dụng thành tựu khoa học, công nghệ để thực hiện các hành vi trái pháp luật.
- Ngăn cản, phá hoại không cho bạn bè học tập, thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ,...

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS tự giác vận dụng những điều đã học về quy định của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy thiết kế một khẩu hiệu hoặc vẽ một bức tranh cổ động nhằm tuyên truyền các nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, giáo dục.

2. Em hãy viết một bài thuyết trình về trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ môi trường và chia sẻ lại sản phẩm với cả lớp.

– GV yêu cầu HS thực hiện các bài tập này ở nhà. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong một vài bạn trình bày sản phẩm của mình với cả lớp. Hoặc GV thu sản phẩm của các HS, sau đó lựa chọn một số sản phẩm ấn tượng và mời tác giả của sản phẩm đó giới thiệu với cả lớp.

- Các HS khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét và kết luận chung.

Bài 18. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP VỀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước; Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm Hiến pháp về bộ máy nhà nước.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản của Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước.

3. Về phẩm chất

– Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.

– Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Một số hình ảnh, thông tin, tình huống, khẩu hiệu,... có nội dung liên quan tới bài học;
- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm và sự hiểu biết ban đầu của HS về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để dẫn dắt vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS kể một số cơ quan nhà nước cấp địa phương nơi em sống và chia sẻ hiểu biết của mình về cơ quan đó.
- HS thực hiện yêu cầu.
- GV nhận xét và dẫn dắt: Vừa rồi các em đã nghe một số bạn chia sẻ lại những hiểu biết của bản thân về một số cơ quan nhà nước cấp địa phương ở nơi mình đang sống. Các cơ quan đó là những bộ phận cấu thành bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bài học này sẽ giúp các em tìm hiểu một số quy định của Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước để hiểu rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan này, đồng thời thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần xây dựng bộ máy nhà nước vững mạnh.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

a) Mục tiêu: HS nêu được cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi: Nếu là T, em sẽ trả lời A như thế nào?
- GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.
- GV nhận xét và kết luận:
 - + Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm nhiều cơ quan tạo thành như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

+ Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân thành 4 cấp: Cấp trung ương gồm có Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) có Hội đồng nhân dân tỉnh (thành phố), Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Toà án nhân dân tỉnh (thành phố), Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (thành phố); cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) có Hội đồng nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), Toà án nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), Viện kiểm sát nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); cấp xã (phường, thị trấn) có Hội đồng nhân dân xã (phường, thị trấn), Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn).

Hoạt động 2. TÌM HIỂU CÁC CƠ QUAN TRONG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

a) Mục tiêu: HS nêu được chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013.

b) Tổ chức thực hiện:

** Cơ quan đại biểu của nhân dân*

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, vì sao Quốc hội và Hội đồng nhân dân được gọi là cơ quan đại biểu của nhân dân?

2/ Hiến pháp quy định chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội và Hội đồng nhân dân là gì? Hãy nêu ví dụ thể hiện chức năng của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Quốc hội và Hội đồng nhân dân được gọi là cơ quan đại biểu của nhân dân vì đây là các cơ quan do nhân dân trực tiếp bầu ra, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân để thực hiện quyền lực nhà nước, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước hoặc địa phương và giám sát hoạt động của các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước theo thẩm quyền.

2/ Hiến pháp quy định chức năng của Quốc hội là thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Để thực hiện chức năng lập hiến, lập pháp, Quốc hội có nhiệm vụ làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật. Để thực hiện chức năng giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước, Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập. Để thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của

đất nước, Quốc hội có các nhiệm vụ, quyền hạn như: quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế – xã hội của đất nước; quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình; quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; Quyết định trưng cầu ý dân,...

Ví dụ: Quốc hội ban hành Hiến pháp năm 2013; Quốc hội bầu Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Hiến pháp quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân là: quyết định các vấn đề của địa phương do luật định như: các biện pháp để phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật; quyết định biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền,...; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Ví dụ: Hội đồng nhân dân bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân,...

*** Cơ quan hành chính nhà nước**

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Vì sao Chính phủ và Ủy ban nhân dân được gọi là cơ quan hành chính nhà nước?

2/ Hiến pháp năm 2013 quy định chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và Ủy ban nhân dân là gì? Hãy nêu ví dụ thể hiện chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và Ủy ban nhân dân.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Chính phủ và Ủy ban nhân dân được gọi là cơ quan hành chính nhà nước vì Chính phủ và Ủy ban nhân dân là cơ quan hành pháp, có nhiệm vụ tổ chức thi hành các hoạt động của Nhà nước ở cấp trung ương và cấp địa phương.

2/ Hiến pháp quy định: Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ có các nhiệm vụ, quyền hạn như: tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; thống nhất quản lý về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thi hành lệnh động viên hoặc động viên cục bộ, lệnh ban bố tình trạng khẩn

cấp và các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm tính mạng, tài sản của nhân dân; Bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; Thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia; thực hiện quản lý về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước,... Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Ví dụ: Chính phủ tổ chức thi hành các quy định của Hiến pháp năm 2013.

Hiến pháp quy định: Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

Ví dụ: Ủy ban nhân dân xã tổ chức thi hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

*** Cơ quan tư pháp**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân có chức năng, nhiệm vụ gì? Hãy nêu ví dụ thể hiện chức năng, nhiệm vụ đó.

– GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

+ Toà án nhân dân có chức năng xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Toà án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Ví dụ: Toà án xét xử các vụ án xâm hại sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của con người, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người dân và xử lý người vi phạm theo quy định của pháp luật.

+ Viện kiểm sát nhân dân có chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Ví dụ: Viện kiểm sát nhân dân buộc tội bị cáo tại phiên toà, kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường vụ án của cơ quan điều tra.

*** Chủ tịch nước**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, Chủ tịch nước có vị trí, vai trò như thế nào?

2/ Việc Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội thể hiện điều gì?

– GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

2/ Việc Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội thể hiện Chủ tịch nước là người chấp hành của Quốc hội, thực hiện các quyết định của Quốc hội và chịu sự giám sát của Quốc hội.

*** Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, vì sao Hiến pháp phải có nội dung quy định về Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước?

2/ Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước có chức năng, nhiệm vụ gì? Hãy nêu ví dụ thể hiện các chức năng, nhiệm vụ đó.

– GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt nội dung:

1/ Hoạt động bầu cử và tài chính là những vấn đề đặc biệt quan trọng của đất nước, liên quan trực tiếp đến việc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và sự phát triển của quốc gia. Do đó, Hiến pháp năm 2013 đã có những nội dung quy định về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.

2/ Hội đồng bầu cử quốc gia có chức năng, nhiệm vụ: tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Kiểm toán nhà nước có chức năng, nhiệm vụ: thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

Kết thúc hoạt động Khám phá, GV tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt kiến thức trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức đã học, có thái độ đúng đắn với việc thực hiện các quy định của Hiến pháp và thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc các ý kiến trong SGK, sau đó yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Ý kiến đúng vì bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân thành 4 cấp: Cấp trung ương: Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương): Hội đồng nhân dân tỉnh (thành phố), Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Toà án nhân dân tỉnh (thành phố),

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (thành phố); cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh): Hội đồng nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), Tòa án nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), Viện kiểm sát nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); cấp xã (phường, thị trấn): Hội đồng nhân dân xã (phường, thị trấn), Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn).

b. Đúng, vì Điều 69 Hiến pháp năm 2013 quy định: Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

c. Sai, vì quyền miễn nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thuộc về Hội đồng nhân dân, không thuộc về cá nhân Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

d. Đúng, vì khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

e. Đúng, vì Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất thực hiện quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với các hành vi nào sau đây? Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc các hành vi.

– GV chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của HS nhận xét từng hành vi. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Đồng tình vì việc làm của T giúp bạn hiểu rõ hơn các nội dung trong sơ đồ bộ máy nhà nước và giúp T ghi nhớ nội dung tốt hơn.

b. Không đồng tình vì hành vi của M là ích kỷ, không giúp đỡ, hỗ trợ bạn bè.

c. Không đồng tình vì hành vi của V là lừa dối, không thực hiện tốt trách nhiệm của HS.

3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lý tình huống hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống ngay trong kịch bản.

– Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc các nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận:

a. H giải thích cho em hiểu Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước và được Nhà nước giao nhiệm vụ thay mặt Nhà nước trong quan hệ đối nội, đối ngoại.

b. Suy nghĩ của V là chưa chính xác, vì vậy C nên giải thích cho V hiểu trẻ em cũng có quyền được đóng góp ý kiến về những vấn đề quan trọng của đất nước và của địa phương, đặc biệt là những vấn đề liên quan trực tiếp đến bản thân mình. Các ý kiến trẻ em đóng góp mà phù hợp

thì đều được ghi nhận và xem xét. Chính quyền xã xây dựng trung tâm thể dục – thể thao là để phục vụ cho nhân dân, trong đó có đối tượng thanh thiếu niên. Do đó, nếu tham gia đóng góp ý kiến thì V sẽ được trực tiếp nói lên nguyện vọng của mình và nếu ý kiến, nguyện vọng đó hợp lý thì có thể được áp dụng trong quá trình xây dựng trung tâm. Vì vậy, V nên tham gia cuộc họp.

4. Em hãy nêu những việc HS nên làm và không nên làm để góp phần xây dựng bộ máy nhà nước vững mạnh.

- GV chia nhóm HS, nêu yêu cầu bài tập.
- HS thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu bài tập.
- GV gọi đại diện một nhóm nêu đáp án.
- Các HS khác bổ sung, góp ý.
- GV nhận xét và kết luận:

+ Những việc HS nên làm: chăm chỉ học tập, rèn luyện bản thân để tương lai đóng góp công sức cho đất nước; tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề quan trọng của Nhà nước khi cần; có thái độ phê phán, tố cáo các hành vi tiêu cực chống phá bộ máy nhà nước,...

+ Những việc HS không nên làm: bao che cho người khác thực hiện các hành vi tiêu cực đối với bộ máy nhà nước; lan truyền các thông tin sai lệch về bộ máy nhà nước,...

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS tự giác vận dụng những điều đã học về quy định của Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS tìm hiểu và vẽ sơ đồ hệ thống tổ chức của Ủy ban nhân dân địa phương nơi HS đang sống. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của một vài HS trình bày sản phẩm của mình trước cả lớp. Hoặc GV thu lại các sản phẩm của HS và chọn ra một số sản phẩm ấn tượng để giới thiệu với cả lớp.

- Các HS khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét và kết luận chung.

Chủ đề 9

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bài 19. ĐẶC ĐIỂM, CẤU TRÚC VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM (3 tiết)

MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến hệ thống chính trị Việt Nam.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác đối với hệ thống chính trị Việt Nam; Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật đối với hệ thống chính trị Việt Nam; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm chống phá hệ thống chính trị Việt Nam.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị Việt Nam; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Về phẩm chất

– Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

– Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Một số hình ảnh, thông tin, khẩu hiệu, câu chuyện, tình huống,... có nội dung liên quan đến bài học;
- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm và những hiểu biết ban đầu của HS về đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để dẫn dắt vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS kể một số hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc góp phần xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam.

– HS thực hiện yêu cầu.

– GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là một tổ chức thuộc hệ thống chính trị Việt Nam. Hệ thống chính trị có vai trò chi phối mọi mặt của đời sống chính trị – xã hội của mỗi quốc gia. Bài học sau đây sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về cấu trúc, đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam để từ đó có những việc làm đúng đắn góp phần xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam vững mạnh.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU CẤU TRÚC CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

a) Mục tiêu: HS nêu được cấu trúc của hệ thống chính trị Việt Nam và hiểu được vị trí của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát sơ đồ trong SGK (nếu có điều kiện có thể sử dụng máy chiếu để chiếu sơ đồ cho HS cùng quan sát) để trả lời các câu hỏi: Hệ thống chính trị Việt Nam gồm những cơ quan nào? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về vị trí của các cơ quan đó trong hệ thống chính trị Việt Nam.

– GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức (Nếu có máy chiếu, GV có thể chiếu một số hình ảnh về các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị nước ta cho HS cùng xem):

+ Hệ thống chính trị Việt Nam gồm có các cơ quan, tổ chức như: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

+ Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân để quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội.

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

+ Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị – xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên trong tổ chức.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

a) **Mục tiêu:** HS nêu được các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam.

b) **Tổ chức thực hiện:**

** Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng được quy định trong Hiến pháp Việt Nam như thế nào?

2/ Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị ở xã A thể hiện qua những việc làm cụ thể nào?

3/ Em hiểu nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị như thế nào?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm còn lại nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng được quy định tại khoản 1 Điều 4 Hiến pháp năm 2013: “Đảng Cộng sản Việt Nam – Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa

Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”.

2/ Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị ở xã A thể hiện qua những việc làm cụ thể: Đảng ban hành Nghị quyết đẩy mạnh phát triển kinh tế, thực hiện xóa đói giảm nghèo của Đại hội Đảng bộ xã và quán triệt nội dung Nghị quyết đến từng đảng viên, yêu cầu mỗi đảng viên gương mẫu đi đầu trong việc phát triển kinh tế gia đình, giúp đỡ các hộ nghèo cùng phát triển; Đảng bộ xã chỉ đạo các cấp chính quyền và các đoàn thể trong xã phối hợp với ngành chức năng tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi; Đảng bộ xã không chỉ thể hiện vai trò lãnh đạo trong công tác tổ chức cán bộ mà còn kiểm tra, giám sát sự hoạt động của hệ thống chính trị thông qua việc quản lý đội ngũ lãnh đạo của các tổ chức này.

3/ Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị: Đảng lãnh đạo trực tiếp và tuyệt đối trên các lĩnh vực như: công tác tổ chức cán bộ, công tác đối ngoại, an ninh, quốc phòng. Tất cả các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị phải tuân thủ theo sự lãnh đạo của Đảng trong tổ chức và hoạt động. Sự lãnh đạo của Đảng được biểu hiện qua nhiều phương thức như: Đảng lãnh đạo bằng chủ trương, nghị quyết; lãnh đạo thông qua công tác tư tưởng; lãnh đạo thông qua công tác tổ chức, cán bộ; lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát,...

*** Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân**

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Thông qua bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân được thể hiện như thế nào?

2/ Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua cơ quan, tổ chức nào trong hệ thống chính trị Việt Nam? Khi thực hiện quyền lực nhà nước, các cơ quan, tổ chức đó cần phải làm gì để thực hiện nguyện vọng của nhân dân?

3/ Em hiểu nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị như thế nào?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm còn lại nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Thông qua bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, nhân dân trực tiếp bỏ phiếu lựa chọn những người có đủ đức, đủ tài, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mình bầu vào cơ quan quyền lực nhà nước các cấp.

2/ Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng hình thức dân chủ trực tiếp hoặc dân chủ đại diện thông qua tất cả các cơ quan, tổ chức trong bộ máy nhà nước. Khi thực hiện quyền lực nhà nước, các cơ quan, tổ chức đó phải hoạt động để đại diện, phục vụ, bảo vệ quyền lợi cho nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

3/ Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị: Tất cả quyền lực nhà nước Việt Nam đều thuộc về nhân dân. Nhân dân

bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước như: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Các đại biểu dân cử thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, nói lên tiếng nói và nguyện vọng của nhân dân, chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân. Nếu không còn được sự tin nhiệm của nhân dân thì đại biểu dân cử có thể bị bãi nhiệm. Những vấn đề quan trọng nhất của đất nước trước khi quyết định phải lấy ý kiến của nhân dân hoặc phải do nhân dân trực tiếp quyết định thông qua việc trưng cầu ý kiến của nhân dân.

*** Nguyên tắc tập trung dân chủ**

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Vì sao khi quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, Quốc hội phải họp thảo luận và biểu quyết để lấy ý kiến tập thể?

2/ Quy định luật, nghị quyết của Quốc hội cần phải được quá nửa số đại biểu tán thành mới được thông qua thể hiện nguyên tắc tập trung dân chủ như thế nào?

3/ Em hiểu thế nào là nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm còn lại nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Khi quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, Quốc hội phải họp thảo luận và biểu quyết để lấy ý kiến tập thể vì Quốc hội hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Việc thảo luận lấy ý kiến tập thể đảm bảo hiệu quả cao nhất trong hoạt động của Quốc hội, đảm bảo sự tham gia của tất cả các thành viên và hạn chế được những sai phạm không mong muốn. Tất cả các đại biểu Quốc hội đều là những người đại diện của nhân dân nên sự tham gia thảo luận đóng góp ý kiến của các đại biểu cũng chính là sự tham gia đóng góp ý kiến của nhân dân cả nước.

2/ Việc Hiến pháp quy định luật, nghị quyết của Quốc hội cần phải được quá nửa số đại biểu tán thành mới được thông qua thể hiện nguyên tắc tập trung dân chủ ở chỗ việc thông qua luật, nghị quyết có sự tham gia biểu quyết của tất cả các đại biểu Quốc hội và chỉ được thông qua khi đa số đại biểu tán thành.

3/ Nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị: Hệ thống chính trị Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở kết hợp, thống nhất và hài hoà giữa hai yếu tố: tập trung và dân chủ. Yếu tố tập trung được thể hiện ở chỗ các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị Việt Nam hoạt động chủ yếu thông qua các kì họp, phiên họp, cuộc họp với sự tham gia của nhiều thành viên. Yếu tố dân chủ được thể hiện ở chỗ các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, của cơ quan, tổ chức bằng hình thức thảo luận, biểu quyết lấy ý kiến tập thể. Những vấn đề quan trọng nhất của đất nước thường được quyết định bởi tập thể theo chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên.

*** Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa**

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, quan sát hình ảnh, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết các văn bản luật thể hiện trong hình ảnh trên quy định việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức nào trong hệ thống chính trị Việt Nam? Điều đó thể hiện nguyên tắc đảm bảo tính pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hệ thống chính trị như thế nào?

2/ Em hiểu nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị như thế nào?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm còn lại nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Các văn bản luật trong hình ảnh quy định việc tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chính phủ. Điều này thể hiện Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chính phủ được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật.

2/ Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị: Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị Việt Nam đều có địa vị pháp lý vững chắc và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Vị trí, chức năng, tổ chức, hoạt động của các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật quan trọng của đất nước như: Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,... Trong quá trình hoạt động, các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị đều phải tuân thủ nghiêm minh các quy định của pháp luật, mọi hành vi vi phạm đều bị nghiêm trị.

Hoạt động 3. TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

a) **Mục tiêu:** HS nêu được các đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam.

b) **Tổ chức thực hiện:**

*** Tính nhất nguyên chính trị**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hiểu như thế nào là nhất nguyên chính trị?

2/ Trong hệ thống chính trị Việt Nam, tính nhất nguyên chính trị được thể hiện như thế nào?

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung, góp ý.

– GV nhận xét và chốt nội dung:

1/ Nhất nguyên chính trị là quan điểm khẳng định, thừa nhận một hệ tư tưởng, một đường lối của một đảng phái đại diện cho một giai cấp về thể chế chính trị. Điều này thể hiện sự lãnh đạo thống nhất, tuyệt đối của một đảng đối với Nhà nước và xã hội. Thông qua

Nhà nước, đường lối của Đảng đó được cụ thể hoá, thể hiện tập trung ý chí, quyền lực của giai cấp giữ vai trò lãnh đạo. Gắn liền với nhất nguyên chính trị là một Đảng, một Nhà nước giữ vai trò lãnh đạo, quản lý xã hội.

2/ Trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay chỉ tồn tại một đảng chính trị, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Tất cả hệ thống chính trị đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

*** Tính thống nhất**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hiểu thế nào là tính thống nhất?

2/ Tính thống nhất được thể hiện như thế nào trong hệ thống chính trị Việt Nam?

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung, góp ý.

– GV nhận xét và chốt nội dung:

1/ Tính thống nhất thể hiện sự phù hợp, nhất quán, gắn kết thành một khối, không có sự mâu thuẫn của một tổng thể chung.

2/ Hệ thống chính trị Việt Nam do duy nhất một đảng nắm quyền và lãnh đạo là Đảng Cộng sản Việt Nam. Tất cả các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị đều hoạt động vì mục tiêu chung: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung, thống nhất; các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị được tổ chức và hoạt động chặt chẽ, nhất quán từ trung ương xuống địa phương;...

*** Tính nhân dân**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hiểu thế nào là tính nhân dân?

2/ Tính nhân dân được biểu hiện như thế nào trong hệ thống chính trị Việt Nam?

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung, góp ý.

– GV nhận xét và chốt nội dung:

1/ Tính nhân dân là khái niệm chỉ mối liên hệ sâu xa, lâu bền của một lĩnh vực nào đó (văn hoá, chính trị,...) với lợi ích, tư tưởng, tình cảm, vai trò,... của đông đảo các tầng lớp nhân dân.

2/ Tính nhân dân được biểu hiện trong hệ thống chính trị Việt Nam: Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị được nhân dân lập ra; Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động để phục vụ cho lợi ích của nhân dân, tồn tại vì sự tham gia tích cực của nhân dân.

Kết thúc hoạt động Khám phá, GV tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua các phần chốt kiến thức trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố tri thức vừa khám phá về cấu trúc, đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam; Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống;

Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh thái độ, hành vi thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với hệ thống chính trị Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc từng ý kiến, sau đó lấy tinh thần xung phong hoặc chỉ định một vài HS trình bày đáp án của mình.

– Các HS còn lại nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Sai, vì hệ thống chính trị Việt Nam gồm nhiều cơ quan, tổ chức cấu thành. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

b. Sai, vì hệ thống chính trị Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Những vấn đề quan trọng của đất nước phải được thông qua ý kiến của tập thể (trong đó có những vấn đề phải lấy ý kiến của nhân dân như việc sửa đổi Hiến pháp,...).

c. Đúng, vì thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, nhân dân có thể đánh giá được hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, kịp thời phát hiện những sai phạm và khiếu nại, yêu cầu các tổ chức, cơ quan điều chỉnh, sửa chữa.

d. Đúng, vì hệ thống chính trị hoạt động để phục vụ cho tất cả mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội nên mọi người đều phải có trách nhiệm xây dựng, bảo vệ hệ thống.

2. Em có nhận xét gì về hành vi của mỗi nhân vật trong những tình huống sau?

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc từng tình huống, sau đó lấy tinh thần xung phong hoặc chỉ định một vài HS trình bày đáp án của mình.

– Các HS còn lại nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Việc ông K tự ý quyết định cho phép khai thác đất đá mà không thông qua ý kiến tập thể, không tiếp thu ý kiến đóng góp, khiếu nại của nhân dân là hoàn toàn sai. Ở Việt Nam, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các cán bộ nhà nước là đại diện để nhân dân thực thi quyền lực của mình. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, khi quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, của địa phương, lãnh đạo chính quyền phải lấy ý kiến tập thể, ý kiến của nhân dân.

b. Việc làm của ông D là đúng, đảm bảo nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam. Đồng thời, thông qua những việc làm đó, xã B sẽ đánh giá được hiệu

quả các hoạt động của chính quyền địa phương, kịp thời điều chỉnh, khắc phục những hoạt động chưa tốt, chưa phù hợp với nhân dân và xây dựng những hoạt động có hiệu quả hơn.

c. Việc làm của giáo viên H là đúng, vì đã giúp HS nâng cao ý thức, trách nhiệm của mình trong việc xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị Việt Nam cũng như giúp các em tránh phạm phải những sai lầm đáng tiếc.

d. Hành vi của bà X là sai trái, đáng bị phê phán. Bà X đã không hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của một công dân, lợi dụng chức vụ để vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến lợi ích của nhân dân và đất nước.

3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lý tình huống hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống ngay trong kịch bản.

– Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc các nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận:

a. Việc làm của người bạn N là sai trái, do đó N nên từ chối yêu cầu của bạn và giải thích cho bạn hiểu việc chia sẻ các thông tin thất thiệt, nói xấu chính quyền là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến bản thân và đến đất nước. N khuyên bạn không nên tiếp tục xem và chia sẻ những thông tin như vậy để tránh bị các đối tượng xấu lợi dụng dẫn đến vi phạm pháp luật.

b. Thái độ, suy nghĩ của Đ và một số bạn trong lớp như vậy là sai, không thực hiện trách nhiệm của HS với hệ thống chính trị đất nước. Vì vậy, lớp trưởng nên giải thích cho Đ và các bạn hiểu về vị trí và vai trò của Đảng trong lịch sử và hệ thống chính trị nước ta; khẳng định việc tham gia cuộc thi tìm hiểu về Đảng sẽ mang lại nhiều thông tin bổ ích, đồng thời là cơ hội để mọi người được thử thách và rèn luyện năng lực của bản thân,... Lớp trưởng cần động viên, thuyết phục các bạn tham gia hoạt động.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS tự giác vận dụng những kiến thức đã học về đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy viết một bài luận thể hiện vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng và phát triển hệ thống chính trị nước ta hiện nay.

2. Em hãy tìm hiểu và chia sẻ về hoạt động ngày hội Đoàn kết dân tộc ở địa phương em.

– GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập ở nhà. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong một vài bạn trình bày sản phẩm của mình với cả lớp.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận chung.

Bài 20. ĐẶC ĐIỂM, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (3 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc góp phần xây dựng bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác đối với bộ máy nhà nước Việt Nam; Thực hiện nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với độ tuổi và quy định của pháp luật; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật đối với bộ máy nhà nước Việt Nam; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm chống phá bộ máy nhà nước Việt Nam.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về bộ máy nhà nước Việt Nam; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Về phẩm chất

– Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

– Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Một số hình ảnh, thông tin, khẩu hiệu, câu chuyện, tình huống,... có nội dung liên quan đến bài học;
- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm, sự hiểu biết ban đầu của HS về đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và dẫn dắt vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV nêu yêu cầu: Em hãy kể tên các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chia sẻ hiểu biết của mình về một trong các cơ quan đó.

– HS thực hiện yêu cầu.

– GV nhận xét và dẫn dắt: Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm nhiều cơ quan, thiết chế tạo thành như: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. Các cơ quan này có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng có mối liên hệ gắn bó, phối hợp, kiểm soát lẫn nhau để thực hiện các chức năng của Nhà nước. Bài học này sẽ giúp em biết được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước để từ đó thực hiện được những việc làm phù hợp, góp phần xây dựng bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

a) Mục tiêu: HS nêu được nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

** Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, Đảng lãnh đạo bộ máy nhà nước trên những phương diện nào? Hãy nêu ví dụ minh hoạ.

2/ Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước được thể hiện như thế nào trong thông tin 2?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Đảng lãnh đạo bộ máy nhà nước trên các phương diện: Đảng đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng để các cơ quan trong bộ máy nhà nước có thẩm quyền cụ thể hoá thành các quy định trong Hiến pháp và pháp luật; Đảng kiểm tra, quán triệt việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong tổ chức và hoạt động bộ máy nhà nước thông qua các tổ chức Đảng trong các cơ quan nhà nước; Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác cán bộ, thông qua việc tìm kiếm, bồi dưỡng, đào tạo, giới thiệu cán bộ, Đảng viên có đủ năng lực, phẩm chất vào các cương vị chủ chốt của bộ máy nhà nước để nhân dân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm,...

2/ Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng thể hiện trong thông tin 2: Ban Chấp hành Trung ương đề xuất, giới thiệu nhân sự đảm nhiệm chức danh lãnh đạo Nhà nước thể hiện việc Đảng lãnh đạo trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước trên phương diện công tác cán bộ. Đảng giới thiệu Đảng viên có đủ năng lực, phẩm chất vào các cương vị chủ chốt của bộ máy nhà nước để nhân dân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm.

**** Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan***

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết các luật, nghị quyết, pháp lệnh sau khi được Quốc hội thông qua sẽ do những cơ quan nào tổ chức thi hành, thực hiện.

2/ Em hiểu như thế nào về nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát? Thực hiện nguyên tắc này có ý nghĩa như thế nào?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Các luật, nghị quyết, pháp lệnh sau khi được Quốc hội thông qua sẽ được Chính phủ, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân,... và các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước tổ chức thi hành, thực hiện. Ví dụ, để luật, nghị quyết của Quốc hội đi vào cuộc sống, Chính phủ triển khai thực hiện bằng cách ban hành các nghị định hướng dẫn chi tiết.

2/ Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan: Quyền lực nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định bởi chính chủ thể duy nhất và tối cao là nhân dân. Quyền lực nhà nước được phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và được giao cho các cơ quan tương ứng thực hiện một cách độc lập. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước không tách rời nhau mà có sự phối hợp, kiểm soát, giám sát lẫn nhau để thực hiện quyền lực nhà nước, đảm bảo mục tiêu chung phục vụ nhân dân và phục vụ dân tộc.

Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát đảm bảo hiệu quả và sự đồng bộ, xuyên suốt, đúng đắn trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; hạn chế các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân,...

*** Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân**

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Luật Trưng cầu ý dân của Nhà nước Việt Nam thể hiện nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân như thế nào? Em hãy cho biết nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng phương thức và qua cơ quan, tổ chức nào.

2/ Em hãy nêu biểu hiện của nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Luật Trưng cầu ý dân của Nhà nước Việt Nam thể hiện nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Luật này quy định về các vấn đề quan trọng như: toàn văn Hiến pháp hoặc một số nội dung quan trọng của Hiến pháp; vấn đề đặc biệt quan trọng về chủ quyền, lãnh thổ quốc gia, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của quốc gia; vấn đề đặc biệt quan trọng về kinh tế – xã hội có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của đất nước;... đều phải được lấy ý kiến của nhân dân. Đồng thời, luật này cũng quy định tất cả công dân từ đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bỏ phiếu biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân.

Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và tất cả các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước Việt Nam.

2/ Biểu hiện của nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân: Tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân và bộ máy nhà nước là công cụ để nhân dân thực thi những quyền lực đó. Các cơ quan quyền lực nhà nước như: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp phải do nhân dân bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín trên cơ sở dân chủ. Các đại biểu dân cử thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, nói lên tiếng nói và nguyện vọng của nhân dân, chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân, và khi không còn được sự tin nhiệm của nhân dân thì đại biểu dân cử có thể bị bãi nhiệm. Những vấn đề quan trọng nhất của đất nước trước khi quyết định phải lấy ý kiến của nhân dân hoặc phải do nhân dân trực tiếp quyết định thông qua việc trưng cầu ý kiến của nhân dân. Nhân dân giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, có quyền tố cáo, khiếu nại, góp ý,... nếu phát hiện sai phạm.

*** Nguyên tắc tập trung dân chủ**

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Qua lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, em hiểu thế nào là tập trung dân chủ?

2/ Trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên tắc tập trung dân chủ được biểu hiện như thế nào?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Tập trung dân chủ nghĩa là tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung. Những vấn đề quan trọng nhất thường được bàn bạc, quyết định bởi tập thể. Khi mọi việc đã được tập thể xác định rõ sẽ giao cho cá nhân phụ trách thực thi để đảm bảo hiệu quả.

2/ Trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam một mặt phải đảm bảo sự chỉ đạo, lãnh đạo tập trung, thống nhất của trung ương với địa phương, của cấp trên với cấp dưới nhưng mặt khác phải mở rộng dân chủ, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của địa phương và cấp dưới; phải coi trọng vai trò của tập thể nhưng mặt khác phải đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân của người lãnh đạo. Các cơ quan, tổ chức cấp dưới có trách nhiệm thực hiện những chủ trương, chính sách, quy định của cơ quan, tổ chức cấp trên. Trong quá trình hoạt động, những vấn đề quan trọng của đất nước, của địa phương sẽ được quyết định thông qua hình thức biểu quyết lấy ý kiến của tập thể.

*** Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa**

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, quan sát hình ảnh, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Các văn bản pháp luật trong hình ảnh trên quy định tổ chức và hoạt động của những cơ quan nào trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

2/ Theo em, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được biểu hiện như thế nào?

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Các văn bản pháp luật trong hình ảnh trên quy định tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2/ Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được biểu hiện: Bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật. Pháp luật quy định rõ, cụ thể, minh bạch việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, hình thức hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước và việc tổ chức bộ máy nhà nước phải tuân theo các quy định đó. Cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật, mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

a) **Mục tiêu:** HS nêu được các đặc điểm của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) **Tổ chức thực hiện:**

*** Tính thống nhất**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Việc thực hiện chủ trương xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng

xã hội chủ nghĩa được thể hiện như thế nào trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

2/ Theo em, tính thống nhất của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được biểu hiện như thế nào?

- GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.
- GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Việc thực hiện chủ trương xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Đảng đề ra đường lối, chủ trương phát triển nền kinh tế. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước hiện thực hoá chủ trương, đường lối của Đảng bằng việc phối hợp chặt chẽ trong xây dựng, ban hành, triển khai các chính sách, chương trình, kế hoạch, công việc cụ thể trên nhiều mặt để phát triển toàn diện nền kinh tế.

2/ Tính thống nhất của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được biểu hiện: Tất cả các cơ quan trong bộ máy nhà nước đều chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung, tạo thành một thể thống nhất từ trung ương xuống địa phương. Những cơ quan này đều hoạt động vì mục tiêu chung là xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*** Tính nhân dân**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Việc đẩy mạnh cải cách hành chính thể hiện tính nhân dân của bộ máy hành chính nhà nước ta như thế nào? Nhân dân thực hiện quyền gì để tham gia thành lập bộ máy nhà nước?

2/ Em hãy nêu biểu hiện của tính nhân dân trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.
- GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Việc đẩy mạnh cải cách hành chính tạo điều kiện thuận lợi, giúp nhân dân tiết kiệm được thời gian, công sức, tiền bạc khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Nhân dân thực hiện quyền bầu cử, ứng cử để tham gia thành lập bộ máy nhà nước.

2/ Biểu hiện của tính nhân dân trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Các cơ quan, tổ chức trong bộ máy nhà nước được nhân dân thành lập nên và hoạt động để phục vụ cho lợi ích của nhân dân. Người dân có quyền tham gia quản lý nhà nước, nếu các cơ quan, cá nhân trong bộ máy nhà nước hoạt động không hiệu quả thì nhân dân có quyền khiếu nại, tố cáo. Hoạt động của bộ máy nhà nước hướng tới việc chăm lo cho nhân dân, bảo đảm, bảo vệ lợi ích cho nhân dân. Mọi cán bộ, nhân viên nhà nước đều xuất phát từ nhân dân, tham gia vào bộ máy nhà nước là để phục vụ, phụng sự nhân dân. Họ có trách nhiệm phải giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân, phải gần gũi nhân dân, lắng nghe

và thấu hiểu nhân dân, đồng thời phải chịu sự giám sát của nhân dân, họ có thể bị bãi miễn nếu không còn được nhân dân tín nhiệm.

*** Tính quyền lực**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Việc Chính phủ phải báo cáo và chịu sự giám sát của Quốc hội về các công việc của mình thể hiện điều gì?

2/ Theo em, vì sao các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân công quyền lực để thực hiện các nhiệm vụ riêng nhưng vẫn phải có sự phối hợp, giám sát lẫn nhau?

3/ Tính quyền lực của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được biểu hiện như thế nào?

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Việc Chính phủ phải báo cáo và chịu sự giám sát của Quốc hội về các công việc của mình thể hiện vai trò của Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất trong bộ máy nhà nước, Chính phủ là cơ quan cấp dưới nên phải có trách nhiệm báo cáo công việc và chịu sự giám sát của Quốc hội.

2/ Các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân chia quyền lực để thực hiện các nhiệm vụ riêng nhưng vẫn phải có sự phối hợp, giám sát lẫn nhau vì bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một thể thống nhất, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung và hướng đến những mục tiêu giống nhau. Các cơ quan phải có sự phối hợp, giám sát lẫn nhau để đảm bảo tất cả các lĩnh vực hoạt động của bộ máy nhà nước đều được thực hiện đúng, tránh các sai phạm làm ảnh hưởng đến hiệu quả chung trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

3/ Biểu hiện của tính quyền lực của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Tất cả các cơ quan trong hệ thống bộ máy nhà nước đều được Nhà nước trao các quyền cụ thể để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình. Các cơ quan sử dụng quyền lực nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ riêng, tuy nhiên giữa các cơ quan luôn có mối quan hệ, hỗ trợ nhau trong việc giải quyết công việc, cơ quan này giám sát cơ quan khác. Các cơ quan cấp dưới phải phục tùng, thực hiện các quyết định của cơ quan cấp trên.

*** Tính pháp quyền xã hội chủ nghĩa**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Trong thông tin 2, vì sao các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều phải tuân thủ Luật Phòng cháy, chữa cháy?

2/ Tính pháp quyền xã hội chủ nghĩa được biểu hiện như thế nào trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều phải tuân thủ Luật Phòng cháy, chữa cháy vì tất cả mọi người sinh sống, làm việc trên lãnh thổ Việt Nam đều có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật.

2/ Tính pháp quyền xã hội chủ nghĩa của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được biểu hiện: Tất cả các cơ quan trong bộ máy nhà nước đều được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật; Các cơ quan trong bộ máy nhà nước sử dụng pháp luật để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình nhằm quản lí nhà nước và xã hội.

Kết thúc hoạt động Khám phá, GV nhắc lại nội dung bài học thông qua các phần chốt kiến thức trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS củng cố tri thức vừa khám phá về nội dung bài học; Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trong việc thực hiện nghĩa vụ của công dân với bộ máy nhà nước.

b) **Tổ chức thực hiện:**

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập, lần lượt đọc các ý kiến trong SGK, sau đó chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của HS trả lời câu hỏi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Sai, vì chỉ có công dân Việt Nam, không bị giới hạn về năng lực xã hội (ví dụ: không bị giam giữ do vi phạm pháp luật) và đủ 21 tuổi trở lên mới có quyền ứng cử vào bộ máy nhà nước.

b. Đúng, vì tất cả cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam đều hoạt động vì mục đích chung là lợi ích của nhân dân, hoạt động theo quy định của pháp luật. Vì vậy, nhân dân có quyền khiếu nại, tố cáo nếu không đồng tình với các quyết định của các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

c. Đúng, vì bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức phân cấp. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước sử dụng quyền lực nhà nước được phân chia để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, cơ quan cấp dưới phải thực hiện chủ trương, quyết định của cơ quan cấp trên.

d. Sai, vì những vấn đề quan trọng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước được quyết định bởi tập thể, người lãnh đạo không được quyền tự ý quyết định.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với những hành vi nào sau đây? Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc các hành vi, chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của HS nhận xét từng hành vi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Đồng tình vì hành vi của N là đúng. Chia sẻ, bày tỏ quan điểm ủng hộ các bài viết có nội dung mang tính thời sự của các cơ quan trong bộ máy nhà nước là việc làm giúp mọi người biết, ủng hộ và thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước.

b. Đồng tình vì hành vi của D là đúng. Các tài liệu có nội dung tiêu cực về bộ máy nhà nước thường được các đối tượng phản động sử dụng để chống phá Nhà nước, đây là hành vi pháp luật nghiêm cấm. D từ chối in tài liệu là từ chối tiếp tay cho những hành vi xấu.

c. Không đồng tình vì hành vi của ông A là sai, không làm tròn trách nhiệm của một cán bộ nhà nước. Việc ông A giữ im lặng, không góp ý khiến lãnh đạo cơ quan không nhận ra sai phạm trong quyết định của mình để thu hồi, thay đổi. Điều đó có thể gây nên những hậu quả xấu về nhiều mặt, làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan và lợi ích của nhân dân.

d. Đồng tình vì việc làm của chính quyền địa phương C là đúng. Việc xây dựng dự án cho trẻ em nên xuất phát từ lợi ích, mong muốn của trẻ em. Khi lấy ý kiến của HS vào hoạt động đó sẽ phát huy được quyền làm chủ của các em đối với những vấn đề quan trọng có liên quan đến bản thân.

3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lý tình huống hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống ngay trong kịch bản.

– Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc các nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận:

a. Hành vi đọc những tin tức có nội dung sai lệch về cán bộ lãnh đạo cơ quan nhà nước trên mạng xã hội là sai trái. Vì vậy, K nên giải thích cho các bạn hậu quả của việc tuyên truyền những bài viết có nội dung xấu trên mạng xã hội (vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến đất nước,...) và khuyên các bạn không nên tiếp tục thực hiện hành vi sai trái đó nữa. Hoặc K có thể chia sẻ vấn đề với GV chủ nhiệm và nhờ thầy cô hỗ trợ,...

b. Việc các cán bộ tiếp dân tỏ ra đang bận việc, không nhiệt tình trả lời thắc mắc của bác cao tuổi là sai, không thực hiện trách nhiệm của một cán bộ nhà nước. Do đó, T nên nói chuyện với các cán bộ tiếp dân, nhắc lại vấn đề mà bác cao tuổi thắc mắc và đề nghị các cán bộ hỗ trợ. Hoặc T khiếu nại về thái độ của các cán bộ đó với các lãnh đạo xã để họ điều chỉnh, thay đổi.

c. Phòng cháy, chữa cháy là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Việc một số hộ dân từ chối kí bản cam kết phòng cháy, chữa cháy là không nên. Do đó, nếu chứng kiến sự việc, em nên giải thích cho mọi người hiểu trách nhiệm của bản thân trong việc phòng cháy, chữa cháy và vận động mọi người kí bản cam kết.

4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS tự giác áp dụng những điều đã học về đặc điểm, nguyên tắc tổ chức

và hoạt động của bộ máy nhà nước vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy viết một bài luận thể hiện vai trò của người dân trong việc góp phần xây dựng bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh.

2. Em hãy viết bài chia sẻ tác dụng tích cực của việc cải cách hành chính ở địa phương em.

– GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập ở nhà. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong một vài bạn trình bày sản phẩm của mình với cả lớp.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận chung.

Bài 21. QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC, CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (3 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc góp phần xây dựng Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ vững mạnh; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác đối với Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ; Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ bằng những hành vi phù hợp năng lực, độ tuổi và quy định của pháp luật; Đồng

tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật đối với Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm chống phá Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp và pháp luật.
- Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Một số hình ảnh, thông tin, khẩu hiệu, câu chuyện, tình huống,... có nội dung liên quan đến bài học;
- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm và sự hiểu biết ban đầu của HS về Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để dẫn dắt vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS kể một số hoạt động của Quốc hội (hoặc Chủ tịch nước, Chính phủ) trong thực tiễn và chia sẻ ý nghĩa của hoạt động đó.

– HS thực hiện yêu cầu.

– GV nhận xét và dẫn dắt: Một số hoạt động của Quốc hội (hoặc Chủ tịch nước, Chính phủ) trong cuộc sống thực tiễn mà các em vừa chia sẻ thể hiện chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Quốc hội (hoặc Chủ tịch nước, Chính phủ) đối với đất nước. Bài học sau đây sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ để từ đó thực hiện được những việc làm phù hợp, góp phần xây dựng bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU VỀ QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

a) **Mục tiêu:** HS nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) **Tổ chức thực hiện:**

* **Chức năng của Quốc hội**

• Chức năng lập hiến, lập pháp

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Quốc hội đã thực hiện chức năng lập pháp như thế nào trong kì họp thứ 9 Quốc hội khoá XIV?

2/ Chức năng lập hiến, lập pháp của Quốc hội được biểu hiện như thế nào?

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Quốc hội khoá XIV đã thực hiện chức năng lập pháp bằng việc thông qua 10 luật (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Luật Đầu tư (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Luật Doanh nghiệp (sửa đổi); Luật Hoà giải, đối thoại tại toà án; Luật Thanh niên (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp) tại kì họp thứ 9.

2/ Chức năng lập hiến của Quốc hội được biểu hiện thông qua hoạt động soạn thảo, sửa đổi, bổ sung, thông qua, ban hành Hiến pháp.

Ví dụ: Quốc hội ban hành Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013.

Chức năng lập pháp của Quốc hội được biểu hiện thông qua hoạt động lập chương trình xây dựng, soạn thảo, thẩm tra, lấy ý kiến, thông qua, ban hành các văn bản luật.

Ví dụ: Quốc hội ban hành Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

• Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Trong nhiệm kì Quốc hội khoá XIV, Quốc hội đã quyết định những vấn đề quan trọng nào của đất nước?

2/ Theo em, Quốc hội có quyền quyết định những vấn đề nào để thực hiện chức năng của mình? Nêu ví dụ minh hoạ.

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Trong nhiệm kì Quốc hội khoá XIV, Quốc hội đã quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước như: dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành; dự

án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2017 – 2020; đề án tổng thể phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030,...

2/ Để thực hiện chức năng của mình, Quốc hội có quyền quyết định các vấn đề như: Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế – xã hội của đất nước; Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các loại thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ Chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước; Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương và cơ quan khác do Quốc hội thành lập; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia. Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; Quyết định thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật; Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; Quyết định đại xá; Quy định hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước; Quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia; Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hoà bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội; Quyết định trưng cầu ý dân.

Ví dụ: Chủ tịch Quốc hội ký ban hành Nghị quyết số 1271/NQ-UBTVQH14 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sử dụng nguồn tiết kiệm chi và kinh phí còn lại của ngân sách Trung ương năm 2020. Theo đó, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết nghị sử

dụng 12 100 tỉ đồng nguồn tiết kiệm chi năm 2020 để mua vắc-xin phòng dịch COVID – 19. Theo Nghị quyết này, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương triển khai thực hiện nhanh chóng, kịp thời việc mua sắm vắc-xin phòng chống dịch COVID –19, đảm bảo hiệu quả, an toàn cho người dân và toàn xã hội.

- Chức năng giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Theo em, tại sao hoạt động của Nhà nước cần có sự giám sát của Quốc hội?

- GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

- GV nhận xét và kết luận: Quốc hội cần giám sát hoạt động của Nhà nước để đảm bảo các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước hoạt động đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm của mình; đảm bảo lợi ích của nhân dân và đất nước; kịp thời phát hiện và ngăn chặn các sai phạm không mong muốn,...

*** Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội**

- Cơ cấu tổ chức

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát sơ đồ, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Theo em, có thể thay đổi vị trí của các thành phần trong sơ đồ trên được không? Vì sao?

- GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

- GV nhận xét và chốt kiến thức: Quốc hội có cơ cấu tổ chức được quy định tại Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Mỗi cơ quan, cá nhân trong Quốc hội giữ một vị trí, vai trò riêng và nó được thể hiện rõ trên sơ đồ, vì vậy chúng ta không thể tự ý thay đổi vị trí các thành phần trong sơ đồ.

- Hình thức hoạt động của Quốc hội

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết, kì họp của Quốc hội có phải là hình thức hoạt động của Quốc hội không? Vì sao?

2/ Nêu các hình thức hoạt động của Quốc hội mà em biết.

- GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

- GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Kì họp là một hình thức hoạt động của Quốc hội. Kì họp là nơi biểu hiện trực tiếp và tập trung nhất quyền lực nhà nước của cơ quan đại biểu cao nhất, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; nơi thể hiện trí tuệ tập thể của đại biểu Quốc hội. Tại kì họp, Quốc hội thực hiện đầy đủ các chức năng lập hiến, lập pháp, thảo luận dân chủ và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước.

2/ Các hình thức hoạt động của Quốc hội: kì họp Quốc hội, phiên họp Quốc hội, cuộc họp Quốc hội.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

a) **Mục tiêu:** HS nêu được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức hoạt động của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) **Tổ chức thực hiện:**

** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong từng mục ở SGK (có thể kết hợp chiếu các hình ảnh, clip liên quan như hình ảnh, clip hoạt động của Chủ tịch nước để HS quan sát và làm phong phú nội dung bài học) và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết, các thông tin trên đề cập đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì của Chủ tịch nước.

– GV chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của HS trả lời câu hỏi. Các HS còn lại nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và chốt kiến thức: Các thông tin trên đề cập đến những nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước: Công bố luật, pháp lệnh đã được Quốc hội thông qua; Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước; Tìm hiểu, chia sẻ, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; Bổ nhiệm đại sứ Việt Nam tại nước ngoài.

** Hình thức hoạt động*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Dựa vào các thông tin trên, em hãy cho biết hình thức hoạt động của Chủ tịch nước là gì.

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức: Chủ tịch nước hoạt động thông qua hình thức hoạt động cá nhân trực tiếp, thông qua việc ban hành lệnh, quyết định cho các cơ quan khác triển khai thực hiện hoặc uỷ nhiệm cho Phó Chủ tịch nước thực hiện thay một số nhiệm vụ.

Hoạt động 3. TÌM HIỂU CHỨC NĂNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

a) **Mục tiêu:** HS nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) **Tổ chức thực hiện:**

** Chức năng của Chính phủ*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2017/NĐ-CP thể hiện chức năng gì?

2/ Vì sao Chính phủ phải báo cáo với Quốc hội ở phiên họp, kì họp của Quốc hội?

3/ Chức năng hành pháp của Chính phủ là gì? Vì sao Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội?

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2017/NĐ–CP thể hiện chức năng hành pháp của Chính phủ.

2/ Chính phủ phải báo cáo với Quốc hội ở phiên họp, kì họp của Quốc hội vì Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, chịu sự giám sát của Quốc hội.

3/ Chính phủ tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chức năng hành pháp của Chính phủ được thể hiện qua các phương diện như: đề xuất, xây dựng chính sách vĩ mô, đề xuất định hướng phát triển kinh tế – xã hội, đề xuất dự thảo luật trình Quốc hội; ban hành chính sách, kế hoạch cụ thể theo thẩm quyền, ban hành các văn bản dưới luật để thực thi các chủ trương, chính sách, văn bản do Quốc hội ban hành; tổ chức thực hiện pháp luật; thiết lập trật tự hành chính, thống nhất quản lí nền hành chính quốc gia trên cơ sở quy định của pháp luật,...

Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội vì Chính phủ do Quốc hội bầu ra, chịu sự giám sát của Quốc hội.

*** Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chính phủ**

• Cơ cấu tổ chức

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát sơ đồ trong SGK và trả lời câu hỏi: Dựa vào sơ đồ 2, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức của Chính phủ. Kể tên các bộ và cơ quan ngang bộ của nước ta hiện nay.

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

+ Chính phủ gồm: Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ gồm các bộ, cơ quan ngang bộ.

+ Các bộ và cơ quan ngang bộ hiện nay của nước ta: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ, Văn phòng Chính phủ.

• Hình thức hoạt động

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Chính phủ hoạt động theo hình thức nào?

2/ Việc Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số thể hiện nguyên tắc gì trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Chính phủ hoạt động theo ba hình thức: thông qua các phiên họp của Chính phủ, thông qua hoạt động của Thủ tướng Chính phủ, thông qua hoạt động của bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

2/ Việc Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số thể hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức đã học; Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến nội dung bài học; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân để thực hiện nghĩa vụ của công dân đối với Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ.

b) **Tổ chức thực hiện:**

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc các ý kiến trong SGK, sau đó chỉ định HS đưa ra câu trả lời của bản thân. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Đúng, vì Quốc hội thực hiện quyền lập pháp bằng cách trực tiếp xây dựng, thảo luận, thông qua các văn bản pháp luật hoặc thảo luận, thông qua các văn bản pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền soạn thảo, xây dựng.

b. Sai, vì chỉ có công dân từ đủ 18 tuổi trở lên mới được tham gia biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân.

c. Đúng, vì nhân dân bầu ra đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ là đại biểu Quốc hội và được các đại biểu Quốc hội khác bầu nên. Do đó, nhân dân là người gián tiếp bầu ra Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ.

2. Em có nhận xét gì về hành vi của mỗi nhân vật trong những tình huống sau?

– GV nêu yêu cầu bài tập, hướng dẫn HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu bài tập.

– GV mời HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

a. Hành vi của B là đúng. Việc làm của B giúp người dân hiểu rõ và chính xác quy định quản lí, sử dụng pháo của Chính phủ.

b. Hành vi của A là đúng đắn, rất đáng noi theo. Việc xem tường thuật phiên chất vấn của đại biểu Quốc hội giúp A có thêm nhiều thông tin bổ ích về tình hình đất nước.

c. Hành vi của bà N là sai, đáng phê phán. Không ai có quyền được bỏ phiếu bầu cử thay người khác, trừ một số trường hợp theo luật định.

d. Việc làm của K là đúng vì thực hiện tốt trách nhiệm, nghĩa vụ công dân đối với các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

3. Em hãy xử lí các tình huống sau:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lí tình huống hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lí tình huống ngay trong kịch bản.

– Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc các nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận:

a. Ý kiến của H như vậy là sai, Đ nên giải thích cho H hiểu về vai trò của Quốc hội đối với đất nước và đối với nhân dân nói chung và đối với HS nói riêng. Đồng thời, khuyên Đ nên tìm hiểu những thông tin về Quốc hội để phục vụ cho học tập cũng như cuộc sống.

b. V nên giải thích, góp ý để chú H hiểu đúng về vị trí, vai trò của một số lãnh đạo trong bộ máy nhà nước.

4. Em hãy tìm hiểu và cho biết Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ của nước ta hiện nay là ai.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về một cơ quan.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét, góp ý và bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận chung.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp HS tự giác áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em và các bạn hãy liệt kê các việc HS có thể làm để góp phần ủng hộ các chính sách của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đối với người dân ở địa phương em.

– GV yêu cầu HS ghép nhóm, thực hiện yêu cầu bài tập và gọi một vài nhóm chia sẻ kết quả với cả lớp. Các HS khác bổ sung, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận chung.

2. Em hãy viết một bài luận về ý nghĩa của việc Quốc hội tổ chức lấy ý kiến nhân dân khi làm Hiến pháp và chia sẻ sản phẩm với cả lớp.

– GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập ở nhà. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong một vài bạn trình bày sản phẩm của mình với cả lớp.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận chung.

Bài 22. TOÀ ÁN NHÂN DÂN VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN (2 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc góp phần xây dựng Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân vững mạnh; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác đối với Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân; Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi phù hợp năng lực, độ tuổi và quy định của pháp luật; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật đối với Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm chống phá Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

3. Về phẩm chất

– Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật.

– Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định của Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Một số hình ảnh, thông tin, khẩu hiệu, câu chuyện, tình huống.... có nội dung liên quan đến bài học;
- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khai thác trải nghiệm, sự hiểu biết ban đầu của HS về Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân để dẫn vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV cho HS xem một số hình ảnh hoặc clip phiên toà xét xử và nêu yêu cầu: Em hãy chia sẻ những hiểu biết về Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

– HS thực hiện yêu cầu.

– GV nhận xét và dẫn dắt: Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân là hai cơ quan giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hoạt động của hai cơ quan này gắn liền với việc bảo vệ lợi ích của đất nước, của nhân dân và góp phần nâng cao nhận thức về pháp luật cho mọi người. Bài học này sẽ cung cấp cho các em những thông tin cơ bản về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân để các em nâng cao hiểu biết và có thể thực hiện nghĩa vụ đối với các cơ quan này bằng những hành vi, việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi và quy định của pháp luật.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU VỀ TOÀ ÁN NHÂN DÂN

a) Mục tiêu: HS nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân.

b) Tổ chức thực hiện:

*** Chức năng của Toà án nhân dân**

– GV yêu cầu HS làm việc, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Toà án nước ta đã thực hiện các hoạt động xét xử nhằm mục đích gì?

2/ Theo em, Toà án nhân dân có những vai trò gì?

– GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Hoạt động xét xử của Toà án nhằm mục đích thực hiện quyền tư pháp, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của đất nước.

2/ Toà án thực hiện quyền tư pháp để bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp

pháp của tổ chức, cá nhân; góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

*** Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân**

– GV yêu cầu HS làm việc, quan sát sơ đồ, hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi: Dựa vào sơ đồ 1 và hình 1, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân.

– GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

+ Tòa án nhân dân được tổ chức thành: Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao; Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Tòa án quân sự các cấp (Tòa án quân sự trung ương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực).

+ Tòa án nhân dân được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử. Tòa án xét xử công khai, trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, Tòa án nhân dân có thể xét xử kín. Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU VỀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

a) **Mục tiêu:** HS nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân.

b) Tổ chức thực hiện:

*** Chức năng của Viện kiểm sát nhân dân**

• Chức năng thực hành quyền công tố

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Từ các thông tin trên, em hãy cho biết Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hiện chức năng gì.

2/ Chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân là gì?

3/ Nêu ví dụ về việc Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng thực hành quyền công tố tại một phiên tòa.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị mức án cho cặp vợ chồng bạo hành con gái thể hiện chức năng thực hành quyền công tố tại phiên tòa (cụ thể là hoạt động buộc tội bị cáo).

2/ Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện

ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Hoạt động thực hành quyền công tố bao gồm: Khởi tố bị can (để có được quyết định khởi tố bị can, cơ quan công tố phải khởi tố vụ án và điều tra, xác minh); Truy tố bị can ra trước toà án trên cơ sở kết quả điều tra vụ án và chứng minh được người phạm tội; Buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội trước phiên toà bằng cách công bố bản cáo trạng, tham gia xét hỏi, trình bày lời luận tội và tranh luận trước phiên toà sơ thẩm (nếu vụ án bị kháng cáo hoặc kháng nghị thì có mặt để tham gia xét hỏi và trình bày lời kết luận về kháng cáo, kháng nghị trước phiên toà phúc thẩm).

3/ Ví dụ về việc Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng thực hành quyền công tố tại một phiên toà: Kiểm sát viên luận tội, buộc tội bị cáo tại phiên toà.

- Chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin, quan sát hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi: Em hiểu thế nào về chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân? Nêu ví dụ minh hoạ.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác góp ý, bổ sung.

- GV nhận xét và chốt kiến thức:

- + Kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- + Ví dụ: Kiểm sát viên kiểm sát hoạt động khám xét nơi ở của nghi phạm, kiểm sát hoạt động thu thập chứng cứ tại hiện trường vụ án của cơ quan điều tra,...

- * **Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát sơ đồ, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Dựa vào sơ đồ 2 và thông tin trên, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân.

- GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

- GV nhận xét và chốt kiến thức:

- + Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự các cấp (Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát quân sự khu vực và tương đương, Viện kiểm sát quân sự khu vực).

- + Viện kiểm sát nhân dân do Viện trưởng lãnh đạo. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp trên. Viện trưởng

các Viện kiểm sát cấp dưới chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Kết thúc hoạt động Khám phá, GV nhắc lại nội dung bài học ở phần chốt kiến thức trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố tri thức vừa khám phá về Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh thái độ, hành vi thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy cho biết các ý kiến dưới đây đúng hay sai. Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập, lần lượt đọc các ý kiến trong SGK, sau đó chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của HS trả lời câu hỏi.

+ Các HS khác nhận xét, góp ý.

+ GV nhận xét và kết luận:

a. Sai, vì Toà án nhân dân được phân chia thành các cấp (Toà án nhân dân huyện, Toà án nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân cấp cao, Toà án nhân dân tối cao,... và Toà án chuyên trách), do đó khi cần, người dân cần nộp đơn ở toà án phù hợp để được giải quyết vấn đề của bản thân.

b. Đúng, vì Viện kiểm sát nhân dân là một bộ phận của bộ máy nhà nước, được tổ chức và hoạt động theo pháp luật. Viện kiểm sát cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, xử lí nghiêm minh vi phạm pháp luật của Viện kiểm sát cấp dưới. Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên có quyền rút, đình chỉ, huỷ bỏ quyết định trái pháp luật của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới. Do đó, nếu không chấp thuận, đồng tình với quyết định của Viện kiểm sát, người dân có thể khiếu nại lên Viện kiểm sát cấp cao hơn.

c. Đúng, vì một số phiên toà liên quan đến trẻ em cần bảo mật những thông tin liên quan đến trẻ em để tránh gây ảnh hưởng tới cuộc sống hoặc tương lai sau này của trẻ em nên được xét xử kín.

d. Sai, vì trong một số trường hợp, bản án của Toà án có thể xảy ra sai sót và sẽ được huỷ bỏ.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi nào sau đây? Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập, hướng dẫn HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu bài tập.

– GV mời HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Không đồng tình vì hành vi của cán bộ Viện kiểm sát A là sai, vi phạm pháp luật, đáng bị phê phán. Hành vi đó đã tiết lộ các thông tin của vụ án, có thể sẽ gây ảnh hưởng xấu đến quá trình điều tra vụ án.

b. Đồng tình vì hành vi của chị B là đúng, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân trong công việc, đảm bảo quyền lợi của nhân dân.

c. Đồng tình vì thông qua các phiên tòa giả định về bạo lực học đường, HS được cung cấp kiến thức bổ ích về pháp luật, nâng cao ý thức trong phòng, chống bạo lực học đường.

d. Đồng tình vì việc làm của ông N có thể sẽ hỗ trợ kiểm sát viên phát hiện một số sai sót (nếu có) và đưa ra những quyết định chính xác hơn.

3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lý tình huống hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống ngay trong kịch bản.

– Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc các nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận:

a. Suy nghĩ của B là không đúng, N nên giải thích cho B hiểu việc đi xem xét xử vụ án ma túy sẽ giúp nâng cao nhận thức về pháp luật và những vấn đề liên quan, có thể giúp bản thân và những người xung quanh tránh phạm phải những sai lầm tương tự trong tương lai. N nên thuyết phục B cùng đi xem.

b. Suy nghĩ của mẹ H là sai lầm và có thể dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật. H nên giải thích để mẹ hiểu anh trai đã làm sai nên cần phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, đây cũng là cơ hội để anh được uốn nắn, thay đổi hành vi, sống tích cực hơn. Khuyến mẹ không nên nhờ người làm giả giấy tờ, cung cấp lời khai giả vì đây là những hành vi trái với quy định của pháp luật và nếu mẹ H cố tình thực hiện thì có thể bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS tự giác vận dụng những kiến thức đã học về Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy viết bài luận tuyên truyền nhiệm vụ bảo vệ công lý của Tòa án nhân dân và chia sẻ với thầy cô cùng các bạn.

2. Em hãy viết bài luận tuyên truyền chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân nhằm đảm bảo xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật.

– GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập ở nhà. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong một vài bạn trình bày sản phẩm của mình với cả lớp.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận chung.

Bài 23. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN (2 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc góp phần xây dựng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân vững mạnh; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân bằng những hành vi phù hợp năng lực, độ tuổi và quy định của pháp luật; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm chống phá Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật.
- Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết, quyết định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Một số hình ảnh, thông tin, khẩu hiệu, câu chuyện, tình huống,... có nội dung liên quan đến bài học;

- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Khai thác vốn sống, trải nghiệm và sự hiểu biết ban đầu của HS về Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để dẫn dắt vào bài học mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

– GV yêu cầu HS chia sẻ một số hoạt động của Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi em sinh sống và cho biết ý nghĩa của hoạt động đó.

– HS thực hiện yêu cầu.

– GV nhận xét và dẫn dắt: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân là bộ máy chính quyền ở địa phương, gần bó trực tiếp với đời sống nhân dân. Đây là hai cơ quan có vai trò quan trọng và có nhiều đóng góp thiết thực vào việc phát triển kinh tế – xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bài học này sẽ giúp các em tìm hiểu về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để hiểu rõ hơn về bộ máy chính quyền địa phương của nước ta và có những việc làm phù hợp để thực hiện quyền và nghĩa vụ của bản thân đối với các cơ quan này.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. TÌM HIỂU VỀ CHỨC NĂNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

a) **Mục tiêu:** HS nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân.

b) **Tổ chức thực hiện:**

** Chức năng của Hội đồng nhân dân*

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Hội đồng nhân dân thành phố X đã thực hiện chức năng như thế nào?

2/ Từ thông tin trên, em hãy cho biết Hội đồng nhân dân có chức năng gì. Em hiểu như thế nào về chức năng này?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác bổ sung, góp ý.

– GV nhận xét và chốt nội dung:

1/ Hội đồng nhân dân thành phố X đã xem xét về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế – xã hội, an ninh, quốc phòng 6 tháng đầu năm; quyết định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế – xã hội, an ninh, quốc phòng, thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 của thành phố; quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền.

2/ Chức năng của Hội đồng nhân dân:

+ Hội đồng nhân dân quyết định những vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

+ Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương như: các biện pháp khác để phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật; quyết định biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn,...

+ Hội đồng nhân dân thực hiện việc giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của cấp trên; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp và văn bản của Hội đồng nhân dân cấp dưới. Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát thông qua các hoạt động như: xem báo cáo công tác, xem xét trả lời chất vấn, thành lập đoàn giám sát,...

*** Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát sơ đồ trong SGK và trả lời câu hỏi: Dựa vào sơ đồ 1, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân.

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung, góp ý.

– GV nhận xét và chốt nội dung:

+ Hội đồng nhân dân được tổ chức gồm: Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân.

+ Thường trực Hội đồng nhân dân có cơ cấu tổ chức gồm: Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên.

+ Các Ban của Hội đồng nhân dân gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên

*** Hoạt động của Hội đồng nhân dân**

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Hội đồng nhân dân hoạt động theo hình thức nào? Hình thức hoạt động đó thể hiện nguyên tắc nào trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và chốt kiến thức: Hội đồng nhân dân hoạt động theo hình thức các kỳ họp, phiên họp, cuộc họp công khai. Hình thức hoạt động này thể hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Lưu ý: GV có thể kết hợp chiếu các hình ảnh, clip liên quan tới hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp để HS quan sát và làm phong phú nội dung bài học.

Hoạt động 2. TÌM HIỂU CHỨC NĂNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

a) **Mục tiêu:** HS nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân.

b) **Tổ chức thực hiện:**

** Chức năng của Ủy ban nhân dân*

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh X đã thực hiện chức năng của mình như thế nào?

2/ Từ thông tin trên, em hãy cho biết Ủy ban nhân dân có chức năng gì. Em hiểu như thế nào về chức năng này?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh X đã thực hiện chức năng của mình bằng việc ban hành công văn triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đề nghị các cơ quan Đảng, đoàn thể trên địa bàn tỉnh kịp thời phổ biến, quán triệt, triển khai nội dung của Nghị quyết.

2/ Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

** Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát sơ đồ trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Dựa vào sơ đồ 2, em hãy nêu cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân.

2/ Kể tên một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân địa phương em.

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và chốt kiến thức:

1/ Ủy ban nhân dân gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên phụ trách cơ quan chuyên môn, Ủy viên phụ trách công an, Ủy viên phụ trách quân sự.

2/ Một số cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân: Ban Địa chính, xây dựng; Ban Tư pháp, hộ tịch; Ban Văn hoá – Xã hội, Ban Tài chính, ngân sách,...

** Hoạt động của Ủy ban nhân dân*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Ủy ban nhân dân hoạt động theo hình thức nào? Nêu ví dụ minh họa.

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và chốt kiến thức: Ủy ban nhân dân hoạt động tập thể thông qua các

cuộc họp thường kì hằng tháng hoặc các cuộc họp chuyên đề khi có việc phát sinh; hoạt động thông qua hoạt động cá nhân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các thành viên khác trong Ủy ban nhân dân.

Ví dụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thay mặt chính quyền địa phương tham dự hoạt động khai giảng ở trường học.

Lưu ý: Có thể kết hợp chiếu các hình ảnh, clip liên quan tới hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp để HS quan sát và làm phong phú nội dung bài học.

Kết thúc hoạt động Khám phá, GV nhắc lại nội dung bài học ở phần chốt kiến thức trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố tri thức vừa khám phá về Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trong việc thực hiện nghĩa vụ của bản thân với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập, lần lượt đọc các ý kiến trong SGK, sau đó chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của HS trả lời câu hỏi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Đúng, vì Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

b. Sai, vì Hội đồng nhân dân ở các địa phương có cơ cấu tổ chức giống nhau nhưng số lượng thành viên khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm, tính chất của từng vùng.

c. Đúng, vì nhân dân bỏ phiếu bầu ra các đại biểu Hội đồng nhân dân, nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua hoạt động của các đại biểu Hội đồng nhân dân.

d. Sai, vì khi quyết định các vấn đề quan trọng của cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phải thông qua ý kiến của tập thể.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với các hành vi nào sau đây? Vì sao?

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc các hành vi, chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của HS nhận xét từng hành vi.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

a. Không đồng tình, vì hành vi của anh T là sai, chưa thực hiện đúng quyền và trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng và phát triển bộ máy nhà nước. Hành vi đó khiến kết quả bầu cử bị ảnh hưởng, việc lựa chọn đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương không công bằng và đạt hiệu quả không cao.

b. Đồng tình, vì việc làm của các cán bộ thuộc Ủy ban nhân dân xã A là đúng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân địa phương.

c. Đồng tình, vì hành vi của ông H là đúng đắn, tôn trọng và chấp hành pháp luật, không lợi dụng chức vụ để giải quyết việc riêng.

d. Đồng tình, vì việc làm của M phát huy tinh thần làm chủ, phát huy trách nhiệm của HS trong việc quyết định những vấn đề liên quan đến bản thân tại địa phương.

3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lý tình huống hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống ngay trong kịch bản.

– Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc các nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận:

a. Việc mẹ T làm hộ T các thủ tục hành chính sẽ khiến T mất đi cơ hội để nâng cao hiểu biết, rèn luyện kĩ năng của bản thân. Do đó, T nên giải thích cho mẹ hiểu về quyền và mong muốn của bản thân, thuyết phục mẹ hướng dẫn mình tự tới Ủy ban nhân dân xã để thực hiện các thủ tục hành chính khi cần để rèn luyện thêm kĩ năng, bổ sung thêm kiến thức phục vụ cho học tập và cuộc sống.

b. Việc cán bộ thôn mời H tham dự cuộc họp để lấy ý kiến đóng góp về việc xây dựng chương trình, chính sách cho trẻ em trong tỉnh là một việc làm tích cực, phát huy quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân, tạo điều kiện cho trẻ em được tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề của chính mình. Do đó, em nên giải thích cho H hiểu tầm quan trọng của việc trẻ em được tham gia đóng góp ý kiến trong việc xây dựng các chương trình, chính sách cho trẻ em ở địa phương, khuyên H nên tham gia cuộc họp để nói lên tâm tư, nguyện vọng của bản thân để đảm bảo quyền và lợi ích của bản thân cũng như những trẻ em khác.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS tự giác vận dụng những kiến thức đã học về Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) bày tỏ nguyện vọng của bản thân về quyền trẻ em để gửi tới đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện nơi em đang sinh sống.

2. Em hãy tìm hiểu và viết bài luận về việc thực hiện thủ tục hành chính một cửa ở Ủy ban nhân dân xã/ phường nơi em sinh sống.

– GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập ở nhà. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong một vài bạn trình bày sản phẩm của mình với cả lớp.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận chung.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN TẤT THẮNG – HOÀNG KIM LIÊN

Thiết kế sách: VŨ XUÂN NHỰ

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ,
chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản
của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: G1HGXY001H22

In cuốn (QĐ SLK), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in

Số ĐKXB: 520-2022/CXBIPH/79-280/GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm

Mã số ISBN: 978-604-0-31768-1

nguyenvantrinhos.com



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 10 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 10, tập một – SGK
2. Ngữ văn 10, tập hai – SGK
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 – SGK
4. Toán 10 – SGK
5. Chuyên đề học tập Toán 10 – SGK
6. Lịch sử 10 – SGK
7. Chuyên đề học tập Lịch sử 10 – SGK
8. Địa lí 10 – SGK
9. Chuyên đề học tập Địa lí 10 – SGK
10. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 – SGK
11. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 – SGK
12. Vật lí 10 – SGK
13. Chuyên đề học tập Vật lí 10 – SGK
14. Hoá học 10 – SGK
15. Chuyên đề học tập Hoá học 10 – SGK
16. Sinh học 10 – SGK
17. Chuyên đề học tập Sinh học 10 – SGK
18. Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ – SGK
19. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ – SGK
20. Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt – SGK
21. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt – SGK
22. Tin học 10 – SGK
23. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Tin học ứng dụng – SGK
24. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Khoa học máy tính – SGK
25. Mĩ thuật 10 – SGK
26. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 10 – SGK
27. Âm nhạc 10 – SGK
28. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10 – SGK
29. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 – SGK
30. Giáo dục thể chất 10 – Bóng chuyền – SGK
31. Giáo dục thể chất 10 – Bóng đá – SGK
32. Giáo dục thể chất 10 – Cầu lông – SGK
33. Giáo dục thể chất 10 – Bóng rổ – SGK
34. Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 – SGK
35. Tiếng Anh 10 – Global Success – SGK

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khóa.



ISBN 978-604-0-31768-1



9 786040 317681

Giá: 41.000 đ